

VĂN ĐỀ

XUÂN KỶ DẬU

số 19 và 20 ● tháng 2 và 3-1969.

NGUYỄN TẤN LINH : những nét lớn chính trị 1968 (tr. 1). THÍCH ĐỨC NHUẬN : những đóng góp của Đạo Phật với dân tộc và nhân loại (tr. 11). MAI THẢO : thư cho một người bạn (tr. 24). PHẠM CÔNG THIÊN : mặt trời vẫn còn đỏ (tr. 33). TRẦN THANH HIỆP : viên tượng (tr. 40). NGUYỄN QUANG HIỆN : sự bí mật của ngày tháng (tr. 41). VIÊN LINH : sinh nhật (tr. 46). HUỖNH PHAN ANH : một chỗ không người (tr. 48). Nhìn lại một năm văn học nghệ thuật : MAI THẢO, TÔ THUY YÊN, THÁI TUẤN, VIÊN LINH, TÚY HỒNG, VŨ KHẮC KHOAN MẶC ĐỒ, LŨ HỒ, THANH TÂM TUYỀN : và buổi mai này của em (tr. 65). CUNG TÍCH BIÊN : ngoại lai (tr. 71). PHẠM THIÊN THỦ : chiếc ghế bành nhung đỏ (tr. 88). NHẬT TIẾN : trong đêm đen trừ tịch (tr. 109). NGUYỄN ĐÌNH TOÀN : hương mật đêm buồn (tr. 119). PHAN LẠC TIẾP : rừng bên kia sông (tr. 126). SỞ DA HƯƠNG : hồi bắt đầu đi làm (tr. 137). NGUYỄN THỊ HOÀNG : đất hứa (tr. 143). LŨ HỒ thất bại (tr. 167). KIẾT TẤN : khi nhớ tới Anne Frank (tr. 183). ĐOÀN QUỐC SỸ : khe mây (tr. 192).

NGUYỄN TẤN LINH

những nét lớn chính trị 1968

Từ mười năm nay, chưa có năm nào mà nội dung chính trị lại tạo được một ảnh hưởng quan trọng đến Việt Nam bằng năm 1968.

Mở đầu bằng niềm hân hoan của con người đón mừng một năm mới, nó đã nhuộm màu tang tóc và máu lửa ở Việt Nam với vụ Tổng Công Kích Mậu Thân của Việt cộng. Nó cũng báo hiệu sự sôi sục với mùa xuân thay đổi lãnh đạo ở Tiệp khác. Hậu quả về phía Xã hội là Hội nghị của Cộng sản Quốc tế tại Budapest.. Về phía Dân chủ là việc chuẩn bị Hòa bình bằng vụ ngưng oanh tạc Bắc Việt một phần vào 31-3 và toàn diện vào 31-10. Hội nghị Ba lê mở ra ngày 13-5 đã kéo dài đến cuối năm và chỉ hứa hẹn một sự thu xếp từ 18-1. Trong khi đó, sự can thiệp của Nga sô vào nội bộ Tiệp và việc bầu cử Tổng thống Mỹ đã nhiều lúc làm lu mờ yếu tố chính trị khác.

Năm trong trận đồ thế giới, tuy không phải là chiến trường độc nhất của cuộc tranh chấp quốc tế giữa hai phe xã hội và dân chủ, với những đường nét quan hệ vô thường do những tranh chấp nội bộ ở mỗi phe, do tình hình chính trị và quyền lợi

của những đại cường lãnh đạo tạo ra» (1), Việt nam cần khách quan bình tĩnh nhận định mọi khía cạnh đặc biệt nêu trên về trình hình chính trị 68, ngõ hầu dự đoán được cương vị tương lai của mình.

MÙA XUÂN TIỆP KHẮC.

Xứ Tiệp xa xôi chỉ được người dân Việt, nhất là giới quân sự biết đến qua các vũ khí viện trợ cho Bắc Việt, đã mở màn cho năm chính trị 68. Từ tưng trong các giáo điều cộng sản, dân Tiệp muốn dứt bỏ mọi ràng buộc để tiến bước trên đường dân chủ tự do. Ngày 5-1, sự thay đổi lãnh đạo phản ánh sự khao khát cải cách.

Niềm phấn khởi đối với những người có nhiệt huyết kéo dài được tám tháng. Ngày 20-8, không thể làm ngơ trước phong trào cải cách mạnh mẽ ở Tiệp và đe dọa làm tan vỡ khối cộng, Nga xô kéo quân của mình ước Varsovie vào ngăn chặn.

Mặc dù gặp nhiều chống đối ở quốc nội với sự tập hợp và toan tính biểu tình của nhiều thành phần chân chính tại công trường mỏ, ở quốc ngoại với sự chống đối của các cộng đảng Tây Âu, Albanie, Nam Tư, Nhật Bản... Nga xô đã tạm thời thành công trong việc ký kết một thỏa ước với chính quyền. Thỏa ước đã sửa đổi số lớn thành phần lãnh đạo để đóng quân trên đất Tiệp ngõ hầu trực tiếp giám sát và ngăn chặn mọi hành động đi ra ngoài đường lối xã hội chủ nghĩa.

Sự thành công dù tạm bợ này đã được đặt thành vấn đề:

(1) Nguyễn Sỹ Tế, Vấn Đề số 19 tháng 12-1968.

xuân kỷ dân

phải chăng có sự thỏa hiệp ngầm ngầm là không can thiệp vào nội bộ mỗi phe? Hoặc: sự rảnh tay tự do hành động của Nga Xô đã được đổi chác với một nhượng bộ nào đó ở Việt Nam?

Liệu sự phá vỡ bề tặc cho Hội Nghị Ba Lê với việc thuyết phục Việt cộng chấp nhận hình thể cái bàn có phải là dấu hiệu mở đầu cho sự đổi chác đó không?

Tình hình nghiêm trọng hiện nay ở Tiệp với cái chết của anh viên Jan Palach tự thiêu để phản đối các hành động thân Nga và sự hiện diện của Nga trên đất tiệp, kèm theo đó là vụ tự thiêu của một công nhân Tiệp, liệu có phải là yếu tố mới cho sự mà cả không?

MÙA XUÂN VIỆT NAM

Đêm 29 - 1 - 68 tức 30 TẾT Việt cộng mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa Mậu thân của chúng bằng việc đồng loạt tấn công vào thị xã thuộc vùng 2 chiến thuật (Qui nhơn, Kontum, Pleiku, Darlac, Nha Trang)

24 giờ sau tức đêm mùng 1 tết địch tấn công vào những binh lý miền Trung, Cao Nguyên, đô thành Sài gòn Chợ lớn và các tỉnh miền Nam.

Hậu phương thanh bình đã trở thành tiền tuyến. Việt cộng là trắng trợn vi phạm lệnh hưu chiến 7 ngày do chính chúng đề ra. Sự phản bội của chúng, tuy có gây nên đồ vỡ và chết chóc trên hầu hết miền Nam, đã không mang lại kết quả mà chúng mong ước: chiếm đoạt miền Nam bằng vũ lực. Ngược lại

chúng đã phải trả một giá quá đắt về nhân mạng cũng như vũ khí bị phá hủy hay bị tịch thu.

Sự đụng độ với quân dân miền Nam trên một bình diện đại qu mô đã làm tan vỡ mộng xâm lăng của Cộng sản chính đây là yếu tố quyết định Việt cộng chịu ngồi vào bàn nghị hoà với chúng ta.

HỘI NGHỊ QUỐC TẾ CỘNG SẢN :

Việc cự mệnh của Tiệp là một dấu hiệu bất an trong khối Cộng. Nó có thể mở đầu cho các rạn nứt tương lai. Nga s đã tiếp xúc với nhiều lãnh tụ cộng sản thế giới tại Mạc tư khoa Nga sô cũng đề cử tham dự hội nghị cộng đảng lần thứ Năm của Ba lan tại Varsovie một phái đoàn thượng đỉnh gồm o Brejnev và Kossiguine đề gặp gỡ hơn 30 cộng đảng anh em khác kết quả là hành động của Nga tại Tiệp và đường hướng do Nga đặt ra không được toàn thể hội nghị ủng hộ trừ một phần lãnh tụ Ba Lan và các nhà lãnh đạo Đông Đức.

Nga sô lại tích cực vận động cho Hội Nghị thượng đỉnh cộng đảng thế giới định vào ngày 25-11 ở Mạc tư khoa. Uy tín của Nga đã bị sút mẻ, sự tín nhiệm không còn trọn vẹn ở Varsovie nên Hội Nghị CS quốc tế trên đã gặp nhiều trở ngại : cộng đảng họp ở Budapest ngày 18-11, trong kỳ gặp gỡ chuẩn bị đã quyết định hoãn Hội Nghị thượng đỉnh Cộng đảng thế giới tới tháng 5 năm 1969.

Sự bối rối và chia rẽ này của phe Cộng cũng là một yếu tố

thúc đẩy Việt cộng sớm chấm dứt chiến tranh Việt Nam, khi chúng biết không thể chiến thắng được bằng vũ lực và khi chúng ý thức được rằng : các cộng đảng gặp nhiều khó khăn về đối ngoại cũng như đối nội sẽ không giúp chúng nhiều hơn được nữa. Sự kéo dài chỉ làm chúng kiệt quệ thêm.

VIỆC NGUNG OANH TẠC BẮC VIỆT

Chiến tranh Việt Nam đã gây tổn kém về sinh mạng và tài sản cho Mỹ không nhỏ. Tính chất của nền dân chủ lại cho phép cả những kẻ chống đối chính quyền Johnson đưa ra ý kiến về vấn đề lãnh đạo quốc gia, trong đó có có vấn đề chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Họ cho cuộc chiến đã kéo dài quá lâu. Dân tộc mới và trẻ như Hoa Kỳ không biết chờ đợi lâu dài.

Đề thỏa mãn những đòi hỏi đó, đề xoa dịu những chống đối, tổng thống Johnson đã thể hiện ý chí mong muốn hòa bình bằng lệnh ngừng oanh tạc một phần lãnh thổ Bắc Việt vào 31-3-68.

Hậu quả của hành động trên song song với các cuộc vận động ở Vạn Tường và Varsovie là việc Bắc Việt chịu ngồi vào bàn Hội Nghị với Hoa Kỳ ngày 13-5-1968. Hoa kỳ xé lẻ hợp rị 13 với Việt Cộng. Nhờ vậy bạn đồng minh được Việt Nam mời đến chống xâm lăng đã tự ý đứng ra điều đình với quân xâm lăng.

Nhưng gặp Việt Cộng ngoan cố, Hội nghị đã kéo dài năm

tháng rưỡi mà không đạt được kết quả cụ thể nào. Tổng Thống Johnson, con người của vĩ đại, đã chủ trương một xã hội rộng lớn (a great society), muốn có một hành động ngoạn mục cho lĩnh vực oanh tạc toàn diện Bắc Việt để đẩy Hội Nghị Ba Lê sang một chiều hướng mới ngày 31-10-68.

VN, nạn nhân của cuộc xâm lăng Cộng Sản, bị Hoa Kỳ lấn lướt trong hòa đàm: theo Johnson, «Việt Nam được tự do tham dự Hội Nghị Ba Lê mở rộng»

Tương lai của VN bị đe dọa trầm trọng, lợi khí sắc bén là viện trợ Mỹ treo lơ lửng trên cổ dân tộc nhược tiểu này như lưỡi gươm Damoclès.

Nếu không có cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ vào cuối năm với sự thắng lợi của Nixon, nếu không có phản ứng mau lẹ hữu hiệu và sáng suốt của chính phủ và nhân dân VNCH, có lẽ hoặc chúng ta đã bị tàn nhẫn bỏ rơi, hoặc chúng ta đã phải nhục nhã khép nép nép theo bóng đàn anh Mỹ Quốc khi ngồi vào bàn Hội Nghị.

CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG HOA KỲ VÀ SỰ THẮNG LỢI CỦA NIXON.

VietNam chỉ là một đề tài trong vấn đề chạy đua vào Tòa Bạch Ốc giữa Nixon và Humphrey.

Tuy nhiên đó là một đề tài quyết định thắng bại của đảng Dân chủ hay đảng Cộng Hòa.

Tổng Thống Johnson với tài khôn khéo chính trị đã suýt thành công trong việc đẩy Humphrey ra kể tục công cuộc của mình: chỉ cần Nixon không hội đủ đa số phiếu cần thiết là Hạ nghị viện Hoa kỳ tới đa số trong đảng của Johnson có thể lật ngược thế cờ và loại được Nixon.

Hơn nữa, có người lại tự hỏi: Liên danh Wallace, Le May xuất hiện với tư cách độc lập kỳ này có phải cốt để chia phiếu của Nixon ngõ hầu tạo ra một bối rối có lợi cho Johnson là đưa vấn đề chọn lựa tổng thống ra Quốc hội Hoa kỳ?

Dù sao, vì quyền lợi phe đảng, vì nóng lòng muốn gắn liền tên tuổi của mình vào viễn vọng hòa bình ở V. N. Johnson đã có những hành động vội vã và nông cạn, có phương hại đến Việt Nam.

Trước những mưu đồ trên. Nixon đã không chịu ngồi thu động. Được bồi luyện trong những năm đảm nhận chức vụ phó tổng thống và những thất bại chua cay, Nixon phản ứng bằng con bài Việt Nam.

Việt Nam sẽ thiệt thòi đến độ mất nước nếu đáp ứng lời kêu gọi ngày 31-10-68 của Johnson đề nghị vào bàn hội nghị mở rộng ở Ba Lê. V N sẽ giúp cho Johnson thắng lợi trong việc đưa Humphrey ra kể vị tổng thống nếu tham dự ngay Hội nghị xé lẻ giữa Hoa kỳ và Bắc Việt sau ngày ngưng oanh tạc toàn diện miền Bắc.

Ngược lại, V N đã chứng tỏ rằng Johnson quá hấp tấp

trong việc thoả hiệp với cộng sản. Bằng hành động phủ định Việt Nam để giúp cho Nixon thắng cử và giúp cho việc củng cố địa vị của mình.

HỘI NGHỊ BA LÊ VÀ VAI TRÒ CỦA VNCH :

Phản ứng không thuận lợi của VNCH đối với lời kêu gọi ngày 31-10-68 của TT. Johnson thoát đầu đã làm nhiều người ngạc nhiên.

Bắc Việt trách cứ Mỹ không thuyết phục được VNCH. Nhiều giới chủ bại muốn Mỹ dùng áp dụng viện trợ để ép buộc VNCH ngồi vào bàn hội nghị nếu không thì bỏ rơi. Các đồng minh của Cộng Sản BV cho là VNCH hiếu chiến, không muốn hòa bình được tái lập.

Miền Nam Việt Nam đã hành động mau lẹ, khôn khéo và hữu hiệu: từ hành pháp đến lập pháp, đến đoàn thể nhân dân đều chung một đường lối đấu tranh. Tổng Thống Thiệu đã đưa đầy đủ các lý do tại sao không thể tham dự Hội Nghị Ba Lê mở rộng.

Luận cứ vững vàng, hợp lý được phổ biến sâu rộng bằng các phương tiện thông tin tối tân, đã giúp việc quảng bá lập trường chính đáng của VNCH. Hoa Kỳ không dám dùng tới lợi khí cúp viện trợ quân sự và kinh tế.

Vậy chỉ còn một đường: thoả hiệp lại với Bắc Việt. Bắc Việt đã tỏ ra ngoan cố. Hoa Kỳ phải thoả hiệp trên đẳng cấp

cao với Nga Xô. Và Nga Xô đã thuyết phục Bắc Việt nhượng bộ về hình thức cái bàn.

Thủ tục trong phiên nhóm của Hội Nghị Ba Lê hoàn toàn «mới» đã được thông qua đề dàng trong phiên nhóm sơ bộ ngày 18-1-69.

Phiên nhóm chánh thức ngày thứ bảy 25-1-69 sắp tới, có thể bàn tới các vấn đề căn bản.

Hành động kịp thời, hợp lý của VNCH đã đoạt được thắng lợi hiển nhiên: VNCH dự Hội Nghị song phương với một ưu thế không thể chối cãi, mặc dù các lời xuyên tạc của Cộng Sản.

Tóm lại, tình hình chung của cục diện chính trị thế giới nghiêng về việc giải quyết ôn hòa mọi cuộc tranh chấp, trong đó có vấn đề Việt Nam.

Các yếu tố chủ quan và khách quan rất thuận lợi cho việc tái lập hòa bình một cách vĩnh cửu trên mảnh đất tiền đồn của thế giới tự do này.

Dù Tân Tổng Thống Nixon không có đề cập minh thị đến vấn đề VN trong bài diễn văn nhậm chức sáng thứ ba 21-1-69, lời tuyên bố của Đặc sứ Henry Cabot Lodge khi tới lãnh tạo phái đoàn Hoa kỳ thay thế cho cựu Đặc sứ Harriman

đã nhấn mạnh rằng : VN là vấn đề trọng đại số một của Hoa kỳ hiện nay.

Giải quyết êm đẹp được vấn đề này phải nhờ đến sự giúp đỡ của Hoa kỳ và các bạn đồng minh trong khối tự do.

Chúng ta mong mỗi với ban lãnh đạo mới gồm những nhân vật có nhiều kinh nghiệm đụng độ với Cộng sản như Tân Tổng Thống Nixon, Đặc sứ Lodge, "cuộc thương thuyết về Việt Nam sẽ được theo đuổi nghiêm chỉnh cho tới khi đạt được hòa bình" như tổng thống Nixon tuyên bố.

Chúng ta đặt tin nhiệm vào phái đoàn đại diện của ta ở Ba Lê và tin rằng phái đoàn của ta sẽ có những phản ứng hợp thời, hữu hiệu và khôn khéo.

Nhưng chúng ta không quên rằng yếu tố quyết định thành bại của Hội Nghị là ở nước nhà. Chúng ta kỳ vọng các nhà hữu trách cố gắng tích cực trong mấy tháng sắp tới để tạo cho VNCH chúng ta một địa vị vững vàng và vinh dự trên trận đồ thế giới.

24-1-69

NGUYỄN TẤN LINH.

THÍCH ĐỨC NHUẬN

những đóng góp của đạo Phật với dân tộc và nhân loại

Không thể chối được rằng một tôn giáo có trên hai ngàn năm trăm năm mà lại không đóng góp gì trong cuộc sống của con người. Cũng không thể chối được rằng một tôn giáo đã vào với dân tộc Việt gần hai ngàn năm, đã thăng trầm cùng với vận nước lâu ngày như vậy mà không đóng góp gì trong cuộc sống dân tộc.

Phải nhận rằng đạo Phật là, một biện chứng giải quyết những vấn đề suy tư của tâm thức và là một biện chứng cách mạng toàn triệt về mặt xã hội đối với nhân loại. Đạo Phật đã xuất hiện trong một thực tại suy tư đa diện phức tạp của nền văn minh. Ấn độ, xuất hiện để dung hòa toàn bộ các trào lưu tư tưởng đối nghịch đương thời, xuất hiện để san bằng những ngăn cách xã hội giữa các giai cấp : Tăng lữ, Cai trị, Thương nhân và Tiềm dân.

Rời từ những căn bản đó đạo Phật đã duỗi dài nguyên lý vào cuộc sống của con người ở khắp các nơi cho tới ngày nay. Trong dòng vận động lịch sử dân tộc Việt nam, đạo Phật đã

là một chất liệu thiết yếu để kết thành một nền văn minh tiêu biểu cho toàn bộ tinh hoa văn hóa của vùng Á châu thảo mộc. Đạo Phật lại còn là một trong những nhân duyên chính cho cuộc Cách mạng Tự chủ của Việt-nam vào thế kỷ thứ 9 thứ 10. Và cụ thể hơn hết đạo Phật đã thắp lên những ánh đuốc thiêng trong cuộc vận động vượt bỏ chế độ độc tài của những năm gần đây.

ĐẠO PHẬT VỚI VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ

Những sinh hoạt của đạo Phật trong 4 năm qua, đã đặt cho đời g bào cũng như chính Phật tử một mối băn khoăn lớn là : *Phật giáo có phải là một thực tại chính trị hay không ?* Chưa trả lời thỏa đáng được câu hỏi trên đây thì không những đồng bào nghi ngại, mà chính Phật tử cũng không thoải mái và tin tưởng vào những hoạt động đóng góp của mình trong đại cuộc Dân tộc.

Một tôn giáo đúng nghĩa, có giáo chủ, có giáo lý, có giáo hội được g nhiên đã can thiệp vào cuộc sống xã hội, thì dù muốn dù không cũng đã trở thành một thực tại chính trị rồi. Chỉ khác một điều tôn giáo đó đã can thiệp vào sinh hoạt xã hội qua «thể chính trị nào ? Thể cai trị, thể cách mạng hay thể văn hóa?»

Ba tôn giáo được xem như là tôn giáo lớn hiện nay của thế giới là : Phật giáo, Ky tô giáo và Hồi giáo đã trở thành một thực tại chính trị có dự phần rất lớn trong công cuộc quyết định vận mạng chung của nhân loại.

Hồi giáo được xem như là một tôn giáo có bản chất làm chính trị ở «thể cai trị» tức là trực tiếp nắm vận mạng xã hội bằng ưu thế thống trị. Vị giáo chủ của tôn giáo này đã từng trực tiếp cầm đầu một đế quốc rộng lớn xưa kia. Chính vì bản chất thống trị và mang nặng tính cách thế tục, nên Hồi giáo không thể thiết lập một chế độ giáo quyền để vượt ra ngoài hình thái sinh hoạt của tín đồ. Tín đồ mặc nhiên nằm trọn vận mạng của tôn giáo.

Ngược lại, vị giáo chủ Ky tô giáo đã công bố chủ trương của ngài là: «vua trên các vua», nước của ngài cai trị «không phải thế gian mà ở trên trời». Chủ trương này có nghĩa là từ chối việc làm chính trị ở «thể thống trị» của thế gian mà chỉ làm chính trị ở «thể những người bị trị» tức là bên vực kẻ hèn yếu ở xã hội. Chính do bản chất đó, Ky-tô giáo, đã tạo ra một lớp giáo sĩ vượt ngoài hình thái sinh hoạt của thế nhân và thiết lập một giáo quyền và giáo hội hết sức chặt chẽ và hệ thống. Một khi giáo hội đã có hệ thống, giáo hội đã trở thành một nơi trú ngụ của đông-đảo quần chúng để chống lại lớp vua chúa thống trị thì đương nhiên trở thành một thế lực chính trị trong đại từ thế đối lập với thống trị tiến lên chiếm lần địa vị thống trị. Rồi, sau nhiều thế kỷ đối kháng, đã có thời một vị giáo hoàng La-mã trực tiếp nắm quyền thống trị Đế quốc. Sự kiện này đã đưa giáo quyền La-mã tới chỗ suy sụp, giáo hội bị phóng thả.

Đề trở lại với bản chất cố hữu của giáo chủ các giáo hoàng sau đó đã cố gắng vượt ra khỏi địa hạt cai trị xã hội, để chỉ

lãnh đạo phần tinh thần của tín đồ mà thôi. Đến thời dân chủ, quyền cai trị thuộc về toàn dân, mà đa số dân chúng Âu-châu là tín đồ Ky-tô giáo, thế nên Ky-tô giáo mặc nhiên ngồi ở ghế «gián tiếp thống trị xã hội». Rồi Âu-châu lại là cha đẻ của chế độ thực dân, bởi vậy đối với dân tộc bị trị Á-Phi, Ky-tô giáo mới bị xem như một tôn giáo đứng về phe thổ g trị ngoại xâm. Sự kiện này đã và đang được đặt ra cấp bách đối với các vị giáo hoàng hiện đại. Liệu rồi đây các nhà lãnh đạo Ky-tô giáo có đưa giáo nội của họ ra khỏi thế đứng g trị ngoại xâm? Chúng tôi tin là có thể, vì chúng tôi đã tìm thấy dấu hiệu đó ở cộng đồng Vatican II vừa qua.

Với Phật giáo vị giáo chủ của tôn giáo này đã được xưng tụng là «Thiên nhân sư» tức là thầy của chư thiên và loài người. Ngài là bậc thầy và người chỉ đạo, là nhà văn hóa hướng dẫn, chứ không phải là nhà thống trị, dù là cai trị thiên quốc hay nhân gian, dù là thổ g trị tinh thần hay thể chất. Vì giáo lý có ghi rõ đạo Phật chỉ giúp cho con người tự giác ngộ chứ không buộc tín đồ phải tin theo bất cứ một tín điều nào. Với bản chất đó Phật giáo đã trở thành vô cùng phóng khoáng, tự tại. Tuy có tăng sĩ vượt hình thái sinh hoạt thường nhân, có vị truyền thừa nhưng giáo quyền không đặc thanh vấn đề và hành đạo không đặc ở trung ương mà đặt ở đại chúng. Giáo luật tuy rất khắt khe, nhưng thi hành giáo luật là ở đại chúng và tùy từng môn phái, có những bản sắc riêng. Đại chúng được hiểu là đa số tăng sĩ chung một tu viện hoặc một sơn môn. Nói rộng ra, đối với toàn thể Phật tử, thì ý lực của toàn thể Phật tử có tính cách sinh hoạt của Phật giáo.

Chính vì đặc tính trên, đạo Phật đã tùy thời, tùy thế, tùy cảnh, trải ra hòa với nếp sống quần chúng, hoặc tụ lại thành các thế lực quyết định vận mạng từng thời đại. Tuy tán tỵ, nhưng vẫn không mất tính cách trường tồn vì các tu sĩ vẫn còn đó, vẫn là một thực tại đại biểu cho truyền thống của Phật tử, vẫn duy trì địa hạt của «ông thầy» đối với các vua chúa cũng như quần chúng. Tuy được lợi thế được độc tôn trong các triều đại Ashoka (Ấ Độ), Đường (Trung hoa), Lý (Việt nam) nhưng Phật giáo không lợi dụng tư thế để nắm quyền thống trị, cũng như không dựa vào thế lực thống trị để truyền đạo, và nhất là không để biến thành công cụ cho phe thống trị mở mang đế quốc.

Đạo Phật, do đó, đối với các nước Á đông là đạo chung của mọi lớp người trong xã hội, là đạo của mọi dân tộc, không phân biệt đế quốc, hay thuộc quốc. Riêng ở Việt nam, đạo Phật đã hòa vào với bản chất dân tộc như một thực thể bất khả phân. Dân tộc thịnh, đạo Phật thịnh, dân tộc suy, đạo Phật suy. Chính vì vậy, mà đạo Phật đã trở thành một thế lực cách mạng của dân tộc suốt ngàn năm lệ thuộc Trung hoa, đã hội tụ được lòng người mở mùa Tự chủ và thống nhất cho xứ sở, vào thời Ngô — Đinh.

Sau một trăm năm lệ thuộc Pháp, đạo Phật đã chìm đi cùng với chủ quyền dân tộc. Cho tới ngày gần đây, sau khi bị các thế lực quốc tế chèn ép, đã trở dậy cùng với dân tộc hủy bỏ chế độ độc tài, và quyết tâm theo đuổi công cuộc phục hồi chủ quyền dân tộc. Những thành công, thất bại đều mang một ý nghĩa: đạo Phật tại Việt nam đang là một thực tại cách

mạng của dân tộc. Đã là thực tại cách mạng tất nhiên phải vận động cách mạng; mà các cuộc vận động như vậy đương nhiên là những sinh hoạt chính trị rồi.

Không riêng gì ở Việt nam, mà ở trên toàn thế giới, Phật giáo cũng đang ứng hợp với thời đại, đang đi dần vào tổ chức thống nhất hành động để góp phần kiến tạo an bình cho thế giới.

Nhưng bản chất của Phật giáo và quá trình lịch sử đã bảo chứng rằng: đạo Phật, dù có xây dựng được một thể lực ưu thắng, cũng không bao giờ trở thành lớp người thống trị mà luôn luôn sẽ giữ vai trò hướng dẫn của nhà văn hóa, tức là làm chính trị theo phương pháp của một thực tại văn hóa. Đó là vai trò của các tôn giáo thời xưa và của những nhà văn hóa thời nay vậy.

ĐẠO PHẬT VỚI VẤN ĐỀ VĂN HÓA.

Nếu một tôn giáo nào đó có khả năng cung ứng cho con người về nhu cầu thăng hóa những giá trị sáng-mới-đẹp cho chính bản thân và cuộc đời, thì tôn giáo đó đương nhiên là một thực tại văn hóa. Nhưng nếu một tôn giáo nào đó mà không còn đủ khả năng hướng dẫn nhận thức con người, bị con người vượt bỏ, thì tôn giáo đó không còn mang nổi sứ mệnh văn hóa trường cửu nữa. Tuy nhiên tôn giáo đó vẫn được nhìn nhận là một thể lực văn hóa của một giai đoạn lịch sử nào đó,

Như vậy, tôn giáo đã là một thể lực văn hóa trong lịch sử

nhưng còn việc tôn giáo có thể là một thực tại văn hóa miền vinh hay không thì đó là vấn đề khác.

Vì tôn giáo là một thể lực văn hóa đề hạn chế thể quyền thống trị; đề thỏa đáp nhu cầu siêu linh của ý thức con người, nên các tôn giáo đã xuất hiện. Xuất hiện dưới thời bộ lạc bằng tính cách đa thần, mà đại diện là lớp phù thủy. Xuất hiện dưới thời quốc gia, bằng tính cách độc thần mà đại diện là các tôn giáo duy thần và siêu thần ngày nay.

Trong thời kỳ xã hội chuyển tiếp từ bộ lạc sang quốc gia, tư tưởng của con người từ đa thần tiến lên độc thần thì quả thực các tôn giáo đã là một thể lực thăng hóa: là văn hóa đúng nghĩa. Suốt thời tư tưởng độc thần trỗi lên nhận thức của con người, thì mọi sinh hoạt từ tâm linh, xã hội tới nghệ thuật học thuật, và kỹ thuật nữa, đều do các tôn giáo duy thần hướng dẫn. Trong khi các tôn giáo duy thần sắm vai trò thể lực văn hóa, vừa kiểm soát thể quyền thống trị, vừa hướng dẫn sinh hoạt văn hóa của nhân loại; thì cũng chính là lúc các tôn giáo đó bị biến thành đối tượng của các tư tưởng văn hóa có khuynh hướng vượt bỏ mọi ràng buộc của thần quyền. Nhờ đó các tôn giáo vừa phải bảo thủ tính chất tôn giáo của mình, vừa cố gắng tự chuyển hóa tính chất văn hóa của mình để ứng phó với các thể lực văn hóa mới. Sự kện này đã làm cho nguồn sinh động của văn hóa nhân loại cuộn cuộn dâng lên không ngừng.

Hiện nay nguồn tư tưởng của nhân loại giác ngộ đang cố gắng vươn lên và thể chứng cho bằng được giá trị nhân chủ của mình. Nhận thức nhân chủ này, hiện là một nguy cơ cho các

tôn giáo duy thần. Vì, trên bản chất, duy thần không còn phù hợp với bản chất Nhân chủ nữa. Con người hiện đại đang tích cực thể chứng giá trị nhân chủ trên khắp mặt sinh hoạt: tâm tư, xã hội và vũ trụ.

Như vậy có nghĩa là các tôn giáo độc thần đã sắp hoàn toàn mất vai trò hướng dẫn văn hóa nhân loại rồi ?

Câu hỏi này cũng được đặt ra cho Phật giáo. Liệu rồi đây Phật giáo có cùng chung số phận như các tôn giáo duy thần hay không ?

Xét về bản chất của đạo Phật thì đạo Phật là đạo của Con Người Giác Ngộ. Chỉ con người mới đủ điều kiện và khả năng thành Phật, còn từ các sinh chủng khác cho tới thần linh chư thiên đều chưa thể thành Phật được. Với bản chất này, đạo Phật đã mang giá trị Nhân chủ đúng nghĩa rồi vậy.

Nhận thức nhân chủ không phải là một nhận thức chủ quan duy tâm, cũng không phải là nhận thức khách quan duy vật, mà là một nhận thức toàn diện, đi từ tâm tư tự giác, ứng dụng vào thực tế xã hội có tổ chức, để vượt lên siêu việt giải thoát. Như vậy đạo Phật là một tôn giáo, *giác ngộ* và *giải thoát*, nên có thể trở thành một thực tại văn hóa của thời đại ngày nay. Một trở ngại khác đã được đặt ra cho Phật giáo, là vì đạo Phật đã xuất hiện trên hai nghìn năm trăm năm, và suốt thời kỳ truyền đạo ở khắp nơi, đạo Phật đã vì phải dung hợp với các hình thái sinh hoạt đa thần, độc thần của quan niệm đa chúng, nên phần nào đã mang một hình thái tôn giáo với những lớp vỏ do các quan niệm từng thời đại bồi bọc. Tuy bản chất giác ngộ và giải thoát con người vẫn còn đó, vẫn là nội dung

linh động, đích thực của đạo Phật, vẫn là một thực tại văn hóa tiềm ẩn, nhưng để khỏi giòng văn hóa đó, những Phật tử suy nghĩ hiện đại, cần phải cố gắng, can đảm, uyển chuyển, phá bỏ những hình thái của lớp vỏ nặng nề để cho một đạo Phật. Nhân chủ sinh động hiện hiện trong giòng văn hóa nhân loại.

Đó là ý nghĩa công cuộc Hiện đại hóa Phật pháp của thời đại chúng ta.

ĐẠO PHẬT VỚI THỰC THỂ GIỚI.—

Đạo Phật được coi như một tôn giáo siêu tổ chức. Từ nguyên thủy, căn bản của đạo đã rộng rãi, không nhằm buộc ai phải tin theo bất cứ một giáo điều nào, mà chỉ cốt hướng dẫn con người trên con đường giác ngộ... Với bản chất đó, đạo Phật đã không tách biệt ra thành một đoàn thể cùng lý tưởng biệt lập, mà lại luôn luôn dung hợp với các luồng tư tưởng khác, rồi lấy đức từ bi và trí tuệ để hướng dẫn cho con người, cùng hoặc khác lý tưởng, đến chỗ giác ngộ thực tại và chân lý ý nghĩa cuộc đời. Trong khi truyền bá đạo Phật tuyệt nhiên không dùng phương pháp bạo hành, mua chuộc hay ý thể của chính trị để truyền đạo, mà chỉ dùng phương pháp thấm nhuần kiên nhẫn của văn hóa mà thôi. Chính điểm này đã làm cho đạo Phật trở thành một tôn giáo chung của nhân loại.

Lịch sử đã chứng minh: tại các nước Á Đông mọi nền đạo học, thuần học thật hết sức phong phú, nhưng cho đến nay đều dần dần tan biến đi, để chỉ còn lại một đạo Phật tồn tại và đại

diện cho Đông Phương, trong thực tại sinh hoạt thế giới hiện đại. Thời đại ngày nay tuy thác loạn vô tổ chức trên đại thể thế giới, nhưng lại cực kỳ khắc khe, nghiêm ngặt, tàn bạo về mặt tổ chức cục bộ, vì nhân loại dùng tổ chức để khống chế lẫn nhau. Đã vậy, hay vì vậy, mà các tổ chức cục bộ này tuy rất tinh vi và máy móc, nhưng không nhằm tổ chức đời sống tiến bộ của con người.

Do mâu thuẫn giữa nhu cầu và phương pháp như thế nên nhân loại đang phát hiện hai quan niệm: chống đối tổ chức và đòi hỏi tổ chức. Tất nhiên sự chống đối tổ chức đây là cốt chống đối lại các tổ chức cục bộ hiện đang gây cảnh khó khăn cho nhân loại; còn đòi hỏi tổ chức là đòi hỏi nền nếp qui củ cho đại thể thế giới. Như thế cốt đề cho các tổ chức cục bộ có nền tảng và cương lĩnh sinh hoạt, trong nhịp điệu thăng tiến chung của nhân loại.

Đề tiến tới việc tổ chức đại thể thế giới, công cuộc an bài tất không thể bắt đầu một cách triu tượng và vu khoát, mà phải bắt đầu bằng hai công việc song hành: Đó là dùng phương pháp văn hóa để cở súy cho cuộc vận động đời sống tổ chức chung của nhân loại. Đồng thời cũng cần phải kiện toàn tổ chức cục bộ, để đạt được mức quân bình cần thiết, giữa các thể lực tổ chức quốc tế hiện nay.

Thế giới đang đứng ở thế tranh chấp quyết liệt giữa các lý tưởng Hữu thần và Vô thần. Hai thể lực này đã đi thẳng vào thực tại tổ chức cuộc đời, và cầm đầu nhiều miền rộng lớn của thế giới. Và đó cũng còn là trung tâm phát động mọi thứ

xuân kỷ dậu

thảm họa cho thời đại. Chứng cứ là, nhìn thẳng vào thực tế, chúng ta có thể phát giác bốn trọng khu tổ chức lớn:

- Khối duy thần thực dụng Mỹ;
- Khối duy thần hợp lý Âu châu;
- Khối duy vật biện chứng Nga,
- Khối duy vật dịch lý Trung cộng.

Nó hòa giải quyền lợi kinh tế mà hai khối lớn duy thần thực dụng Mỹ và duy vật biện chứng Nga, đành phải sống chung với nhau, vì không thể tiêu diệt nổi nhau.

Đề chống đối với hai khối đàn anh trên, khối duy vật dịch lý Trung cộng đang cố gắng vùng vẫy, đề vừa chống Nga vừa chống Mỹ.

Còn khối duy thần hợp lý Âu châu thì không chống đối, mà vừa đi với Mỹ vừa đi với Nga, nhưng lại có khuynh hướng sống chung với Tàu cộng, đề lấy sự chống đối của Tàu làm áp lực ngoại giao, đối với hai khối lớn Nga Mỹ, nhằm củng cố địa vị, tuy đứng hàng nhì nhưng lại muốn làm trọng tài đòi giải quyết mọi vấn đề thế giới.

Tất cả các biến cố, do những thế lực quốc tế trên gây ra, đều đang tập trung tại Việt nam. Rồi có thể sẽ lan rộng khắp vùng Đông Nam Á và toàn thể các dân tộc Á Phi, là nơi mà đại đa số nhân dân sống theo đạo Phật, đạo Hồi và Ấn độ giáo

— Khối Ấn độ giáo siêu thần, mặc nhiên đã thành hình trong quốc gia Ấn độ, nhưng vì quá yếu so với các thế lực quốc tế khác, nên sau thời kỳ tung ra đường lối trung lập rồi bị thất

bại, đã phải trở về vị trí của một quốc gia «không liên kết.»
— Khối Hồi giáo duy thần Trung đông đã nhiều lần muốn vận động củng cố bề thế, nhưng vì thành kiến, dân tộc, vì áp bức của đế quốc, nên chưa hình thành nổi, tuy vẫn nằm đó chờ thời cơ.

— Khối Phật giáo Nhân chủ Đông Nam Á, chiếm đa số dân chúng trong vùng, đang chuyển mình để giải quyết các vấn đề thời đại.

Trên mặt tư tưởng, con người đã và đang vượt bỏ các quan niệm thần hóa siêu nhiên và vật hóa nhân loại, đề mong đưa nhau tới địa vị nhân chủ của mình. Đạo Phật, trên bản chất vốn chủ trì Tất cả qui về *Con Người Giác Ngộ*, nên có cơ thỏa đáp được đòi hỏi chung cho nhân loại hiện tại.

Như vậy đạo Phật mới thấy cần phải làm sáng tỏ lý tưởng NHÂN CHỦ đó của mình ở trong các quốc gia mà đa số hiện là con Phật. Đồng thời các quốc gia Đông Nam Á theo đạo Phật cũng thấy cần phải xây dựng thành một Liên Bang cố kết để hoàn tất tổ chức cục bộ, vốn là một nhu cầu thời đại.

Với tổ chức rộng lớn ấy, khối Phật giáo Đại Đông Á chắc chắn sẽ thành hình. Tất nhiên với bản chất dung hợp của mình, khối này không dùng bạo lực để lao mình vào các cuộc tranh chấp. Mà chế hóa quan niệm đế quốc của các khối lớn, bằng sự lớn mạnh và dung hợp của chính mình. Để sau hết cùng các khối lớn tổ chức cuộc sống chung cho nhân loại.

Đạo Phật sẽ từ chỗ làm giảm sự căng thẳng, giữa các lý tưởng duy thần duy vật, tiến đến chỗ cùng với mọi con người giác

ngộ chuyển đổi thân phận toàn thể nhân loại đi vào cõi An và Lạc chung.

Mùa An lạc đến với chúng ta, dân tộc chúng ta và nhân loại là lời nguyện cầu của tôi trong mùa xuân này.

THÍCH ĐỨC NHUẬN.

MAI THẢO

thư cho một người bạn

Tết năm nay, tôi nghĩ tôi lại không thể lên núi đón Giao Thừa giữa cái thị trấn thơ mộng cao một nghìn năm trăm thước trên mặt biển, trong cái thế giới thân mật ấm áp là gia đình chị, và như thế là thêm một năm nữa, tôi đã hứa và lại thất hứa, xin chị tha lỗi cho. Không phải là tôi không muốn. Anh lên đây với gia đình chúng tôi một năm đi. Anh sẽ không hối hận đâu. Mùa xuân không thể có giữa cái nắng chói chang và cái không khí lẫn lộn cái bụi của sai gòn. Sao trừ tịch không thể sáng đẹp giữa những căn nhà chọc trời. Muốn có cái thứ mưa mùa xuân lất phất như tơ, cái thứ nắng mùa xuân dịu dàng như lụa, cái thứ cỏ mùa xuân nõn nà như gấm, cái lạnh mùa xuân ngầy ngất hồi tưởng, cái rét mùa xuân ngậm ngùi trí nhớ như anh vẫn muốn cho từng Nguyễn Đan của anh anh phải lên đây với chúng tôi, miền cao này sẽ tặng đủ cho anh một tháng giêng Hà nội. Nhìn đào hàng trăm gốc phơ phơ màu hồng năm mới, ngắm cỏ nõn bằng cái hình ảnh của từng ngọn cỏ là từng hạt sương óng ánh long lanh, nghe được cái hơi thở hiền hậu của mùa đẹp bằng nghe nó giữa tạo vật đất trời, chạm được dưới từng rung động của thiên nhiên bằng hoà mình vào cỏ biển, từng ấy cửa ngõ đón anh vào mùa xuân, anh không

xuân kỷ dân

thể tìm thấy được trên những ngõ hẻm và trên những con đường một chiều của Sài Gòn. Mà chỉ ở đây, trên này, mới có được cái khuôn mặt đó mùa xuân, khuôn mặt mà mỗi lần với anh là một lần tìm kiếm. Trong thư chị viết cho tôi như thế. Tôi cũng biết là như thế. Gia đình chị, cuộc sống thường nhật thế nào xong thôi không nói đến làm gì, nhưng sửa soạn cho một đơn chào Nguyễn Đan, bao giờ cũng là một sửa soạn cực kỳ trang trọng. Điều này tôi cũng biết nữa. Để tận hưởng một cái tết với tất cả mọi vẻ đẹp những tục lệ cổ truyền của nó, một cái tết miền Bắc một cái tết Việt Nam, tôi nghĩ không đâu bằng dưới căn nhà của chị, căn nhà dưới những gốc thông mà phút nay, đã xanh biếc chuồng quanh một thảm cỏ mùa.

Mấy ngày thật đẹp, thật yên tĩnh tôi đã tưởng tượng được ra cái ứng. Ngay từ phút mới tới. Chiếc xe thả tôi xuống đầu một con đường nhỏ. Hai bên, những gốc thông cao vút. Nắng chạm kim trên da thịt là là. Thời tiết ở đây là một vui thú của người. Suối không chỉ hoa nhài giữa đá mà cả không gian là một giòng suối lớn, nó tắm trên toc, lùa trên da, thấm vào hồn, hòa vào máu, nó làm cho tỉnh táo, như con người mình thoát bóng là một con người mới, phút sống đó là phút sống kỳ diệu nhất, bởi sống là một khởi đầu, một ngạc nhiên.

Đầu cháu nhỏ sẽ đón tôi ở đầu thềm, Chị đứng giữa chúng, với nguyên vẹn vẻ uyên chuyển thanh lịch đặc biệt của một người đàn bà Hà nội. Anh đi rửa mặt rồi nằm nghỉ một lát, Các con sách va ly cho bác lên lầu. Đã dành sẵn cho anh một căn phòng rồi đó, một căn phòng thật yên tĩnh, có cửa sổ mở ra một cảnh đồi đủ kéo

tầm mắt và mơ mộng anh đi thật xa. Tôi sẽ bước vào căn nhà của chị, để thấy rằng cái Tết đã có mặt ở đó, trước tôi. Nơi những chùm hoa hàm tiếu với người trên mặt một lò sưởi than hồng rực rỡ. Trên những vì tường mới quét vôi lại, màu vôi sáng láng là màu đời sang năm. Buổi sáng, tiếng chim đầu nhà đánh thức tôi dậy. Đêm qua, gió thổi ngoài rừng, trong chăn ấm áp, chắc là tôi đã ngủ được một giấc ngon lành. Chị thức từ rất sớm. Chị đã chờ tôi ở dưới nhà. Chúng ta sẽ ngồi bên cạnh một khung cửa kính, uống một chén trà nóng, và nói lại với nhau những chuyện Hà Nội ngày nào. Nói lại cái đêm giao thừa năm đó, tôi nhà Hát Lớn xem kịch, nửa khuya trở về, gió Hoãn Kiếm thổi tới mùi hương phảng phất của một nhánh lộc Ngọc Sơn, cái buổi sang mừng một trước thiên đô, xác pháo thanh bình còn đỏ thắm một góc Hàng Buồm, cái buổi trưa đi dạo trên ba mươi sáu phố vào xuân, những tà áo thiếu nữ Hà Nội bay múa suốt hai dọc Hàng Gai Hàng Bạc. Tối hai mươi tám lửa bánh chưng sẽ sáng lò vách bếp. Đêm Trừ Tịch, chị sẽ đốt hương, đứng lễ ngoài trời. Và sáng mồng một, tôi sẽ mừng tuổi cho cây cho suôi, sống ngày thứ nhất của năm giữa gia đình chị, trong một không khí dịu dàng và thân mật vây quanh.

Cứ tạm tưởng tượng ra, đã hình dung thấy cái Tết êm ái trên cao là cái Tết lý tưởng tôi phải tìm đến. Vậy mà, thưa chị tôi biết chắc chắn một điều, là thêm một năm nữa, tôi sẽ chẳng đi tìm mùa xuân ở đâu hết. Mà tôi sẽ ở lại giữa một nơi thiếu vắng nhiều nhất những cái đẹp của thiên nhiên và tạo vật vào xuân, là thành phố.

Này. Người ta nói thành phố lớn không có một linh hồn. Nó chỉ có một khuôn mặt. Sài Gòn quả có đúng là như vậy. Sài Gòn chỉ là một khuôn mặt. Người ta còn nói: chỉ một thành phố cũ mới lưu giữ và kết đọng trong nó những di vật, những kỷ niệm. Như Huế, như Hà Nội. Quả đúng như vậy, Sài Gòn là một thành phố mới. Đừng nói đến nó có một linh hồn. Hãy chỉ nói đến cái khuôn mặt, thì cái khuôn mặt ấy đến nay vẫn chỉ có thể xem như một tổng hợp hỗn loạn và nhàu nát của những đường nét dở dang. Cái trạng thái dở dang nửa chừng nửa vơi này là sự thiếu mỹ thuật đậm đà và rõ nét nhất của Sài Gòn. Nhà chọc trời mọc bên những con kinh nhàu nhua. Những con đường mở rộng đang thu hẹp và làm mất đi những khoảng xanh mát xưa cũ. Mỗi đầu phố một đồng rác lớn. Xe cộ nghẽn ứ. Nắng đã chói chang. Khói khét lẹt, và bụi mịt mù, còi xe đinh tai nhức óc, không khí ngột ngạt tức thở, đó Saigon, những ngày cuối năm này. Nói đến những cái nhỏ nhỏ làm cho được mình, nói đến những cái vụn vặt làm cho khó chịu, nói ra không hết, chúng ta muôn hình nghìn vẽ, chúng ta chụp lấy chị, lấy tôi ngay từ buổi sớm thoát ló đầu khỏi ngõ, chúng ta đuổi theo người đến tận buổi chiều và như thế, cho tới buổi sớm ngày sau.

Không, sống với thành phố này không thể tạo được cho mình một nghệ thuật sống nào hết. Không, ở với thành phố này, không phải là để có dần với nó những kỷ niệm, thành phố này, không bao giờ, không bao giờ cái khuôn mặt diêm lệ và ngầy ngất đó của một tình

yêu. Chị sẽ hỏi tại sao? Thú thật, tôi không thể trả lời chị rõ ràng như nếu chị hỏi tôi về cái liên hệ thăm của tôi với Hà nội ngày trước. Thành phố này, trên cái khía cạnh ràng buộc và liên hệ đó, đã bắt tôi nghĩ ngợi thật nhiều về nó. Nghĩ mà không ra. Tốt hơn, tôi kể lại chị nghe một chuyện nhỏ này.

Tôi nhớ buổi sáng hôm đó, cách đây đã đúng mười bốn năm, là buổi sáng thứ nhất của tôi ở Saigon. Năm giờ chiều hôm trước, một chiếc máy bay dân sự thả tôi xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Thằng em trai ra đón không đưa tôi về nhà nó, mà đưa thẳng tôi đến nhà một người bạn nó. Nhà chật lắm, không có chỗ ngủ-nó nói anh ngủ tạm đây một đêm đi. Sau đó, nó bỏ đi ngay. Bạn nó là một anh sinh viên người nam. Bấy giờ đã sắp tới kỳ thi. Anh ta bắt tay tôi, chỉ xuống chiếc đi văng kê liền bàn học, bảo tôi ngủ ở đó, rồi thản nhiên cúi đầu xuống với cuốn sách trước mặt, hình như không còn mảy may chú ý đến người lạ mặt tới từ thật xa, đứng bơ ngơ ở giữa nhà. Buổi tối còn sớm. Tôi chưa buồn ngủ. Tôi nghĩ đêm đầu tiên của mình trên cái thành phố xa lạ, tôi sẽ thao thức tới sáng. Tôi bỏ ra, đứng một mình ngoài bar công. Phía dưới một con đường nhỏ trái đá cuội trắng chạy qua một bãi cỏ rộng. Bên ngoài hàng rào, con đường mà sau đó, tôi biết là đường Thành Thái, sáng trắng dưới ánh đèn. Nhìn vào anh sinh viên người nam vẫn cầm cúi với những phương trình toán học. Tầng là yên tĩnh, không một tiếng động. Nhiều giây phút trôi qua như thế, và lạ lùng thay, trước cái đêm đầu tiên trên thành phố xa lạ không vỗ vập, không chào đón, tôi bỗng như có một sự lắng đọng dần dần. Đứng m

lát như thế, rồi tôi trở vào ngồi xuống đi văng. Anh sinh viên trẻ tuổi ngó sang, mỉm cười với tôi rồi lại học tiếp. Tôi nằm xuống, và thay vì một đêm băng khuàng thao thức tới sáng như tôi tưởng, tôi ngủ ngay. ngủ ngay đi lúc nào không biết. Buổi sáng hôm sau, khi tôi giật mình thức dậy, anh sinh viên người nam đã đến trường từ lúc nào. Cửa phòng mở rộng. Nắng óng ánh trên những thanh cửa sổ. Tôi lần vào buồng tắm rửa mặt, chải đầu. Tự nhiên không cảm thấy sự cần thiết phải chờ đợi đưa em tôi tới đón, tôi mở cửa phòng đi xuống trên hành lang xuống hết cầu thang, ra tới bãi cỏ, tôi không gặp một ai hết. Hình như không một ai biết tôi đã tới cũng không một ai để ý đến tôi ra. Cái sự mà bình sinh tôi cảm thấy phút đó, khi thông thả bước đi trên con đường trái đá cuội trắng, dưới nắng vàng, là một cảm giác quen thuộc lạ thường. Tưởng như tôi không chỉ mới đến từ đêm qua mà tôi đã sống mãi với thành phố này, Tưởng như chỉ sau một đêm, và không cần lâu hơn, nơi thành phố chưa thuộc nổi tên một con đường, tôi đã thôi, hoàn toàn thôi, là một người lạ mặt. Ra khỏi công, tôi đi ngược lên, và tới ngã tư thứ nhất, tôi tạt vào một tiệm cà phê. Đó là một tiệm cà phê bình dân, như tôi chưa từng thấy một tiệm cà phê tương tự như ở ngoài Hà nội. Tiệm thấp hơn mặt đường, lòng nhà nhỏ chật, nhưng hàng hiên bên ngoài thật rộng.

Cách với mặt đường, cao hơn, quán hàng được nối dài thêm bằng một khoảng đất nhỏ. Dăm ba cái ghế, một vài cái bàn được kê ở đó. Khoảng đất lộ thiên mát lạnh. Một tàn lá dây bao phủ bên trên. Tôi đã đến ngồi ở đó, gọi một ly cà phê, đầu của ngày thứ nhất. Cà phê bình dân miền Nam không có pha phách cầu kỳ và mất công

như cà phê Hà nội. Gọi là có ngay.

Tôi đã ngồi một mình, trong cái quán cà phê bình dân bên đường ấy, thật lâu. Sài Gòn ngay tự những giây phút đầu của một tao ngộ lịch sử, đã đón tôi vào cái nếp sống bình dị và ung dung của nó. Thừa chị, về sau thế nào, tôi không nhớ được nữa. Cuộc sống tôi tự trôi chảy bình thường, không có gì đáng nhớ. Như hình như ở cái buổi sáng thứ nhất ấy, khi trả tiền đứng lên, tôi đã tự nhủ ngay được với tôi là tôi sẽ sống với cái thành phố xa lạ, rùng rùng trong suốt phần đời còn lại của mình. Năm tháng trôi đi. Tính đến nay đã vừa chẵn mười bốn năm. Trong những lá thư gửi về từ miền cao, đôi khi chị vẫn nói với tôi về câu chuyện mà một bình yên, Nam Bắc Trung lại ba miền đi lại thông suốt như cũ, chắc chúng ta phải là những lữ hành đầu tiên có mặt trên chuyến tàu thống nhất đất nước, chuyến tàu ấy sẽ thả những người ly hương chúng ta xuống một cửa ga Hà nội. Chị nói người Hà nội chúng mình không thể sống được ở đâu xa khác hơn là dưới cái vòm trời có mây Tây Hồ và gió Hoàn Kiếm bay qua. Rằng nếp sống tình cảm của chúng ta phải nằm trong cái luân lưu của thời tiết và khí hậu bốn mùa mới được. Rằng cửa ô này cũng không đẹp bằng ô Quan Chưởng. Rằng không trăng nào xanh bằng ánh trăng Trúc Bạch. Rằng chẳng sương mù nào gọi cảm bằng sương mù Long Biên. Và chúng ta sống, dần có yêu thương gần bó với miền Nam tới đâu cũng chỉ là chờ đợi một ngày về.

Ý nghĩ cuối năm nay của tôi, về riêng tôi, cho riêng tôi, thừa chị là một ý nghĩa khác. Nếu một ngày nào, tôi có được chuyến tàu thông xư chạy suốt qua những rừng

núi và những ga lớn ga nhỏ nối hàng trên đường đường ba miền nối lại, chuyến tàu ấy chắc sẽ không có tôi. Tôi biết tôi sẽ ở lại. Ở lại đây. Với thành phố này. Thành phố này, trước sau không có một thời nam châm nào hết. Nó vẫn thiếu lắm những nét hấp dẫn. Nó vẫn chẳng có một linh hồn. Nó vẫn chỉ là một khuôn mặt. Cái đều làm cho tôi, ngay lại ngay, cảm thấy mình, mỗi phút sống thêm một thêm phù hợp, một thêm hòa nhập với Sài Gòn, không phải ở nơi Saigon càng ngày càng đổi thay để tiến dần tới hình ảnh mộng tưởng về một thành phố lý tưởng ở đó tôi muốn sống, mà do nơi tôi đã thay đổi. Lâu ngày không gặp nhau, chị không biết đó thôi, chị không biết là sống với Sài Gòn, tôi đã đổi thay nhiều lắm. Nghĩ cho cùng, cũng không đích thực là một đổi thay. Tôi không tin người ta có thể tự đổi thay mình được, cho dù là sống với những cảnh trí và những đối tượng mới. Chỉ bình như là, bằng và nhờ vào sống với Saigon, tôi đã khám phá được cho tôi nhiều sự thật tôi không nhìn thấy những ngày tháng xưa cũ trong cái thế giới thanh lịch và đầy đặc những kỷ niệm ấy là ba mươi sáu phố phường Hà nội. Khám phá thứ nhất: Tôi không phải là người thanh lịch. Như chị, chị đích thực mang trong thực chất và tâm hồn chị cái cốt cách khác thường của một người thanh lịch, tôi chỉ là người có một nguồn gốc và một cốt tính bình dân. Ý niệm về cái đẹp hiểu cái đẹp theo quan niệm và mơ ước của người Hà nội trong tôi ngày nào còn sống với Hà nội, ở tôi bây giờ không còn nữa. Nó đã chết. Trong suốt một phần đời, nó đã phủ lên hình hài và tâm trí tôi như một tấm áo gấm sắc sỡ, tấm áo đã rơi xuống một lúc nào tôi cũng không hay

Những buổi tối, những đêm khuya của Saigon, đi dạo với đầu đèn dưới thấp thoáng những tàn lá hay lóng lánh những ánh đèn hay những buổi chiều đi dèp mỏng mặc áo ngắn dạo chơi thảnh thơi trong khu phố của mình nhìn những hàng rong, những cửa tiệm, những quán cà phê dân bản đường, tôi càng thấy tôi là một người bình dân. Của một nếp sống bình dân. Sài Gòn tạo và nhận cho tôi nếp sống đó. Chỉ đã hiểu tại sao tôi nhất định sống mãi giữa thành phố này. Nâng đẩy đời sống mình lên thành một đạo sống, một nghệ thuật sống, cũng thích và nên lắm. Nhưng sống tự nhiên không bằng khoán, không lựa chọn, nhẹ nhõm và đơn giản, được tôi chừng nào càng hay chừng nấy, đó là hình ảnh cuộc sống thường nhật từ bây giờ và sau này của tôi. Ở đây. Với Sài Gòn không ai biết đến mình. Mọi người để mặc mình. Ở đâu cũng được. Thế nào cũng xong. Sống tầm thường và sống vô danh. Tôi muốn sống như thế, Tôi nghĩ Sài Gòn, chỉ Sài Gòn mà không phải là Hà Nội, tạo cho tôi những điều kiện khách quan để cái chủ quan của tôi thực hiện được cho nó nếp sống này.

Thưa chị, chị đã hiểu tại sao. bất cứ một chuyện dịch nào, bây giờ cũng làm cho tôi ngại ngùng. Chị cũng đã hiểu tại sao, những ngày cuối năm và những ngày đầu năm năm nay, thêm một năm nữa, Nguyên Đán của tôi lại vẫn là một Nguyên Đán không viết chữ hoa, giữa một thành phố ở đó tôi được, một phần nào, sống vô danh và tầm thường như mọi người, như mọi ngày, mặc dầu mùa xuân đã tới.

MAI THẢO.

PHẠM CÔNG THIÊN

một trời vẫn còn đó

Thành phố ấy có lẽ là thành phố lớn nhất ở khắp thế giới; thành phố không có tên, không lịch sử, một thành phố gồm có mười triệu người, theo bản thống kê gần đây của một Viện Quốc Tế về Phát triển Đô Thị. Mỗi buổi sáng, lúc ông thức dậy thì một triệu người cũng thức dậy đồng lúc với ông, chín triệu người khác vẫn còn nằm ngủ; lúc ông đứng dậy mở cửa sổ thì một triệu người bắt đầu mở mắt theo ánh cửa sổ vừa mở; lúc ông đi vào phòng rửa mặt và mở máy nước chảy thì một triệu người khác nữa lại bắt đầu tỉnh thức khi ánh sáng tuôn chảy tràn lan theo tiếng nước róc rách bên hàng xóm. Buổi sáng ấy trời rơi bão, cơn bão ben mai đánh vào cánh cửa sổ phản phật, đập vào tất cả những cánh cửa sổ ở thành phố. Bão càng lúc càng nổi lên bùng bùng trong không khí, vừa lúc cơn mưa lớn đổ ào xuống những đường phố thì gần hết bảy triệu người còn ngủ giật mình thức dậy, tất cả gần mười triệu người ở thành phố đều thức dậy cả, chỉ còn lại có bốn người vẫn còn say ngủ. Người thứ nhất là một cô gái giang hồ, người thứ hai là một ông

thầy tu, người thứ ba là một ông già cụt tay và người thứ tư là một ông mù mắt. Cô gái giang hồ nằm ngủ, ôm con chó Nhật bản ngộ nguậy trên giường, tiếng nhạc điệu phát từ máy phát thanh ở đầu giường vẫn còn du dương thật nhẹ nhàng bản tình ca lãng mạn, cô đã để máy chạy suốt từ khuya và nằm ngủ một nhọc hững hờ. Bão đập vào cửa từng lúc như tiếng đập cửa của vài ba người khách đi tìm nàng vào những giờ khuya khoắt; cô nằm một nhòai và ông có thể đoán cô đang mơ mộng, một giấc mộng đám cưới, một đám cưới có cô dâu mặc áo trắng và có một chàng mặc áo đen đứng ở cuối phố ngó theo. Bão đập vào bức màn đỏ treo ở cửa sổ phòng ngủ, con chó cựa mình nhảy vọt xuống nằm tịt ngầu bên cạnh đôi dép của cô, ngậm một chiếc dép đi vào phòng tắm, đá một vũng trên chiếc khăn tắm của cô bỏ rơi trên sàn gạch. Cách phòng ngủ của cô gái giang hồ chừng năm cây số, trên một ngọn đồi trọc, không cây, không lá, một ngôi chùa gầy đồ loang lổ, ông thầy tu vừa mới thức dậy và nằm đọc kinh *Kim Cang* trên giường, ông lười ngồi dậy, và lười gõ mõ tụng kinh trước ban thờ Phật. Ông chỉ nằm dài trên giường trải chiếc chiếu xám, vừa đọc kinh *A-di-đà*, chỉ thức được vài phút rồi ông lại ngủ say lại, không còn biết đất trời gì nữa. Con bão không tài nào đánh thức ông dậy nổi, các ngài có thể đoán rằng ông đang nằm chiêm bao thấy một hòn đảo nổi lên giữa biển xanh, một cù lao mọc lên xanh rì với từng đám cỏ đen, giữa hòn cù lao có một con sông nhỏ kẻ qua, nước chảy nhè nhè như tiếng thủ thi của mộng, hoạn, bào ảnh, sương, điện, hay ánh chớp lờ của trời

đất. Cuốn kinh *Kim Cang* rơi nhòai xuống đất và áp trên chiếc guốc cây nặng nề, tạo thành một bức tranh *tĩnh vật* mà họa sĩ phải là một kẻ không biết vẽ thì mới thấy đó là cơn lốc của nghệ thuật trong sự xung đột giữa bước chân và con đường. Dưới chân đồi, các ngài có thể thấy một cụ già cụt tay ngồi trước cửa, ngủ gà ngủ gật dựa vào vách xi măng mới sơn trắng mộng thấy mình đang giương tay bắn cung, tiếng tên bay vèo qua dĩ vãng và thực tại, hai bàn tay dang ra xa và chiếc tên bắn ra thành một chiếc tay, chiếc tay độc nhất bay vút trong không gian vô tận như một con chó cụt đuôi phóng chạy vào đêm tối. Người thứ tư là ông mù mắt, ông không có tuổi tác, người ta cho rằng ông được khoảng hai mươi tám tuổi, nhưng nhìn thoáng qua nét mặt của ông, đôi khi người ta thấy ông chỉ chừng mười tuổi, đôi lúc ông chỉ chừng bốn mươi, đôi lúc ông lại chừng chừng tám chục tuổi, nhưng chính ông mù thì ông chỉ biết ông ra đời cách đây hai mươi tám năm, nhưng ông hiểu rằng ông già hơn trái đất và non như buổi sáng sớm có bão rồi lừ lừ bùng trên từng con trôn xoáy vù vù. Ông ngủ ngời trên ghế kê bên cửa sổ, một con chim sâu rìa lông bên thành cửa và coi ông mù như không có hay nếu có đi nữa thì chỉ có như một cây trụ lá, bất động như cuộc đời và vô tri như ý thức của một người điên không biết ngủ.

Bão lại vụt tắt, mưa bỗng vụt ngừng lại, không khí đứng khựng lại như sa mù, cô gái giang hồ ông thầy tu và cụ già cụt tay đã thức dậy. Chín triệu chín trăm chín mươi chín người đã thức dậy, chỉ còn lại ông mù là chưa thức giấc, có ai hiểu nổi là ông đang chiêm bao thấy

gì? Lắm lúc, tay ông giật giật lên, chân ông giật giật xuống, môi ông giật giật ra, tóc ông căng căng lên, ông đang mơ thấy mình đang đứng trên một kỷ trường bao la trước hàng ngàn dãy ghế trống không người, ông đang đứng cúi đầu, hất đầu, giật đầu điếu khiến một ban nhạc vĩ đại, gồm hai trăm nhạc công và nhạc sĩ đủ loại, tất cả đều biến thành một, mọi sự được lùa vào nhau, xô vào nhau, chảy vào nhau như muôn ngàn con sóng, đồ dồn thành một son sóng tóe bọt, đập âm vào ghềnh đá, sầm sầm, xé nát, vỡ toang, bản *Đại hòa tấu thứ năm* của Beethoven giựt giựt chỉ một lần, tiếng đập cửa, tiếng đập của lửa, tiếng đập của nửa vầng trăng rơi vào óc của một thằng điên ở một tu viện nào đó. Con chim sâu tía vào một chiếc lá khô nằm thiu thiu bên thành gỗ cửa sô, ông mù vẫn nằm chiêm bao, khi giấc mộng đại hòa tấu vừa dứt thì ông tiếp tục nằm mơ thấy màu đỏ và màu vàng ông thấy ông đang quỳ lạy trước bàn thờ; trên bàn thờ không có tượng Phật hay tượng Chúa gì cả, mà chỉ có hai vòng tròn, một vòng đỏ ở trên và một vòng vàng ở dưới, giấc mộng kéo dài suốt ngày hôm đó cho mãi đến chiều tối rồi kéo dài cho đến khuya, rồi tiếp tục cho đến hai giờ sáng, lúc chín triệu chín trăm chín mươi chín người trong thành phố đã ngủ say hết thì chỉ còn ông mù là vừa mới thức thức dậy. Ông mở cửa sô ra, chiếc lá khô bật bay giựt ra ngoài thành cửa. Con chim sâu đã bay đi đâu? Ông cũng không hề biết sự có mặt hay vắng mặt của con chim thân ái ấy. Nước chảy rào rào trong cuối gian phòng, ông mù ho sặc sặc, rồi nhỏ phọt một búng nước miếng xuống lỗ phòng rửa. Ông đẩy cửa và bước thật chậm đi xuống một trạm xe lửa hầm gần đây, ông đeo đôi kính đen và bước đi không cần gậy, vì mỗi lần bước xuống hầm

xe lửa, ông chỉ cần quẹo qua hướng trái, khi xe chạy, lúc ngồi trên xe lửa, ông chỉ cần ngồi im kể lại trong óc một câu chuyện có những động tác và diễn biến nhất định, lúc câu chuyện trong óc ông vừa chấm dứt thì lúc đó xe lửa cũng vừa ngừng lại để ông bước xuống, rồi bước lên trên những bậc đá, quẹo qua hướng trái, đi chừng vài bước, quẹo thêm một lần trái nữa là ông đi đến trước phòng ngủ mà ông muốn đi đến. Ông leo lên thang máy, bấm nút cuối cùng thì ông đến nơi tầng lầu quen thuộc. Mỗi ngày, bất luận đêm tối hay sáng trắng, trong tám năm trời rồi, ông đã đi trên lộ trình quen thuộc ấy; trong tám năm trời, mỗi lần ngồi trên xe lửa, ông cũng kể lại một câu chuyện ấy trong đầu, rồi khi rời trạm, đến phòng ngủ, ông cũng quẹo trái hai lần như vậy: trong tám năm trời, đứng trước cánh cửa phòng kia, ông cũng chỉ cần gõ một tiếng, đứng đợi một giây thì cửa mở ra trong tám năm trời, khi cửa đã mở và trước khi bước vào phòng ông cũng đứng lại một giây và đánh diêm lên hút điếu thuốc đầu tiên; trong tám năm trời, khi bước vào phòng ông cũng vào thẳng phòng rửa, rồi phun vọt một búng nước miếng vào lỗ cầu, rồi bước chậm đến ghế bành kê bên cửa sô, ngồi lẳng lẳng hút thuốc thả khói bồng bênh, đang lúc ấy, cô gái giang hồ cũng lẳng lẳng bước vào phòng rửa mặt và hát khê một điệu quen thuộc mà cũng trong tám năm rồi cô cũng chỉ hát khê một điệu ấy vào hoàn cảnh như vậy, với những cử chỉ và động tác như vậy, cùng với sự có mặt thường lệ của ông mà trên ghế bành bên cạnh cửa sô.

— Câu chuyện anh viết trong đầu đã kết thúc chưa?

— Vẫn kết thúc mỗi lần anh bước xuống xe lửa.

— À, anh thì vẫn thế.

- Mọi câu chuyện gì cũng đều kết thúc như thế.
 - Bữa anh này vẫn nói điều ấy chứ.
 - Cũng vẫn chỉ có điều ấy thôi
 - Đi ngủ đi anh
 - Đi ngủ đi em
 - Sáng mai anh và em sẽ đến đó như thường lệ
 - Lại cuối tuần nữa
 - Anh vẫn không đề ý gì hết
 - Em phải đề ý cho anh
 - Có thể nào người ta nằm mộng trên tám năm mà cũng chỉ một giấc mộng duy nhất ?
 - Chỉ còn hai năm nữa là mười năm phải không ?
 - Nghĩa là còn bảy trăm ba chục ngày
 - Thì mộng sẽ dứt
 - Không có gì dứt hết
 - Câu chuyện vẫn tiếp tục
 - Và kết thúc trong mười năm
 - Đề rồi tiếp tục nữa
 - Tiếp tục trong những người khác, trong tất cả những người đã gặp anh và đã nghe anh.
 - Chỉ nghe một điều trong mười năm
 - Hay là không nghe gì hết và có chăng chỉ là một giấc mộng
 - Thực hơn là tất cả sự thực
 - Đi ngủ đi em
 - Dạ
- Cánh màn cửa sổ được kéo che lại khung trống, một

người mù và cô gái giang hồ ôm nhau nằm dài trên giường, tiếng thở càng lúc càng trở nên đều đều, nhẹ nhẹ, không còn gì nữa, chỉ một lần, chỉ một lần, đêm và ngày, sáng và tối, nắng và chạng, thức và ngủ, nửa vầng trăng này tìm nửa vầng trăng kia.

PHẠM CÔNG THIÊN

TRẦN THANH HIỆP

viễn tượng

(Tổng LQI và VK

NGUYỄN QU. HIỆN

Thơ tôi còn nói về tình yêu
và sự tươi sáng mọc lên trên
khô hạn

N.Q.H.

Một buổi chiều anh bỗng thấy cần ngược mắt
Nhìn vòm trời cao
Mà thương nhớ vô tận
Nửa thế kỷ không lâu hơn một nỗi buồn
Mùa xuân chợt về trên mái tóc điểm bạc
Như một kỷ niệm xưa
Anh vẫn đi giữa con đường dài
Ôi Tiêu Chuẩn hun hút mãi chân trời ảo tưởng
Trong viễn tượng phiêu lưu bất định
Hy vọng khởi đầu cho tuyệt vọng
Người lữ hành không còn muốn dừng chân
Chuyển động cho thành bất động
Anh tự nhủ :
Tuơng lai cũng chỉ là kỷ niệm
Ta yêu thương mặt trời và cây cỏ từ đây.

TRẦN THANH HIỆP

SỰ BÍ MẬT CỦA NGÀY THÁNG

Tôi bỗng làm thi sĩ
kể những chuyện nằm mơ
rời tỉnh dậy quên hết.

Tôi đi ra ngoài trời
nằm dọc theo bờ biển
chợp một giấc ngủ vùi
bàn tay trên bãi cát
cây dừa biển chết khô

Rồi tỉnh dậy bằng khuâng
lội ra ngoài khơi tít
vốc nước uống no đầy
cả hai vai rách mướp
rồi trở về đồng bằng
hoa quả vừa chín rưng

Tôi vờ tay lên cao
rồi lại đi buông thõng
gió nhiệt đới lộng lộng
rừng cây lá lật trắng
hơi thở cũng đều hòa
hai mắt đầy trong tim.

Thế là hết một ngày
một ngày rồi một tháng
mặt trời đã thất cổ
nhạc vui cũng bắt đầu.

KẺ VÔ DANH VÀ VẬT VÔ TRI

Bước vào ban đêm bật đèn
anh tưởng đến dáng cổ xe một lá
giữa mùa cây cỏ nắng khô
Có tiếng chạy đều của guồng sinh tử.

Anh đã tìm ra lý do dẫn dụ những người ngồi kia
những câu vọng cổ từ những vũng tình cảm không.

hình thù đọng lại.

Chúng ta hết kêu than không thể hiểu
Vỗ tay xoay theo điệu nhảy vòng tròn
Cũng như đã thất vọng đi vào vô hạn
những sinh lực còn lại đi trong thế giới.

Hết buổi chiều chủ nhật chúng ta trở về
Các nhà máy sớm mai hoạt động lại
những người Vô danh, vào đối thoại với vật Vô tri
và thắc mắc kéo dài một trăm năm liền tiếp
sau cùng không hiểu đã hỏi thế nào
hay không thể đặt một vấn đề gì ngoài những việc xảy ra
gọi tên chúng là ân huệ hình phạt
nhưng mọi người sẽ phải tay an tâm
bằng lòng trao cả cho bàn tay ngắn ngủi
tôi sẽ tiếp tục cuộc đời dù bằng một nhọc
bằng chút hy vọng nhỏ bé đã nhiều lần ngồng nghênh ném bỏ.

Từng toán người trở về hát bài khải hoàn
qua khu rừng thưa
hãy ốc xên bò trên nấm mộ
«chỗ này nằm nghỉ một người vô danh»
người ấy là ai.
hay chính là anh
Các con cháu chúng ta sau này cũng thường hỏi mãi.

Tôi sẽ hát những bài đoản ca nói về cuộc đời và ái tình,
 của một người không tên như cây cỏ trong rừng
 là anh trai làng yêu cô gái dậy thì
 má thì tròn mắt thì lông lánh
 có đêm trắng sáng trưng tư...

LỊCH SỬ

Tôi bỗng tỉnh cờ sinh ra
 như một con vật nhỏ trong cánh rừng lớn,
 không biết từ ngày nào,
 rồi tri não trời mằm
 đi về đâu
 mặt trời mọc đầu rừng lặn đằng cuối
 buổi sáng thì vui tươi
 đêm kéo về đe dọa mùa đông cây trụi cành
 mùa xuân về nảy lộc
 mình tôi mang dấu vết những ngày đi qua
 bây giờ là đâu,
 dưới Thung lũng sâu hay Sườn đá dốc,
 đây chính là mặt phẳng của sự ngu xuẩn.
 Bên kia núi là thiên đường hay địa ngục
 tôi bước theo lối đi lá rụng
 Sự ban đêm sẽ úp xuống
 hành lý bằng ảo tưởng hôm qua
 sang bên này vẫn toàn rừng cây
 không phải là Thiên đường hay địa ngục
 mà chỉ là chiến trận của những Đam mê tiếp nối
 còn đó là những phiến đá mỗi mòn tàn lụi,

những người xưa đâu rồi,
 hãy đốt đuốc lên cho tôi được nhìn thấy mặt
 là không bao giờ thấy mọi người đông đủ
 có phải không bao giờ đông đủ.
 Tôi ở nơi nào đây ?
 Hồi Niềm Kiêu căng nhỏ bé của linh hồn này
 hãy đem ta tới Trung Tâm của Ghi nhớ.

NGUYỄN QUANG HIỆN

VIÊN LINH

sinh nhật

Hôm nay năm tận, Sài Gòn
Tôi nghe khiếp hãi tâm hồn già nua
Giật mình, con quỷ ban trưa
Tiếc mùa hoan lạc hải chưa được hời.

Hôm nay Trời Đất có tôi
Trên ba mươi tuổi làm người mới quen
Xuân hồng, một góc thiếu niên
Năm năm mê mãi những miền hoài nghi

Trên ba mươi tuổi ù lì
Đêm về kéo cửa ngày đi kiếm mình
Cảnh đời, một cõi u minh
Cảnh tôi thấp thoáng bóng hình những ai

xuân kỷ dậu

U mê hết tháng năm dài
Chân trong lối kiệt hồn ngoài bến không
Hôm nay năm tận, bàng hoàng
Giục thêm tiệc rượu ngòm ngòm đĩa vơi
Nhìn ra cảnh cõi, riêng tôi
Trong hiên viễn phố thấy trời buồn lây
Trên ba mươi những năm gầy
Thời gian cuồn cuộn từng giây trôi người
Hôm nay Sinh Nhật tiệc tôi
Uống dấm chén đắng chúc đời hân hoan

VIÊN LINH

HUỖNH PHAN ANH

một chỗ không người

Có gì đề nói trên cái chết của một người một tai nạn thông thường được kể lại vắng tất cạnh những tin vặt mỗi ngày không đủ sức gây chú ý cùng lắm chỉ có thể trở thành thú tiêu khiển nhac nhẽo cho một người đọc tò mò, tạo một xúc động hơi hợt cho những tâm hồn lãnh mạn dễ thương vay khóc mướn, trong trường hợp này người ta sẽ buột miệng than vãn; đặt câu hỏi, tìm giả thuyết quanh cái chết của người thiếu phụ trẻ đẹp kia, hẳn nàng cũng có một mái gia đình một hạnh phúc đã trở nên thừa thãi, rồi chồng, rồi con, nỗi khổ của những người ở lại, nhưng tại sao nàng lại một thân một mình đến phải vong mạng thảm thương thế kia (tai nạn xảy ra trên đường về thành phố giữa một thị trấn buồn thiu miền cao nguyên ngút lãnh) có điều gì bí ẩn trong cái chết đó, tai nạn đã đến với nàng hay chính nàng đã tìm cách trốn khỏi cuộc sống này, cái chết của nàng hay màn chót một tấm kịch buồn bắt đầu trò đó người tôi có thể, với một chút tưởng tượng kể lại, viết lại thành một câu chuyện, một chuyện tình, biết đâu đó, với những yếu tố cần thiết đủ làm sống lại một màu

trên ký dãn

người dựng lên một hình ảnh hay một huyền thoại, hãy gọi đó là văn chương, văn chương vốn bắt đầu từ hư tưởng một số người và lòng dễ tin số người khác phải không. Tôi sẽ tiết độ được gì tôi, trên cái chết của một người, trên một người đã chết đã chọn, dù sao, niềm im lãnh đời đời, hay ít ra tôi có gì đề nói nhân cái chết đó dù với một ai, dù với chính tôi. một cách trả lời cho những đòi hỏi trong tôi về một biện minh, một giải thích có thể đó chỉ là những đòi hỏi không lâu đôi khi quyết liệt đến vô lý. Người đàn bà đó đã chết. Tôi không biết gì ngoài sự việc nàng «đã chết» tôi không thể tìm hiểu được gì mặc dù những cố gắng. Tôi chỉ còn biết tự an ủi mình một cách lười biếng, tốt hơn hết là hãy im lãnh. Tôi sẽ im lãnh (tới bao giờ?) như tôi vẫn nhủ thầm đừng nghĩ ngợi đừng nói năn đừng chuẩn bị gì, hãy coi biến cố xảy ra như một cuộc dàn xếp êm đẹp nhất, một cách kết thúc lý tưởng nhất. Tôi tìm lại tình cảm yên thân ngày nào của đời sống cô đơn, rỗng không, buồn bã «anh vẫn thế, anh không khác xưa chút nào, anh có nhìn nhận không, một người đàn bà thỉnh thoảng đến rồi đi, đến không đợi chờ đi không xưa đuôi, với anh tình yêu chỉ là sự nhắc lại một số cảm giác, một số lệ nghi cũ, tình yêu không thay đổi được gì và tôi, tôi cũng không mang đến cho anh được gì, có phải thế không?»), một đời sống tự do, tự do như cái gì thừa thãi, không biết xử dụng vào đâu cách nào. Như trong những giây phút này đây, tôi tự hỏi, làm gì, việc gì sắp sửa xảy ra, tai nạn nào đang đợi tôi, và tôi đang dưng ruồi về đâu. Ý định rời bỏ thị trấn (những chuyến đi trong đời ta!) đã tan rã trong tôi, đã trở nên vô ích

bởi vì nàng đã chết: thành phố hện hò nơi hai người (lẽ ra) sẽ gặp nhau sẽ chung sống với nhau trong một khoảng thời gian cần thiết nào đó như họ đã giao ước với nhau trong lần gặp gỡ sau cùng, một cách giải quyết dứt khoát vấn đề, một cách xét lại lòng mình như người ta vẫn nói, thành phố đó chỉ còn là một hình ảnh chết, một phi lý hoàn toàn. Tuy nhiên bằng cách nào tôi có thể yên ổn trong ý nghĩ về cái chết của nàng như một cảm đoán, một công cuộc dàn xếp (không cần gì đề nói trên một cuộc tình đã an bày) điều tôi vẫn tự hỏi là trong một tương lai bình thường (không có sự trắc trở cái chết kia) liệu hai người còn có thể gặp nhau một lần nào khác dù trong tình cờ dù trong hò hẹn. Thật ra tôi đã dứt khoát được gì trong cuộc trừu tượng nói trên và liệu nàng có nhận ra một trí tuệ thông minh như nàng, một tuổi tác già dặn như nàng về giọng điệu trong lời nói cách nói của tôi.

Tôi không muốn nàng thất vọng, vốn đã là một người tình không sung sướng (một người tình, một người đàn bà) và chính đó là lý do khiến tôi phải khổ sở, tôi lưng chừng ở giữa sự tàn nhẫn và tính nhu nhược, biết làm thế nào được, tôi chưa xót nhận ra điều này, mầy phải cố gắng, mầy phải sửa đổi, một cách nào đó, mầy phải chọn, như mọi người vẫn nói, vâng tôi biết, tôi biết tôi phải làm gì, tôi đâu và tôi cũng đã tự hứa với mình, mầy phải khá hơn bằng mọi cách bằng mọi giá, mầy phải... Những lần gặp nhau, nàng đã không âm thầm nhắc nhở tôi điều đó (nàng không nói gì, nàng vẫn không nói gì), gặp nhau, điều này có nghĩa là nói cho nhau nghe

những thiếu sót, những hư hỏng của chính mình, cùng nhau hứa hẹn, chuẩn bị một đời sống, một tình yêu tương đối khá hơn khả dĩ có thể chấp nhận được, những đứa bé đó đã đến với nhau, ràng buộc lấy nhau, vì đâu, những đứa bé vô vọng những đứa con hư hỏng, những vô vọng và hư hỏng đã mang chúng đến gần nhau ở lại với nhau, chúng có trách nhiệm gì, chúng vẫn tự hỏi, chúng vẫn hỏi với nhau, có lẽ vì chúng vẫn, không biết rằng thâm kịch (nếu hai tiếng này còn có một ý nghĩa) bắt đầu từ đâu bao giờ hay đã có sẵn từ bao giờ. Chờ đợi, rình rập và không bao giờ nữa buông tha. Ôi! những đứa trẻ yêu nhau muộn màng như đã từng sống lỡ, những đứa trẻ đã bước vào một cuộc chơi không kỳ thú, những đứa trẻ buồn nản. Liệu chúng sẽ cứu gỡ vào đâu. Hãy cho chúng một dịp may nếu dịp may là điều có thật. Không, Các con hãy đón nhận lấy phần số của mình, hạnh phúc các con đó, biết không. Đừng hỏi tại sao chúng ta gặp nhau. Hãy hỏi tại sao chúng ta vẫn tiếp tục gặp nhau. Gặp nhau, không giải quyết được gì. Gặp nhau không do tình yêu mang đến, có lẽ là nỗi khổ, không đề được gần nhau, có lẽ đề xa nhau hơn tiếp tục sống trong khoảng cách, cái khoảng cách (thân yêu và ghê gớm đó!) vừa tầm cho một ảo tưởng đồng thời cho một tình cảm bại vong, một hi vọng vô phương đến gần một thiệt hại vô phương hàn gắn. Em chưa bao giờ nhìn rõ mặt anh nàng nói có lẽ em cũng không bao giờ biết được anh là ai. Tưởng tượng một người đàn trên con đường dài đưa nàng đi trốn (những thói quen, những bồng phận, những cực hình quá nặng nề cho tâm hồn yếu đuối kia) đưa nàng tới một

vùng ăn nấu giả tạo, một vòng tay nàng tình nguyện ngã vào bởi nàng phải dừng lại một nơi nào đó, một nơi nào cho những bước chân mỗi một. Vâng nàng đã tìm đến gian phòng trống lạnh đứng nép mình sau ngói nhà cũ kỹ giữa một vùng cỏ cây hoang dại một ngôi nhà bị bỏ quên, một ngôi nhà hoang trong thoạt nhìn, nàng đến trên những bước đi thất lạc giữa một vùng cỏ biết cao tận gối, sẽ chậm lại đôi khi, có thể một ý nghĩa nào đó chợt hiện lên—những ám ảnh những bối rối, những mâu thuẫn—(nàng tiết lộ: vẫn là tình cảm phiêu lưu của một tâm hồn mù quáng chính là em, hãy tưởng tượng rằng em sung sướng hãy nói rằng em sung sướng, em muốn anh nhìn trên em trọn nỗi sung sướng đến nóng rất thịt da trên em hình ảnh người tình với tất cả những yếu đuối những liều mạng những sa ngã nhưng dường như, anh đừng chối, anh chỉ tìm thấy, bắt gặp một tâm hồn thiêu não có phải một cái gì cay đắng xót xa em không che giấu được dưới mắt anh) những giây phút đó nàng chỉ còn là một bóng dáng khổ hạnh, một tâm hồn luôn khuấy động, luôn phải tìm cách chế ngự chính mình, và tôi sẽ tự hỏi nàng đã phải vượt qua bao nhiêu trở ngại trong những chuyến đi táo bạo đưa tôi một tình yêu phù phiếm (tôi). Nàng khổ, điều này có thật, cũng là điều làm tôi khó chịu, tôi vốn không quen với những chịu đựng tương tự (con sẽ chết mất, con ơi, nếu cứ phải nghĩ rằng lương tâm đang lên tiếng trong con). Có lẽ tôi không bao giờ chuẩn bị để gánh lấy nỗi khổ của bất luận một kẻ nào khác. Tôi lại càng không thể góp phần giúp đỡ được gì cho ai trong mưu đồ hạnh phúc. Nàng đã không bảo tôi là một

xuân kỳ dạn

con người vô can hay sao? Nàng nói, em biết anh không hề chấp nhận một người đàn bà (dù là em đã một ai khác) bỗng đứng từ bỏ tất cả chỉ để được gặp anh nhìn anh ở bên anh và nói mình khổ. Nếu anh biết rằng đó chính thật là điều quan trọng ngoài ra không còn gì đáng kể (còn gì đáng kể nữa tôi chỉ là một người đàn bà yếu đuối, hư hỏng từ lâu không biết tới niềm vui sống từ bao lâu rồi trước khi gặp anh. Gặp anh lần đầu tiên, tôi chỉ còn là một đứa trẻ bối rối một tâm sự được nhìn nhầm tận mắt, một niềm bí ẩn bị tóm thâu không chạy chối). Điều tôi vẫn tự hỏi điều nàng không hề (không can đảm) đặt ra: người đàn ông đã xuất hiện trong cuộc sống lặng lẽ của nàng (tôi) như một thứ hạnh phúc đáng phân ràn (thế nào là hạnh phúc, một con người hạnh phúc, một cuộc tình hạnh phúc) hay một bước đường sa đoạ, tất cả đều khó hiểu đối với tôi. Liệu tôi có thể làm được gì cho kẻ khác dù là một ân huệ dù là một nỗi tuyệt vọng. Người ta đọc gì ở tôi. Người ta được quyền hi vọng gì ở tôi. Trong bóng tối hèn hò (bóng tối, tội lỗi), những giao ước, những mưu toan, những mộng tưởng còn để lại gì trong trí nhớ họ, những người tình cô đơn đã đến với nhau một lần trên bước đường dung ruổi đã gặp lại nhau sẽ gặp lại nhau như đã từng chia tay nhau: Không chờ, không hẹn. Thật đơn giản, hãy đến với nhau nếu cần, nếu có thể: tình yêu là cái gì không đến nỗi tệ hại, dù sao. Tôi (tiếp tục) nghĩ một ngày nào có thể người đàn bà trong một phút sáng suốt, nhận ra những bước chân lầm lỡ của mình, tại sao mình có thể như vậy được, tại sao mình có thể chấp nhận quá dễ dàng, tại sao, tại sao, để rồi không bao giờ nữa từ gian

NHÌN LẠI MỘT NĂM

văn học nghệ thuật

phòng tẻ lạnh, đồ nát tôi còn được dịp nhìn qua khung cửa sổ khuôn mặt nhạt nhòa của một ngày mưa, sự hiện diện bất chợt và thích thú, cuộc tình nguyên cớ, tất cả chuẩn bị một cuộc tình êm đềm hứng thú, tất cả: những gì còn lại trong trí nhớ lười biếng, rồi rồi, nàng đã quyết định, nàng không thể tiếp tục và như vậy là chấm dứt một chuyến phiêu lưu, nàng trở về, hạnh phúc kia vẫn nguyên vẹn như ngày nào, không, sự trở về, làm gì có, bởi thật sự nàng có đi một bước nào, nàng vẫn đứng yên một chỗ, mọi sự vẫn yên ổn trong vị trí ban đầu, nàng chỉ là một kẻ lãng quên, có phải.

Tôi tìm câu kết luận cho những ý nghĩ què quặt của mình. Tôi nghĩ tới niềm vui của kẻ đã trang trải, trút bỏ những sức nặng trên đời mình. Một ngày nào đó, tôi chợt nhìn vào khoảng trống nàng để lại, nỗi thất bại của một tình yêu (của một đời người) như người ta vẫn nói, như thăm đây là khoảng khắc ta mong đợi đây mới là nơi chốn của riêng ta, đây chính là căn phần ta. Một kẻ nào đã nói, anh không giống ai, anh độc ác và anh không bao giờ biết. Có thật vậy không? Có thật là lỗi ở tôi. Đây là sự thật nàng dừng dừng bước vào. Đây là sự thật tôi tìm kiếm. Đêm nay, và còn bao đêm nữa, trong gian phòng trống lạnh, kín bưng, ngọn nến kia sẽ cùng tôi thức trắng tới bao giờ. Ngoài kia, trên kia đêm vẫn bủa giăng có phải. Hãy đốt lên ngọn lửa và ngồi đó.

Ai đang lên tiếng đó. Văn giọng nói thì thăm giục giã đâu đây. Ngọn nến đã đốt lên rồi có phải (Ồi bao nhiêu ngọn lửa đã cháy lên trong đời ta).

HUỲNH PHAN ANH

Tết Mậu Thân. Xuân Kỷ Dậu. Những trận đánh khốc liệt còn diễn ra trên những rừng núi và ruộng đồng đất nước. Bên kia đại dương, một hội nghị hòa bình vừa mở màn. Trong cái tranh tối tranh sáng của tình thế, những ngày cuối năm nhiều sao động là một cơ hội tốt cho mọi người ném một cái nhìn về trước mặt, để nhận định thế nào là cái sẽ đổi thay, cái sẽ thành hình của Việt Nam trong tương lai. Cho nỗ lực này phương thức cổ điển nhưng kiên hiệu nhất vẫn là phán đoán từ và bằng những kinh nghiệm đã có. Văn học nghệ thuật năm qua, trên khía cạnh này, xứng đáng được xem như một kinh nghiệm chung. Cuộc tham khảo ý kiến dưới đây mang ý nghĩa một tổng kết tập thể. Nếu văn học nghệ thuật Việt Nam biết nó năm qua như thế nào, nó cũng sẽ biết nó phải như thế nào, trong năm tới. Tổng kết một năm văn học nghệ thuật bởi vậy còn là quy định cho văn học nghệ thuật những mục tiêu mới cần thiết vô cùng cho giai đoạn nhận đường, không phải riêng cho một nhà văn, nhà thơ, mà cho tất cả những người Việt Nam có ý thức và có thái độ.

MAI THẢO

Nhìn lại văn học nghệ thuật Việt nam 1968, trên những nét lớn của nó, tôi vẫn thấy được với tôi nhận xét này của nhiều năm về trước. Là thơ, văn, truyện, kịch, hội họa chúng ta nói chung vẫn được tiếp tục đẩy tới trên một chiều hướng tốt. Những cái đã có, đã thành tôi muốn nói đến cuộc cách mạng thơ có từ 1954 và phải xem đó là cách mạng vĩ đại nhất của thi ca Việt nam hiện đại, những khám phá độc đáo trên địa hạt tiểu thuyết, đặc biệt ở thể truyện ngắn, những phiếu lưu mới được đánh dấu bởi nhiều thành tựu tốt đẹp trong ngành hội họa đã trở thành những hành lý tùy thân đầy đủ cho rất đông những người làm văn học nghệ thuật miền Nam mà thái độ chung là cùng muốn đi xa hơn những đoạn đường đã tới. Thu hẹp trong một rằm, quả thực ta có quyền bi quan. Bi quan vì những thực hiện còn mờ yếu, những thành tích còn nghèo nàn. Những cái mùa vàng của trí tuệ và sáng tạo không phải là một mùa lúa Thần Nông 8 một năm không có nghĩa gì hết trong quá trình một dân tộc. Càng không có nghĩa gì hết trong quá trình một nền văn học nghệ thuật chỉ mới bắt đầu. Phải biết nhìn như thế. Ta đã làm được cái việc phá vỡ hiện đại văn chương ta, hãy thực tế và nhũn nhặn nhận định cao nó như một giai đoạn chuyển tiếp. Làm được tốt cái việc đôi khi rất bạc bẽo của kẻ đào huyệt, thì khai sinh chắc chắn sẽ có bởi những người sau ta. Đừng có lo, hoa tại sao hoa chưa nở. Mầm đã gieo, đừng có buồn tại sao lúa chưa mọc. Mọc ngay nở ngay, chưa chắc đã tốt đâu. Ta vẫn mở đường ta vẫn nhận đường, vẫn lựa chọn, vẫn tìm kiếm. Thì vẫn là được. Chúng

ta đã cắt nghĩa được tại sao lại có cái tâm trạng mỗi một đang tràn lan như một hiện tượng chung. Đó là vì mở đường nào cũng cực kỳ mệt nhọc. Chúng ta vì vẫn nghe thấy từ bên kia một triền núi tiếng sóng vui của một vùng biển mới, chúng ta vẫn nhìn thấy sau một ý thức vẫn đường, những thực hiện lớn tất yếu phải tới, mà tôi vẫn muốn công nhận cho văn học nghệ thuật năm 1968 của ta, như một năm nữa của sửa soạn cần thiết, trên cái ý nghĩa tốt đẹp nhất của sửa soạn. Chỉ bằng vào những thực hiện, có khác gì đòi hỏi nghệ thuật phải là một sản xuất? Hãy ném một cái nhìn thật xa về cả hai phía quá khứ và tương lai. Ta sẽ thấy với 1968, ta chưa tới nhưng mà ta vẫn đi, ta chưa thành nhưng ta đang lớn năm sau, năm sau nữa, nếu có hàng chục tài năng mới, nếu có hàng trăm tác phẩm lớn, thì cái mùa thần nông 8 bất ngờ của nghệ thuật này nhất định không làm chúng ta ngạc nhiên. Vì 1968 chùn chùn nhạt nhòa vừa qua, khi đó sẽ không còn bị coả như một khoảng trống.

TÔ THUY YÊN

Bây giờ rán nhớ lại, dường như tôi không được đọc tác phẩm nào quan trọng xuất hiện trong năm 1968. Sách xuất bản khá nhiều, nhưng hầu hết vẫn là tác phẩm viết thêm hay in lại của những cây bút đã có địa vị. Tôi cũng không tìm thấy một tác giả mới nào xuất hiện (dù là chỉ ký tên dưới một truyện ngắn... ngắn đi nữa!) Những hoạt động văn nghệ cũng không đáng kể.

Tóm lại, năm 1968 là một năm buồn của văn nghệ. Tình trạng chiến tranh dồn dập giải thích sự trì trệ này của văn nghệ. Đường như không ai còn thiết làm điều gì lớn trong tình thế dầu sôi lửa bỏng của đất nước.

Tuy nhiên, có một niềm rất đáng mừng là văn nghệ, trong năm 1968, có vẻ đi sát với thực tại của đất nước, đi sát với cuộc chiến đang diễn ra trên quê hương. Nhiều nhà văn đã thật sự gia nhập vào cuộc chiến (dù muốn dù không, khi giặc đã tới nhà rồi, ai cũng phải chọn thái độ), và khuôn mặt trước kia xanh xao, bệnh hoạn của một thứ văn nghệ tù túng đã lấy lại được vẻ hồng hào trong lửa chiến tranh. Như vậy, nếu đất nước được yên ổn đôi chút, chắc chắn sẽ có những tác phẩm lớn viết về một sự kiện lớn của đất nước và của con người.

THÁI TUẦN

Hội họa năm vừa qua đã sút kém như chưa bao giờ từng thấy.

Các phòng tranh tuy có lác đác mở ra nhưng không gây được sự chú ý nào. Các giải Hội họa như «Mùa Xuân», ESSO đã bị bãi bỏ. Các cuộc trưng bày phần lớn là của cá nhân. Người củ tranh cũng củ. Một vài tên tuổi mới cũng vẫn đi trên một chiều hướng không có gì là mới. Ảnh hưởng thời cuộc của năm qua đã quá nặng nề đối với sinh hoạt nghệ thuật ở đây.

VIÊN LINH

Cho tới bây giờ Thơ vẫn chưa vượt qua một căn phòng đã tước mở để tiến sang một căn phòng khác. Một cánh rừng đã tước khai hoang để khai hoang một cánh rừng khác. Đường như là có một vài chiếc chìa khóa đã được đóng thêm cái thứ hai và nhiều người đã vào cùng một căn phòng.

Những năm nóng hổi đã đi qua, một đỉnh núi đã được chinh phục. Có phải ngày nay đỉnh núi ấy đã là một ngọn đồi trọc với một lối đi mòn?

Năm qua không có gì để nhớ cho Thơ. Một phía, cái thang thốt đi vào lộ kiệt, cái ngôn ngữ mới đến từ Sáng Tạo. Một phía, cái giận dữ cùng cực, cái tiếng nói của sinh hoạt đến từ Văn Nghệ. Sau từ Nghệ Thuật, phổ biến Thơ đó trên một bề mặt mỏng manh, một chân trời củ còn thoi thóp đã tắt hẳn. Rồi từ những trang nhật báo dành cho nhi đồng, cho trẻ nhỏ, Thơ là những khúc ca tự do cách biệt những vần điệu hoàn toàn giáo khoa. Học sinh không tìm được ở Học đường một chút sinh khí nào khi tập làm văn, làm thơ. Những ngòi bút mực chấm mực ở sông núi, phố xá, mà viết.

Một thứ thơ hiện thực, hay tân hiện thực, đến từ một bờ bên của thực tế, viết từ những cái tâm thường hàng ngày, đã không làm nên một ý nghĩa nào.

Trong thanh niên súng ống đem vào Thơ, vỏ đạn con cái đem vào Thơ điều đó cũng không làm nên một cái lò so mới, một cái đà nhảy mới. Không có nghĩa gì hơn là sự kẻ lẻ có tính cách lãng mạn. Đôi cánh của tưởng tượng vụt lên như cái dù hỏa châu, trông rõ lắm. Cái dù tưởng tượng ấy bắn lên

không trung bằng thuốc súng.

Thơ chiến tranh, phải làm như Đỗ Phủ. Những vần điệu mới về chiến tranh ở đây, tôi được đọc, chỉ là hình thức của một loại nhật ký viết trong sổ tay. Nhật ký hành quân, nhật ký gác, nhật ký đóng đồn ở trại, và nhật ký về phép.

Thơ năm qua rung động trên những giấy tờ nào? Giấy Chiến Tranh. Giấy Ái tình. Giấy Xã Hội. Giấy Số Kiếp. Giấy Nhiệm Vụ?

Nghe không ra một điệu nào. Có những tiếng rề buồn nản. Nhưng tôi vẫn tin tưởng rõ ràng ở những người Thi Sĩ của Ève. Luôn luôn, người Thi Sĩ của Ève sẽ đứng ở đầu giấy, từ sáng sớm. Và cho suốt những chiều tà...

TÚY HỒNG

Cả năm chẳng ngó ngang cái gì nên không thể là một người nhiều chuyện được. Đọc báo hằng ngày thì lướt bằng bằng những hàng chữ lớn nơi trang đầu, rồi lật qua trang cuối đọc tin buồn tin vui, báo tháng thì được gửi cho mấy tờ Văn đề, Bách khoa, Văn mà đọc được bài này thì đề sót bài kia. Ở tờ Văn thấy nhiều cây bút trẻ mới. Đọc lai rai thì thấy hình như có sự nghỉ tay của những cây bút cũ.

Có tờ báo hỏi tôi: một mai nếu hoà-bình về thì có đòi chiến viết không? Tôi nghĩ bụng: hỏi han gì như 1 lối tra-trấn, hỏi 1 câu mà đến hai vấn-đề: hoà-bình và viết. Viết mà đòi chiến à? Tôi quan niệm đó là chạy theo. Còn hoà-bình? Ngỡ ngàng làm sao ấy.

Tình hình viết lách trong năm tôi thật nghèo hiểu biết. Cúi xuống những cái khác mà quên cúi xuống quyền sách. Tôi xúc động quá sức khi đọc tin Y. Uyên chết, xúc động trong cô đơn vì không có ai để nói ra cái ý nghĩ.

VŨ KHẮC KHOAN

Chúng ta hiện đang bị kẹt giữa sân khấu một tấn kịch lớn, mở màn tuy đã từ lâu mà động tác diễn biến, đến đầu mùa Mậu Thân mới thực sự bước vào giai đoạn quyết liệt. Ở đây ánh hỏa châu thay thế ánh đèn điện không có khán giả nhưng vở kịch lớn thường không có khán giả. Tất cả đều bị kẹt trên sân khấu. Tất cả đã trở thành diễn viên. Ở đây ngự trị những con số lũy tiến theo tốc độ và cường độ những thế kịch càng ngày càng gay go, càng phức tạp. C47, B52, F111, Mig 15, Mig 17, Mig 21. Đại bác 75, 105, 120. Hỏa tiễn gần 1, rồi 4, rồi 8. Hỏa tiễn 122 rồi 140. Bàn hòa đàm 4 góc hay tròn? Phê hòa đàm là 2 hay 3 hay là 4? Và con số của những người chết. Năm, ba người (vào năm nào nhỉ?) rồi vài trăm, vài ngàn, vài trăm ngàn vài chục ngàn.

Tấn kịch lại càng quái đản khi chúng ta tìm tới chất kịch. Bi hay hài? Mà cũng không phải là bi hài lẫn lộn kiểu Thạch Sĩ bia. Mà bi cũng được, mà hài cũng được. Bi đắt là những cái chết, cái chết không thể cưỡng được, xếp hàng đi vào cái chết. Như có ma đưa lối, như có quỷ dẫn đường.

Như một Định mệnh. Nhưng... nghĩ kỹ một chút, e không khỏi mỉm miệng cười. Nhất là khi đi sâu vào nội dung tấn kịch. Nhất là khi toàn thể nhân vật đều nhắm cùng một đích: hạnh phúc, đều muốn tiến tới cùng một hướng: hoà bình,

Bi hay hài? giờ đây là «cười ra nước mắt» là «oà bật lên cười», là hình ảnh một anh chàng bé nhỏ mang tên là charlot mà mỗi một cử chỉ, mỗi một giáng điệu đều có thể bắt nhân loại cười, đều có thể bắt nhân loại khóc. Khóc cũng được mà cười cũng chẳng sao.

Bước vào Xuân Kỷ Dậu, tấn kịch vẫn còn dai dẳng, vẫn tưởng như chưa hội đủ yếu tố để hạ màn.

Không thể có một vở kịch lớn trong năm 1968. Không có một vở kịch lớn trong năm 1968.

MẶC ĐỒ

Trọn một năm nay, vì hoàn cảnh riêng, tôi phải hạn chế đọc, không đọc được đủ hết những sáng tác Việt ngữ đã in trong năm. Tuy vậy tôi vẫn nhận thấy một điểm rất trời là thật nhiều những người viết mới.

Tôi không đồng ý với một anh bạn đã nói lên ý nghĩ: Tôi chán viết khi biết mỗi đêm ở ngay Sài Gòn này có cả trăm người cũng đang cặm cụi viết. Anh bạn đó đúng khi cho rằng những người viết phải làm gì HƠN cái việc cặm cụi chỉ đem lại kết quả vô bổ như cả ngàn cuốn sách đã in ra. Nhưng mỗi hoàn cảnh đều có cái luật riêng của nó, ta không thể làm khác hơn là chấp nhận hiện tượng mọc ra như nấm và ta tin rằng sự đông

vui càng giúp thuận tiện để phát giác những mầm mới nhú hứa lên cao, nở đẹp. Điều đáng sợ là nếu số đông xum xuê không tiến hơn được cái xum xuê nhất thời đó.

Thời tiền chiến những con người cũng giống như những con người bây giờ, nghĩa là cũng đủ những đức tốt, tật xấu, cũng bẽ phái, đồ kỹ và ý hướng sáng tạo cũng phát triển đều và mạnh như bây giờ. Làng viết hồi đó tuy vậy tương đối hẹp vì những người viết phải sống nhiều hơn, chịu đựng nhiều hơn trước khi «mọc» được lên. Cái khác của bây giờ là dễ in quá, không còn những gạn lọc, gạn lọc con người, gạn lọc tác phẩm. Xưa kia con người và tác phẩm thường phải được chấp nhận trước khi bắt đầu được in. Bây giờ là tình trạng ngược lại.

Tình trạng bây giờ lẽ dĩ nhiên đã khiến cho nhiều giấy, nhiều công khó của nhà in phải phao phí đi và nhiều nhà xuất bản, nhà phát hành-những nhà kinh doanh văn học nghệ thuật có dịp làm giàu trên lưng độc giả.

Độc giả có khả năng kinh tế để mua nhiều sách thì sách cứ được in ra. Làng viết có đông vui cũng không là điều đáng quan tâm. Những người đọc sẽ không dễ dài mãi. Sau cùng vẫn có sự gạn lọc của thời gian. Những người viết chỉ có một địch thủ đáng sợ là thời gian.

Cho nên vấn đề của những người viết chỉ quy vào một điểm chính là chúng ta có cố gắng mãi hay không.

MẶC ĐỒ.

LƯU HỒ

Văn học miền nam đã một năm kêu khóc cho hòa bình. Hồi Janos Kadar phản bội tổ quốc Hung gia lợi bán đứng tổ quốc cho Nga. Nguyễn sỹ tế viết trên sáng-tạo bài «giòng sông xanh thù hận» và Thanh tâm Tuyền làm bài thơ mà tôi yêu nhất hai câu.

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest

Mắt em khóc tiếng tình cảm cho khối người đã trốn khỏi hàng rào thép gai phủ quanh biên giới. Những sợi thép gai nhọn hoắt như nanh vuốt của bóng tử thần. Hơn mười năm sau, tại miền Nam này, ngọn lửa hồng Thích Quảng Đức bùng lên sáng tâm hồn của một khối người âm thầm chấp nhận sự cấu xé giữa ruột rứt và tư tưởng. Lửa thiêu bùng cháy thiêu rụi một bạo chúa, và để lại bao nhiêu lớp tro tàn. Bây giờ, ngọn lửa truyền từ đông sang tây, từ tâm niệm sang hành động, từ tiềm thức ra ý thức vùn vụt cao ngất trên thân thể của sinh viên Janpalach. Ôi! ngọn lửa hồng Thích Quảng Đức vụt lên trong đêm tối đoạ dày đã tạo ra ánh sáng. Bây giờ ngọn lửa đỏ của Janpalach hòa vào bề máu cờ hồng Những lá cờ đỏ rung mình giữa màu lửa đỏ. Tất cả là bề máu. Máu của kẻ chủ động hòa với máu của kẻ thụ động. Trong biển máu lửa, một triệu người xếp hàng gục đầu tiến qua chầm chậm. Tiếng gót dậm nghiêng rặng trên sỏi đá. Tiếng thở dài kết tụ thành ngọn cuồng phong thổi mạnh ánh lửa hồng. Lửa đi từ việt nam qua tiếp khác. Nó đã cháy lan tới Hung gia lợi. Nó tiến dần tới Mạc tư khoa, tới Bắc kinh

Néron. Néron. Chế độ La mã thiếu hủy.

Marx. Lénine. Mao trạch Đông còn gì nữa đâu?

THANH TÂM TUYỀN và buổi mai này của em

VÀ BUỔI MAI NÀY

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên ả ề niềm thống hối
Trên bầu trời ngày đã quên ngày
Chó tru ngoài đồng chó tru thăm thiết
Tiếng vang rân
Hồi động kinh hoàng hốt
Đêm ôi đêm bặt bặt buông rơi

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên nhọc nhằn màu quên lãng
Trên bầu trời mờ nhạt bóng lửa bay
Sương ướt độc phủ hừng đông quay mặt
Và hái trụi lá cành
Loài chim nào sống sót
Tiếng dật dờ tiếng thất thanh tiếng im câm
Rướm máu

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên ngu ngơ trong ký ức
Trên bầu trời ử ánh trắng non
Bừng khô già hủ củi bầy mộng ảo

Điếu than đen dử dần miền cỏ úa
 Muông thú biệt tâm thảo mộc cháy điên
 Xóa lối mòn hồi tưởng.
 Và buổi mai này rồi cũng mọc lên hững hờ như bất trắc
 Trên bầu trời có rùm tuyết âm vang
 Ngày thối rữa nổi mù lò là quái quỷ
 Hủ than những chớp núi trơ xương
 Lũng man di nặng hồn đá tảng
 Xây xâm miệng hư vô
 Lỗ huyết đào ôm ấp
 Như vực hân hoan.

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên lặng lẽ sau nước mắt
 Trên bầu trời nặng kín mưa giăng
 Ôi mùa hè chết thiêu bên bờ bụi
 Ven sông chưa kịp rên la
 Con trẻ ngần ngơ như nắm đất
 Tay chân khô queo bó củi tro
 Giữa đồ vật không tên gọi
 Và cổ tích vùi sâu trong máu thắm thì.

ANDANTE

Như nước ngủ yên đầm ấm, nước trôi xuôi ngấm sâu giòng bất
 tuyệt
 Cánh tay nâng giấc tỉnh hong trẻ nãi biển sóng rụng tàn
 (rụng những hoa đá chưa mài sẵn sùi ảo mộng)
 Với ngó đỉnh cây mù biếc trời trời điệu thu ca vầy nghịch tặc

Loài gỗ cũ vỡ phanh phui sắc vân đen trầm
 Mắt mở không, mắt hiền ngoan cất dấu (những mùa hạ mỏng
 Như ảo não, trận mưa rào đám buồn quần quýt quanh chân)
 Và bước thông dong nổi thỉnh không e dè tràn vô tư bỗng
 Ngó khúc sông trườn lờ lau lách, vùng sao tỏ vằm nhớ mênh
 mông

Như gió lửa xa — ôi xa như hương đất lạc — lửa trong veo gọi
 vẫy (trong veo như nguồn cao)
 Chùm vui bắt cháy, gốc cô đơn, cành lá thần nhiên mời
 Ngọn lửa nhóm từ tia ánh dưng nhan ru biếng nhác
 Giọt nắng trên môi phơi trái ngọt cay
 Và hồn hậu ủ mùa đông chưa tới.

Con phố khuất chìm, phố cổ bên bờ giếng mát
 Mây buổi hoàng hôn đàn ngựa thuần—bờm mượt, tiếng dội tắt im
 Rong sắc trời phiêu bạt, hàng mía lau trắng đông đưa, lá tre
 xanh già đáp đậu như châu chấu đồng
 Lũ sáo châu vàng nhảy đùa lối cát—long lanh—nắng thốt lay
 bông dâm bụi đỏ.

Ôi miền cư ngụ đại khờ, bướm say giấc hư thực lang thang
 Nghe rì rào trò chuyện mấy đồng heo may—mùi cỏ hắc lênh
 đênh xóm bãi
 Bóng rợp xô huy hoàng màu rắng thắm chợt tưởng môi hôn mê
 mau ngày tháng

(Mỗi ngày tay gió cời, cánh áo vẫn còn nồng hơi thở ngon)
 Không gian thấp bằng, chênh chao sóng (sóng ôm đệm những
 động vang), nét mây cong kín mối say sưa
 Ôi miền cư ngụ hoang liêu, thân nguy nga mùa trù phú
 Đồng ruộng thừa lúa mọc, hoa cải vàng như chuồn, g, đôi lả yếu
 Như ngực bản khoắn nhớ vọng không trung—vùng lửa mật ban
 sơ ngọt sót
 Nghe chập chờn như mạch rừng tuôn, rừng xâm lấn hay cỏ thêm
 bối rối, rễ chùm lạc thú loi

Cá lội băng ngàn dặm, cá bạc ngời bay theo con nước—vuốt ve
 hời vuốt ve ân sủng bập bềnh
 Theo tiếng hát thần, triều thao thức, nguồn nước ngọt rời
 xa xuống đồng nước mặn
 Hời đây đưa tuyết vời, rừng ngã đổ, hầy giọng buồn
 Ôi miền cư ngụ yên, thời gian nằm ở cuốn trong lớp lá dày đất
 mủn (chẳng ai nghe tuổi thơ rất hàm hồ)

VÀ BUỔI MAI NÀY CỦA EM.

Cửa đã mở vào vườn hư tưởng đó
 Tiếng gõ động đục nhòa
 Phấn bụi reo vang hồi tịch tịch
 Hồi đây nghiêng
 Và hồi rực rỡ thoát u trầm
 Tiếng gõ mờ như gương mặt
 Em có nghe em có nghe
 Đêm nay vẫn mỗi đêm qua mưa nặng hạt
 Trong tối ám này tủa khúc cô đơn
 Trên gai góc từng chùm hồ thẹn
 Vật vã hoài gió mỏng lung
 Đêm nay vẫn kéo dài huyền hoặc
 Em có nghe em có nghe
 Niềm hắt hủi trôi quanh đây tường điểm nhục
 Người bị sanh cầm
 Trong chiêm bao đơn chiếc
 Ôi giấc chiêm bao thừa bạo lực điều ngoa
 giấc chiêm bao như chim ướt cánh vỗ động hoài

Em có nghe em có nghe
 Người ngồi nghe máu chảy
 Từng đập trút mê cuồng
 Người ngồi nghe thịt xương rã mục
 như lá khô
 Đất ẩm mùa khốn khổ
 Cơn lạnh ghê mình trong quách xưa
 Em có nghe em có nghe
 Nơi bờ thềm rêu mốc nhô mụn nấm kinh hoàng
 Những con ngựa vằn ánh sáng
 Loạn trí hý vang
 Và hơi thở phì phò sỏi bọt
 Em có nghe em có nghe
 Đồi côn trùng giá buốt
 Trong lỗ hang sâu
 Lá thúc quật vô tình như roi vọt
 Hành hạ không ngừng hình bóng âm u
 Ô hình bóng ngàn nga quanh đầu đó
 Em có nghe em có nghe
 Cửa đã mở vào vườn hư tưởng
 Cửa cũng khép rồi
 Em hãy ngồi, ngồi xuống trên phiến đá mỗi mòn như ước mộng
 Rồi em lắng nghe trong vườn đêm nay mưa cũ kỹ như hồn mình
 Đêm nay vẫn mỗi đêm qua vườn hoang tịch
 Em hãy ngồi nghe trong canh thâu núp ẩn chốn nào
 Trong tuyết cùng mối hoang mang ấy
 Trong tuyết cùng của thoáng gọn đau
 Bồi hồi đáy ngực như con bão thâm
 Mùi hương ủ dột
 Hỡi em em hãy ngồi nghe như tượng đá
 Khấp mọi vòm đen đũa mặt mừng

CUNG TÍCH BIÊN

ngoại lai

Khắp các lối mòn bỏ quên như lời tình tự
 Các khúc cảnh xào xạc như xương
 Ngọn lửa mát ngời còn vùi lấp
 Một đốm hoa hé nở gần
 Hỡi em em hãy ngồi nghe nỗi chết
 Và hy vọng lại tàn
 Con rét mướt cũng lại tàn
 Như mảnh sao băng mất tích
 Hỡi em em có hay
 Đêm nay cửa đã mở vào vườn hư tưởng đó
 Anh ngỡ thấy bầu trời
 Như sâu kín
 Anh ngỡ thấy cây xanh
 Như hồn nhiên
 Anh biết đâu nào anh biết đâu
 Những trái quả mang tặng người yêu dấu
 Thôi đã ruồng hờ
 Những như lòng khinh miệt kẻ hờn cừ
 Bồng bềnh hình âu yếm
 Anh biết đâu nào anh biết đâu

Và buổi mai này rồi cũng mọc lên, rồi cũng mọc lên
 Cửa sổ mở em nhìn vườn hư tưởng đó
 Nhưng hoang vu đã chém nát thân mình.

II—68

THANH TÂM TUYỀN

Mãi đến buổi sáng hôm đó trong đầu óc chú Tư Hồ —
 khi ngang qua chợ Phú Nhuận, chợt thấy mụ hàng thịt ngồi
 với mấy cân thịt tím tím, mấy con ruồi xanh bay vo ve, mùi
 vật chết dậy lên ngai ngái, mùi thích hợp nhất cho một
 cơn buồn nôn — một quá khứ kinh hoàng chợt thức giấc,
 thịt bò thức giấc; quá khứ: người ta đã ăn toàn thịt súc
 vật chết từ nguồn trôi về suốt thời kỳ cơn bão lụt Iris
 tàn phá, cơn Iris đã mang về biên đông trên mười ngàn
 người, và nó để lại trước mặt chú Tư thợ Hồ hàng trăm
 con vật chết; đám thò dân mang dao mác ra mổ thịt chúng
 nó, người ta nấu, luộc, ăn một cách ngon lành thêm khát
 vì người ta chẳng còn thóc lúa, người ta chẳng còn gì để
 sống với những ngày sống sót, người ta chỉ có bò, sống
 nhờ xác chết bò những con bò chết thối và thiêng liêng;
 ngay giữa nền nhà một con bò đã từ đâu trôi về, đã chết,
 sau hè một con bò cắm đầu xuống khoảng bùn lầy, rồi đêm
 chú Tư thợ Hồ thức giấc, dạo chơi trên những khoảng
 thịt mềm nhũn, trắng soi trên xác bò, những vì sao loang

loáng trên mấy cái sừng bò lảng nhẩy; từ bên này khung cửa, trong buổi chiều trống rỗng một cơn bão vừa lảng, nhìn qua bên kia chân cầu heo hút — mấy anh dân vệ cũng sống qua ngày nhờ thịt bò — trên cánh đồng lạnh lẽo chú Tư thợ Hồ có thể đếm được hàng trăm tảng đá nâu, có tảng màu đen, bất động, những tảng đá xuất hiện bất ngờ những tảng đá có hai cái sừng vô tình.

Sau cơn bão lụt Iris — mà thằng cháu đã giải thích một cách lếu lảo theo ngôn ngữ Đại học văn khoa của nó : đây là một hình phạt của Thượng đế, Thượng đế muốn chúng ta biết giá trị của tai họa và phải biết đến vinh danh ngài — chú Tư thợ Hồ lia bỏ quê nhà vào Sài Gòn sinh sống. Việc lia bỏ quê hương yêu dấu còn do nhiều lý do khác không tiện nói ra đây. Nhưng chú Tư thợ Hồ thì nhất định, không thể sống thêm trên một vùng đầy rẫy ám ảnh, những thân hình què quặt, những hình nhân khô xám bám trôi nổi theo mọi cơn mơ không đầu đuôi của chú Tư thợ Hồ, không thể lê lếch với một thứ quê hương hoang tàn chỉ thấy toàn nghĩa địa, trống rỗng vì nước đã cuốn sạch nguồn sống, bão đã thổi về trời tất cả những mầm tươi, quê hương, dù có ra công đi cả trăm dặm cũng khó tìm một bông lúa một nụ cười. Hơn thế nữa vợ con chú Tư thợ Hồ cũng chết tại đây. Người vợ mà chú gặp lại trên bến tàu Đà Nẵng sau tám năm đi làm tên lính thuộc địa đánh thuê trên Pháp.

Tư thợ Hồ nhớ rõ ràng ngày chôn xác vợ, ngày thật đẹp trời. Trước đó mười hai hôm trời nổi cơn mưa lớn, nửa đêm có những ngọn gió rạo rạo, chân trời thì đen đúa, sóng biển đông vỗ mạnh, vỗ những cơn quần quại lạ lùng. Từ xóm

trên lão Truyện mang cây đèn bão xuống cho Chú Tư biết đài phát thanh loan tin có cơn bão lớn, bão Iris. Chú Tư nói bão gì lại là bão Iris, cơn bão mà cũng mang tên «Tây» à. Trời tháng mười luôn luôn có mưa gió, mưa gió là của chung nên chú Tư thợ Hồ chẳng lo lắng gì cho lắm, vả lại đài khí tượng thì lâu lâu họ phóng ra và cái tin giật gân như thế. Đêm ấy chú Tư ngủ ngon. Nhưng gần về sáng chú không thể ngủ được nữa, thức giấc với những cơn mưa ác liệt chưa từng thấy, biển động khôn lường, gió từ bề quá mạnh, gió không phải từ bốn phương đổ lại mà gió từ đâu dưới đất, dưới sâu lòng đất thổi lên, cả rừng cây đều bị nhổ gốc. Khi trời rung rung sáng, Chú Tư đã nhìn thấy nước đầy cánh đồng, phía cây cầu sóng cuộn như giòng thác, mặt trời đi đâu mất, chuồng bò của chú đã sập ngã, con bò duy nhất đã chết lạnh từ nửa đêm, heo trong chuồng dầm bì bõm như trong hồ bơi lội, hàng cau và đu đủ ngã chặn cả lối đi, đường liên lạc từ đây đến các xóm đã đứt, mấy anh dân vệ ngoài vọng canh đầu cầu đã trèo lên nóc nhà ngồi đợi trực thẳng đến tiếp cứu, có tiếng la hét ở cái xóm bên kia, cái xóm gần bờ sông, cái xóm quá thấp năm nào cũng có người chết trôi, nông cụ trôi nổi. Đây là một cơn mưa bão quá quái trong đời Chú Tư thợ Hồ: nó tàn bạo và nhanh chóng ngoài sức tưởng tượng. Chú Tư lấy chiếc mảnh nhỏ cùng vợ chèo lên xóm trên khi nước đã ngập đến mái tranh nhà chú — vào khoảng hai giờ chiều. Nửa đường mảnh bị gió cuốn. Vợ chú chết, cái xác được kéo về cột chung một nơi với con bò của lão Truyện — con bò còn sống cứ đưa cái mũi ngửi

người vào xác người đàn bà. Mười hai ngày sau khi cơn lụt đã rã chú Tư mới có đất để chôn cái xác đã thối phần bên trên của người chung thủy. Chú nhớ hồi đó không ai dám khâm liệm cho vợ chú, chú cầm cây gậy khều khều vào cái xác, và lạ lùng người đàn bà như được làm bằng một thứ hồ bột ghê tởm. Chú Tư phải can đảm lắm mới làm được cái việc bỏ chiếc chiếu cuối cùng thay cho chiếc áo quan. Chú nói bệu bạo: mình ơi mình, khổ ải quá mình ơi, ông trời ông giết mình chứ tui không bao giờ phụ mình. Một ngàn năm có lẽ chú Tư cũng không quên ngày hôm đó, không quên người vợ mà thịt nhão quá hôi quá, tởm quá bộ xương ngựa cứ chạy lên chạy xuống như bộ xương được đặt trong một cái chậu nước nhão nhão. Ngày nay mỗi lần nhớ đến Tư thợ Hồ phải ra quán cóc uống một ly để cho « bán cái mùi ».

Chôn người vợ xong, gửi đứa con sống sót cho phái đoàn Phật giáo để họ mang vào Viện hóa đạo nuôi dưỡng bán miếng đất cùng mấy thửa ruộng, chú Tư thợ Hồ lên ngọn đồi thăm mấy ngôi mộ ông bà rồi về sửa soạn chuyển đi Sài gòn. Chú Tư nói trước mộ ông bà: con đi là đi luôn, không bao giờ con có dịp về, con sẽ làm một tên phu phen nghèo nàn thiếu đói, có lẽ đến khi chết không một người bà con thân thuộc nào bên cạnh. Chú Tư thợ Hồ thật ra không phải là một người vô đạo. Mấy năm trước khi chính phủ ông Ngô đình Diệm mời chú đi lên lập nghiệp ở khu dinh điền Bình Tuy — nhưng nhất định chú Tư không đi, chú lưu luyến mồ mã hương khói ông bà, lưu

luyến mấy con gà cây cải, ngôi vườn thửa ruộng. Nhưng ngày nay sự thế quá khắc khe: ở lại quê hương này chú sẽ chết đói, chết cô quạnh, hay có thể chết dưới mấy trái bom hoặc mấy nhác mả tấu. Cái chết đã tìm mọi cách đến với chú rồi: không chết với nước thì chết với lửa, không chết với ôn dịch thì cũng chết mòn dần với ám ảnh, kỷ niệm.

Ngày lên đường chú Tư muốn tìm một người để từ giã nhưng không thấy ai, thửa vườn đã bán cho kẻ khác, bẽ bõ gốc cây gòn cây cau mà tâm sự, đứa con đã lên đường từ hôm trước — đứa con chú ngồi một cách an toàn trong chiếc xe có cắm lá cờ ngũ sắc, có bánh mỳ và áo quần mang từ Sài gòn ra — chú Tư đi quanh quất với cái xác trên vai, chú xuống cuối xóm ngồi bên đứa cháu gái khóc mùi mẫn. Trong đời tao chưa bao giờ tao khóc. Hồi bên Tây mấy thằng Maroc say rượu đánh tao tao còn dám mang súng bắn lại, cháu à tao chưa bao giờ biết khóc. Đứa cháu gái đang ngồi thái thịt bò, nó thái xong lát nào cho vào nồi nước đang sôi, sau đó nó vớt ra và cho vào miêng, mắt nó nhìn ra cánh đồng cô quạnh, cơn gió khô khan bốc trên cánh đồng đầy bụi... sau cơn bão lụt tai ác là một chuỗi ngày nắng gắt gay tàn nhẫn.

Có lẽ, ngoài đứa cháu gái kia ra, Chú Tư thợ Hồ là người cuối cùng rời khỏi cái xóm Gò đậu nghèo nàn. Xóm trên là xóm lão Truyện thì hãy còn đông người. Nhưng chú Tư là người của xóm dưới này, chú thả vào vùng lãnh cư chứ không thể lãnh cư trên xóm trên để họ biết cảnh sa sút của mình.

Một buổi chiều mùa đông đầy nắng quái và nặng hơi nước trên từng cao chú Tư thợ Hồ đón chuyến xe ra Đà Nẵng — số là chú ra đi từ sáng sớm nhưng chú cứ mãi miết đi lên xóm lão Truyện rồi quanh ra ngôi rừng phía sau, chú dừng lại ở thửa ruộng vừa mới bán xong, chú ngồi xuống bên cạnh một ngôi mộ người em trai của chú chú bứt mấy nhánh cỏ bông, ngược nhìn mấy luống khoai mà con nước đã chảy qua làm thành bình địa, chú lại ngồi nơi bờ giếng, nhìn cái bóng đen của mình dưới đó, có ai nói năng gì dưới đáy giếng ? hình như ai thì thăm trong bờ tre, chú Tư thợ Hồ vào trong cái miếu thấp một nén nhang từ tạ. Đến Đà Nẵng chú trọ lại một đêm, sáng hôm sau chú lên xe vào Quảng Ngãi, xe vào đến Qui Nhơn trời tối, đứng ở bến xe nhìn lên mấy ngọn núi phía Tây lòng chú buồn rười, chú buồn hơn cả thuở xưa tại Pháp ném chú xuống biên giới nước Đức... vài hôm sau chú đến Sài Gòn.

Chú mang khăn gói vào trọ tại nhà một người quen biết tại Ngã tư Bảy Hiền. Chú lại tủi thân một lần nữa những người bà con của chú đã khôn ngoan rời quê hương sớm, bây giờ họ có cơ sở, họ giàu có, họ hơn chú nhiều quá ; mấy cái khung cửi máy chạy lanh canh suốt ngày cũng là một thứ ngôn ngữ mỉa mai sự lạc loài cô đơn của chú. Buổi trưa cùng một người bạn ra quán cóc ngồi uống chai la de chú Tư thợ Hồ nổi khùng chưởi đồng «Đ.m. hồi kia hay vầy tao ở bên Pháp, biết số phận đi đâu cũng làm phu phen thà tao làm phu phen cho mấy thằng

ngoại quốc ...ở bên đó tao chịu không nổi những cơn tuyết lạnh, chịu không nổi những cái nhìn khinh bỉ của tụi da trắng, tao mới xin về, tao nhớ quê nhà khôn xiết, đ.m, chẳng lẽ trời sinh ra thằng Việt nam lại chỉ biết ăn bánh mì uống rượu nhỏ và ngủ với ba con đầm rẽ mặt, vì thế tao về, con tàu đưa tao vào thành phố Đà Nẵng, tao đưa tay lên ngang vai chào cái chào xã hội, nhưng rồi tao chả được sống trọn vẹn với mái nhà nhỏ của tao, tao chẳng được chết nơi chôn nhao cất rốn của mình, tao như kẻ ngoại lai... và đi đâu bây giờ tao cũng chỉ làm một tên cu ly, tao trên năm mươi tuổi rồi.

Và chú Tư thợ Hồ đi làm cu ly thật. Chú làm thợ Hồ. Từ đây chú có cái tên Tư thợ Hồ thay cho cái tên Tư Bằng tên cúng cơm của chú. Chú Tư không chú trọng đến cái tên gọi. Chú nói : người ta làm vĩ nhân, làm văn nhân, thi sĩ kia người ta mới chọn một cái tên rồi giữ gìn cái tên, còn mình, ai gọi gì cũng được, đôi khi mất cái tên cũ là mất bớt đi một nỗi tủi nhục nào đó.

Chú Tư thợ Hồ cũng lịch sự và thông thạo nhiều vấn đề lắm, bởi chú đã từng sống bên Pháp tám năm. Chú kể lại hồi trước có một con đầm mê chú lắm, mẹ ta toan trốn xuống bến tàu về Việt nam với chú, nhưng đấy là một con đầm lùn và diếc, một con đầm tại Pháp đang tìm cách giết chết. Một con đầm hôi hám và khốn nạn. Hồi chú sống chung với con đầm kia chú cũng đang mất kẹt vào một thứ thật. Y như cơn lụt vừa qua người ta phải sống với lụt, nhờ lụt, nhưng lại buồn nôn vì những thứ nuôi sống mình. Khi ngồi trong quán các chú hãy còn nghe phảng

phát mùi con đầm những đêm hần chạy vất vả từ dưới bến tàu lên và mùi thịt bò sau con lứt mà người ta không thể nào chôn vùi cho hết.

Thịt và sự xa lạ là hai ám ảnh lớn suốt đời đeo đuổi chú Tư thợ Hồ. Ở Saigon làm ăn dư giả nhưng lúc nào chú cũng thấy buồn. Chú ngần ngợ như đánh mất một cái gì thiêng liêng ở đâu đó. Nhiều ngày làm ăn vất vả, tối về chú nằm ngủ với những hình ảnh quái ác: con đầm già khốn nạn kia bị tụi Pháp rượt đánh trên bến tàu, bị chúng nó bắt được căn phoi trên bãi biển như phoi một con khô mực — con đầm lùn và diếc dĩ nhiên không thể ngon lành thơm tho bằng một con khô mực được — cuối cùng con đầm kia như một hình ảnh trên cây thánh giá, mụ ta nhìn về chú, từ bên trời tuyết lạnh xa tít, từ phía bên kia thời gian, từ mặt trái của lòng người; chú thấy vợ chú trong chiếc áo quan thứ áo quan bó bằng chiếc chiếu rách nát — đứng dậy lướt thướt đi, mình mẩy bà ta lóng nhầy có kem thoa mặt thoa tay, người vợ có hai con mắt xanh lè thối tinh anh như hai con ốc bị ngâm lâu ngày trong bùn nhơ; chú cũng thấy người em trai của chú vác xên cuốc trong những ngày nắng non qua bãi cát khô khan dài hàng chục cây số, bãi cát địa đầu của tỉnh Quảng tín, bãi cát tình nguyện sống với định mệnh khốn khổ của Việt nam mấy mươi năm sau này, người em trai chú vác xên cuốc đi đào đường và bị máy bay bắn chết, cái xác nằm ngon lành trên một vũng máu tươi thắm... chú thấy hết, thấy suốt trong lòng bóng tối..., những tiếng la hét dưới gầm cầu, những

con bò trôi từ tốn, nhẹ nhàng như một cánh khô, những con bò kiệt sức, lăn tròn theo giòng nước cuộn như một súc gỗ, những chiếc ghe nát tan trôi lơ đãng ngoài sông, những hòn đảo nằm bồng bênh dọc lộ trình xuyên đại dương của chú mấy mươi năm về trước... và đến khi tỉnh thức ra đứng sau hè nhà nhìn lên bầu trời Sài gòn đầy ánh sáng và những đốm lửa tình cờ chú chợt ngậm ngùi. Không phải những hình ảnh kia quái ác và xa vắng. Mà chính chú. Chú là một xa lạ, một biến đổi, lùi xa và hòa tan cùng khốn khổ. Những dĩ vãng kia chúng nó đã có ở một nơi một thời điểm nào đó, còn chú, chú là một di động, chú từ vực sâu lên đỉnh cao, từ thanh cầu xuống tận cùng đáy nước, chú là đôi cánh bay đến đâu trên khắp nơi, chú phải có mặt trước chúng nó chứ không phải chúng nó đã xảy ra trong đời chú Chú buồn. Và cũng từ đó, trong đêm sâu hút mờ mịt, đêm hao hụt chú nhận ra một điều: Sài gòn không phải là quê hương chú, Saigon xa lạ, nhưng chú tìm đến Saigon trong khần thiết chứ không phải Saigon có tình cờ mà chú phải đi qua. Sự đau khổ và trơ trẽn tự có ở đó như một bản chất, chú phải đón nhận. Khần thiết mà nhận.

Chú Tư thợ Hồ cũng bồn chồn nếu ngày sau mình chết đi, và cái xác chú được chôn vùi ở một ngoại ô nào đó: không bao giờ tôi được an táng trong lòng ngưỡng mộ của Saigon. Như thế chú cũng là một kẻ xa lạ nữa. Và chú Tư thợ Hồ một đêm khuya có ý định trở lại quê nhà: ít ra tôi cũng được chết và được chú ý như con bò đã chết lạnh lẽo trong chuồng đêm hôm nào. Chú Tư nhất định về trở lại, sống với cái xóm Gò đậu.

Nhưng việc trở lại quê nhà lúc này không là chuyện dễ dàng. Quê nhà chú cũng như cuộc đời chú : đi từ kiệt quệ này đến sụp đổ khác từ sự lẻ loi buồn tẻ đến sự hoang tàn cùng cực. Sau cơn bão lụt không còn ai ở Gò Đậu. Vùng đó trở nên mất an ninh một cách tuyệt đối. Máy bay đã thả hàng trăm tấn bom xuống đó : đè tàn phá một khoảng trống rỗng. Sau cùng đè làm nút chặn cho thị trấn Đà Nẵng một đơn vị Hoa kỳ, rồi một đơn vị Đại Hàn đến đóng tại đó. Từ khi có quân đội đồng minh trấn đóng tại vùng Gò Đậu người ta thấy quang cảnh có vẻ ồn ào : trẻ nhỏ cùng đàn bà, những thân hình trần trụi cùng những cuộc trộm cắp đồ hộp. Những quán nước cũng xuất hiện trên những nương khoai xưa kia, những chuyến xe chạy gập ghềnh trở lại một vùng xưa bỏ hoang. Nhưng nếu định nghĩa cho đúng thì đây không phải là sinh khí quê hương chú Tư thợ Hồ. Đây chỉ là một bầy ruồi hay một bầy kiến đang bu quanh một cục đường.

Tuy nhiên đã định tâm về là chú Tư thợ Hồ nhất định về. Buổi nọ chú Tư lên Viện Hóa Đạo thăm đứa con mà hai năm trước các nhà Sư đã có lòng tốt mang vào nuôi dưỡng, chú qua Thị Nghè loan tin chú về với lão Truyện. Cuộc gặp gỡ diễn ra ở ngã Ba khi lão Truyện dừng chiếc xích lô ở lề đường, Lão Truyện nói :

— Về ngoài ấy mà chết ấy à.

— Vâng tôi về đề mà chết đấy chứ.

— Chết xong trở thành đất thành cát, vậy thì thành đất cát phương nào lại không được.

Chú Tư thợ Hồ không nói năng, mời lão Truyện vào quán uống một chai nước ngọt. Lão Truyện nay cũng đã già mắt lơ lảo, mồm thở những hơi đứt đoạn, mấy sợi tơ trên cái trán nhăn nheo đã trắng nõn. Thế mà Lão còn đạp xích lô giữa đô thành. Chỉ vì lão không muốn đi ăn mày. Lát sau Tư thợ Hồ nói :

— Bác Truyện à, tôi không thể sống nơi này được. Tôi phải về.

— Ai mà không biết như vậy. Sống ở cái đô thị này chúng mình là kẻ nghèo đói, vô gia cư, nhưng trở về đề gầy dựng những gì trên miền khô cằn đó. Chúng ta khó có thể trở lại một vùng tan nát cực kỳ đề nối tiếp cuộc đời toàn tan vỡ rách nát.

Lão Truyện tiếp tục đạp cái xích lô cỷ kỷ về phía cuối đường, chú Tư thợ Hồ trở về và thu xếp chuyển khởi hành. Khởi hành trở lại cái điềm ngày xưa bỏ đi. Khởi hành trên một vòng tròn rồi rằm.

Ở Sài Gòn Tư thợ Hồ cô độc quá, bị ám ảnh, chịu không nổi cuộc sống ồn ào nhưng tẻ nhạt, nóng bức nhưng thê lương lạ lùng. Đời sống ở đây như một buổi chiều mùa đông đầy nắng quái : nổi hiu quạnh nằm ngay trong lòng mặt trời.

Tư thợ Hồ nhớ từng cơn nước chảy róc rách sau hè nhà, cơn suối vào những ngày tháng giêng trong veo trong vắt, nhớ những thân cỏ trắng đậu đầy trên các bờ ruộng, những ruộng xanh thẳm hoặc ngâm kín dưới lòng nước trong những ngày bão đầy và gió lớn, nhớ từ tiếng chó sủa vang vọng trong đêm trăng heo hắt, đến tiếng con chim cú gọi trác

ân trong mấy lùm cây ngày chú Tư Đường thất cò chết bằng cái giây thong lọng, chú Tư thợ Hồ nhớ những buổi sáng đánh trâu ra đồng, con trâu ngơ ngác nhìn mặt trời : mặt trời như một thứ bẻ bạn lằm than của nó. Nhớ. Nhớ. Mấy con cua đồng cắn những thân lúa non. Tháng hai. Tháng ba. Mấy cái quán cóc đầu đường con mẹ Hiền mình mẩy kêu gọi. Mình mẩy cũng là một loại thịt. Tư thợ Hồ nhớ ... ôi thịt.

Khi máy bay cất cánh bay vào địa phận Trung Việt, chú Tư thợ Hồ muốn được chết ; trời thỉnh không, tại sao máy bay lại không nổ tung, tại sao tàu biển ngày trước không đi lạc xuống Nam cực, tại sao chú có thể sống sót dưới gót giày tàn bạo của tội Đức, tại sao mỗi ngày chú phải từ bỏ thêm một phần quê hương, mất thêm những phần đời sống: lần trở lại này chưa chắc chú Tư thợ hồ có thể tìm thấy những dấu chân thân quen những hạt cát ngày trước cùng những người bà con của chú nơi ấy.

Chú Tư tần ngần ở đầu con đường vào cái xóm xưa. Đó là một con tỉnh lộ băng ngang qua con đường xuyên Việt. Chú Tư đưa mắt nhìn ra xa và chú thấy ngay cái xóm của chú: một màu vàng kỳ diệu trên một khoảng cát trắng kỳ diệu. Chú Tư tự nghĩ, từ đây tôi trả lại mọi người cái tên Tư thợ Hồ, tôi gọi tôi tên xưa, tên Tư Bằng.

Nhưng không có ai còn ở đây để gọi tên chú. Không. Cỏ cây không bao giờ biết gọi tên. Sỏi đá buồn đau nhưng sỏi đá chẳng hề tâm sự với chú. Chú đi tìm. Nơi đây không còn ai hết. Xóm trên là căn cứ của lính Đại Hàn. Xóm dưới là những chiếc xe ủi đất nằm đấy chờ sớm may ủi nốt

những bụi cây còn lại; không còn sinh vật, chẳng còn nơi thờ, không còn gì tiêu biểu cho quê hương chú ở đây : một khoảng vàng của cây cỏ khô khan kỳ diệu trên một màu trắng vô tình của giải cát âm thầm ngàn đời. Nơi đầu cầu mấy anh Dân vệ đứng gác xưa kia nay lính Đại hàn đã gác — nhất định lính Đại hàn sẽ không ăn những khoảng thịt bò trôi sông — cái đình nơi đầu làng còn lại đồng rạch vụn, những đoạn đường xe lửa được cắt tháo đi, và một con đường mới mở nhưng hiu quạnh nối từ phía cuối sông lên đến đại bản doanh của sư đoàn Đại hàn. Bên kia sông đời sống có vẻ nhộn nhịp hơn : những quán nước, những chiếc xe ủi đất màu vàng, những toán lính đi lại và những bầy con gái ăn vận áo cụt trong quan gánh. Đây là những sinh hoạt tạm bợ trên một vùng đất lẻ loi buồn nản. Chú Tư thợ Hồ đứng trên nền nhà xưa của mình, lúc ấy khoảng bốn giờ chiều. Chú khóc. Chú đi lên ngọn đồi nhỏ : nơi an nghỉ của tổ tiên chú. Nhưng khi đến đó chú ngạc nhiên : giữa không gian phẳng lì không còn một mộ bia, không còn một ngọn cỏ tươi, không phẳng phất một dấu tích nào hương khói xưa kia. Người ta đã ủi sạch những hương ngai để dễ quan sát những cuộc chuyển quân của Việt cộng. Chú Tư thợ Hồ đi về phía bờ sông: không có một chiếc ghe mảnh nào tấp vào đây, lẻ loi vài cánh bướm được chỉ định đậu vào cái bến dưới xa tít kia — nơi có lính Đại hàn kiểm soát từng người trước khi lên bờ.

Chú Tư định trở lại con đường cái quan để đón chuyển xe ra Đà Nẵng : lát nữa, đêm đến không biết chú sẽ chết về

tay ai — Chú Tư thợ Hồ không thể ở nán lại được : y như một người da trắng không may lạc vào giữa rừng hoang Nam phi; nhưng chú gặp một toán lính Đại hân. Họ hỏi chú những câu chú không thể nào hiểu. Họ đưa mũi súng vào cái hông ốm o của chú và chú Tư thợ Hồ lên xe về doanh trại họ. Suốt đêm hôm đó chú không hề bị đánh đập. Người ta nhét vào cái mồm đói khát của chú những thịt hộp và bánh mì. Lại thịt. Chú ngủ vùi trong những giấc đen và ngán ngủ. Sáng hôm sau thức giấc chú Tư thợ Hồ được đem đến phòng an ninh để cung khai. Khi ngang qua bãi cỏ chú bắt gặp một khuôn mặt quen quen : đứa cháu gái hai năm về trước chú đến từ giả nó để vào Saigon : đứa cháu cuối cùng ở xóm Gò Đậu. Nó nhìn chú và khóc òa. Nó vào xin thẳng với ông thiếu tá — tình nhân của nó — để chú Tư được tự do. Ông thiếu tá Đại hân tươi cười ra lệnh trả tự do cho chú Tư thợ Hồ.

Chú Tư ngồi trên một cái ghế đầu, con cháu gái ngồi phía trước đối diện với chú, cô ta vận chiếc áo voan mỏng kiểu áo «đình chiến» để che cái bụng đã có phần lớn, chú Tư không quên nhìn vào gương mặt rạng rỡ và đoan trang nhưng quê mùa của đứa cháu gái chú hỏi : cháu à, làm sao cháu lại ở trong cái đồn lính này. Cô cháu nói : hồi ấy trong làng ai cũng đi trốn giặc, còn mình cháu đi không kịp, một con đường dài mấy mươi cây số cầu cống bị phá hư hỏng hết, cháu không thể đi bộ được, may sao cháu gặp ông thiếu tá này. Ông nói ông yêu cháu và mang cháu về đây chú ơi, sao chú lại trở về, nghe chú ở trong Saigon làm

án kỷ đầu

khá giả lắm mà, chú về đây chú đi lơ ngơ người ta chú chết cho coi.

Tư thợ Hồ nghĩ ngay đến cái chết của mình. Vả chẳng định trở lại quê hương này tìm cái chết : được chết bên cạnh tảng đá nát tan, bên tiếng suối ngàn đời vẫn giữ được lời reo bắt tuyệt, tôi chết, mong sao cháy như ngọn khô vàng kỳ diệu. Tư thợ Hồ đưa mắt nhìn ra xa nghĩ đến một cái giây thong — nếu không ai bên này hay bên kia chịu khó giết mình ; mình sẽ đứt đầu vào một sợi dây, rồi nổi trên một cành khô, hai chân thông xuống, chấm hết đời ở đó, như cái rề cây đa thông dong xuống tận đất. «Không làm được đứa con quê hương thì làm ma hết đời». Đó là cái thứ triết lý lếu láo Tư thợ Hồ đã nghe ai nói từ thuở nhỏ, đang ở mãi trong cái đầu óc nghèo đói suy tưởng của chú.

Ăn cơm trưa trong đồn lính xong chú Tư thợ Hồ còn phải đợi lập thủ tục an ninh trước khi trả tự do — hơn nữa ông thiếu tá vào lúc mười giờ sáng bận đi hành quân nên giờ này chưa về. Chú Tư nóng lòng, bởi vì khoảng giờ chiều về sau trên con đường hun hút bên dưới ông còn bóng dáng một chiếc xe nào hết. Chú trèo lên một mỏm cao nhìn xuống cánh đồng lạng lã, từ đó chú thấy rõ ràng con sông Trường giang cách đó năm cây số. Trong lòng chú bỗng dưng bồn chồn tan hoang : ngày nào từ nơi chú ngồi đây đến con sông kia phải qua bao nhiêu xóm nhiều rừng ; ngày nay xóm rừng kia chẳng tất cả đã được san bằng và trên cái mênh mông

phẳng lì đó chúng ta có thể thấy một giòng sông hay n
chân núi xám cách xa hàng chục cây số : Chúng ta
những miền không còn ai không còn gì, đây ám ảnh và đ
tang tóc, nỗi đau thương phẳng phất vang vọng đầu đ
nơi những linh hồn trong suốt, những linh hồn lạnh lẽo h
nóng bức, những linh hồn có lẽ cũng không nên gọi đây
linh hồn. Chú Tư cũng ngồi nhìn mấy chiếc xe ủi đất, m
vài chiếc xe chạy khó khăn bên kia con đường, chú nhìn m
người lính Đại hàn con mắt một mí đáng người to lớn, cũ
là dân Á châu đấy mà, suốt đời Tư thợ Hồ chỉ nhìn th
lính ngoại quốc và đi trong những miền xa lạ. Trở lại qu
nhà mình như kẻ ngoại lai. Chú là cỏi xa vắng tốt cùng... h
những con bò đã chết bên dưới gầm cầu, những con
thiên liêng và hôi thối giúp cho đám thổ dân (trong l
này phải dùng hai tiếng thổ dân hay dân bản xứ) chúng
sống qua những ngày cam go, hỏi những trai trẻ đã ch
ngay trên hy vọng mình, hỏi những bãi cát kỳ diệu tự tro
những con sông vững dạ không thay màu, những ngọn
làm đê ngăn chặn bớt những xác người và máu tươi,
cảm ơn tất cả và giờ đây tôi đã đến với cái giây thong l
này. Tôi sẽ vĩnh cửu ... chú Tư nhớ người vợ già chết s
thối trên cơn bão lụt năm nào, nhớ con đầm lùn và điếc, n
tất cả, cái bến tàu đầy cò và tiếng hô hào tự do của dân
vàng. Cuộc đời đã lướt qua định mệnh chú : cái điềm
định chịu đựng tất cả ; Và bây giờ cái điềm cố định đó b
thề, nó có quyền di chuyển, nó lướt đi như thời gian, nó
quyền làm một hồn ma hay một công dân ưu tú của th

đàng ; dù sao chú cũng đã về đến nơi này : được nhìn tận
cùng nỗi cô đơn khắc khoải của mình. Bốn giờ chiều ông
thiếu tá Đại hàn hành quân trở về, đưa cháu gái nói với chú
Tư thợ Hồ chú à, cháu xin cho chú cái giấy thông hành, chú
về đi. đồn lính này không cho mình ở nữa. chú về đi ...
nhưng chú về đâu mới được chứ, chú Tư thợ Hồ trả lời như
vậy nhưng chú vẫn cầm cái giấy phép. Chú ra khỏi cổng đồn
đứng ngó mộng về phía bên kia sông, mặt sông vắng vẻ, bên
đó là vùng thiếu kiểm soát, đêm đến từ đó xua đám dân
lành về phía này tấn công vào lực lượng Đại hàn. Chú ngó
trái về phía xóm của chú : ngủ dưới đó đêm nay không biết
sẽ chết vào tay ai. Chú tìm một chuyến xe về Đà Nẵng hay
Tam kỳ : không bóng xe nào qua lại, đường đã cấm. Chú Tư
nhìn thao láo về phía cây cầu gầy, ở đó có mấy quán nước
heo hút, nhưng đi bộ liệu có tới đấy không, trời đã xầm tối
rồi . Chú Tư ôm gói hành lý rào bước.

CUNG TÍCH BIÊN

PHẠM THIÊN THU

chiếc ghế bành nhung đỏ

Dọc theo hành lang của một dãy trụ sỏi đá xám cao vút, những ô gạch men cầm thạch trầm tĩnh còn đọng lại chút mặt trời ửng lửa cuối cùng từ viền mái cong của tòa nhà, nơi mấy cụm rêu nước màu nâu đậm, dấu vết lỗi thời của mùa mưa đã đổ xuống ở đây; bây giờ tấm rêu xanh ấy đã khô và co lại như một tảng da thú trên cổ trống bộ lạc, đóng mình chênh vênh trên viền mái nhà với những nét cổ tự lờ mờ từ, mấy trăm năm tuổi tác già nua. Mặt trời dần thắm lại như một bình rượu dâu ngọt lịm, từ từ hạ xuống bãi cỏ lục và những cội hoa dại tím biếc phía dưới trải dài đến một bờ tường đồ nát, hoang phế đằng trước, bên mình con lạch bèo phiến biếc xanh, mặt trời đổ xuống đó chút ngấn rượu cuối cùng rồi mất hẳn trong những cụm mây vàng đùn lên từ chân trời; trong chiếc nôi tơ êm đềm gỗ giắc. Bầy tiểu tước rủ nhau về từng đôi với ngọn gió thoảng chút sương lạnh chiếm ngụ từng hốc đá trên hàng trụ cột cao, tiếng hót rặng đều xao xác như tiếng rơi của cơn mưa lá đỏ cuối mùa trong cồn gỗ trơ thân sương muối, chuỗi thanh âm rời rạc đó khiến con nhện đen

xuân kỷ dậu

lăng giềng vờl khung chân đao phủ kèn cồng vội dời vương quốc của mình lẫn vào góc tối ẩn trú. Chiếc cánh pan vàng như một phiến hoa mùa đông của con bướm từ bãi cỏ hoang phía trước lạc đường, chết trên khung tơ nhện theo ngọn gió lạnh từ con lạch thoảng tới, từ từ đậu xuống nền nhung đỏ của chiếc ghế bành trên hành lang, đặt hương xuống phía nhịp cầu sắt bắc qua con lạch nước biếc phía dưới.

Một bên đầu cầu là cội bạch mai với bầy chim khuyển cư ngụ, nơi đánh thức mỗi sáng của dòng sông êm đềm ngay dưới cội hoa; nơi đỗ giấc ngủ bi thảm của những năm xương cở dưới khu mộ đá ong trầm tĩnh. Thưa trước, đây là miếng đất mả ngục, nơi chôn lấp mấy chục vạn đau lâu, chiếc cùm uy quyền của Hoàng Triều nặng hàng nghìn ký sắt, sau này, đồn Pháp cho trục xuống dòng sông mất hút cùng với những ảnh hưởng vàng vọt, từ đó, những đêm nửa khuya nguyệt lạnh, khi con vạc đập cánh xuống mồm ven bờ, không còn nghe tiếng rên la từ dưới cùng huyết đất. Nhưng, cũng có người không tin rằng loạn quân Lê văn Khôi coi đó là một hình phạt bi phân với họ; cuộc thành bại nào có mấy tác gang; nắm cát bụi có gì mà oán hận; cuộc cờ đã xoay xong; con trốt âm dương đã chuyển đi rồi rã. Những tráng sĩ với ba thước kiếm oai ỉnh nào thêm oán trách gì! Phải chăng âm hưởng mỗi đêm thoảng đây là của bầy dun dế dưới hang tối; bọn nghệ sĩ trứ tỉnh, vô chính phủ phiến muộn quanh đây.

Một bên đầu cầu phía Nam với căn nhà đề chiếc xe gỗ đen nhà đòn, bốn bánh gỗ một buồn tẻ. Hàng năm mới đây đi một lần cho những người thân thích

Nguyễn tộc trở về qua con cầu này đề đến bên kia đất mộ. Từ ngày gia đình đầy xe đi lần cuối với áo quan Bông nguyệt Mai; người thiếu nữ trước đây có suối tóc tơ đêm, buộc giải lụa nhung tím và buồng xuôi trên bờ vai dương liễu, thường xuống ven sông ngắm đôi tay bạch ngọc mỗi chiều với vòng cầm đá nghiêng nghiêng. Từ đó, chiếc xe được tháo ra như một ý nghĩa trọn vẹn, không bao giờ dùng thêm, khiến đôi ngựa đen tang chế buồn phiền; cả ngày lang thang dưới cội bạch mai tuổi tác; đêm đêm hý lên từng chuỗi gòn gòn da xương; tiếng vó lép lép đồ đồ mưa trên vách đá mộ.

Chiếc ghế bành đã hơn một năm đứng không. Những đêm trời đầy sao thức giấc, người cha ngồi uống trà trên sàn gỗ bóng từ bên trong một khung cửa gỗ trầm hương, nhìn viền trăng cuối tháng lạnh như cánh hoàng cúc đậu trên nền nhung đỏ: «Bông nguyệt Mai! con đã về đấy ư! Tắm áo sương bụi con có mang theo?! Đắp thêm cho cha chút rét buốt nhé con! Tiếng ngựa hý đợi chủ! Bào lão bọc tháo xe cho nó ăn cỏ! Con mưa nào đồ trên mộ nguy phải không con?! Cha già rồi! Còn sống được mấy tác thu đông! Bông-nguyệt-Mai! Bông-nguyệt-Mai! Con ơi...

BỒ TÚC TỪ PHIÊN MUỘN

—.....?!

—Nếu anh được phép phát biểu những trầm tượng lòng mình với Quyền, với Sương về đàn bà con gái, anh sẽ nói rằng: Các cô đứng thêm tranh với bọn đàn ông như những

hàng nhi nữ thường tình khác một chút giá trị tầm thường, như giá trị bình quyền chẳng hạn. Các cô hãy tự dọn mình, nỗ lực quan niệm tự thân đề trở nên một bồ túc từ cho đàn ông? Anh hiểu rằng, các cô sẽ nói: Anh này ích kỷ quá và tất nhiên các cô bất mãn vì mặc cảm cho rằng tư thế bồ túc từ là thấp kém, phụ thuộc! không phải vậy đâu! Ngôn ngữ bấy giờ thì bất lực quá đỗi! Nếu đời người là đi tìm cho mình một ý nghĩa trọn vẹn để chấm hết, để chỉ nói một câu thật đầy đủ cho sự hiện diện: chẳng hạn như tôi yêu em, hay em yêu anh, hay anh hy sinh cho nhân loại, em chịu đựng cho loài người thì cũng chỉ là một câu cho cuộc sống với trọn vẹn ý nghĩa. Mỗi ngày, nếu chỉ thức có mười hai tiếng, và như vậy, trong mấy chục năm tuổi sống của mỗi người, thì chúng ta cũng chỉ phải lo lắng xây dựng, tìm ý nghĩa cho, hơn mười năm mở mắt. Còn lúc khép mắt dù ngủ hay chết dù mộng hay không cũng đều như nhau! Từng ấy năm chúng ta chịu đựng nhục nhằn, cam khổ cũng chỉ làm sao để thoát được một mệnh đề vinh hiển nhất trước khi nhắm mắt từ biệt!

Chúng ta còn cô đơn, phần nộ vì chúng ta chưa tìm gặp một bối cảnh sống chung quanh, khả dĩ cùng với ta làm nên trọn vẹn một mệnh đề. Kể đặt vấn đề nhiều nhất thường là những kẻ có thú bạo động chinh phục, vì chinh phục cũng là phương thế để giải quyết những dồn dập thắc mắc nội tâm. Cho nên kẻ đặt vấn đề âm i vẫn là bọn tu mi nam tử: họ thường xuyên là chủ từ nổi bật nhất và làm cơ sở nhiều động từ nhất; chẳng hạn như tôi muốn đặt chất nổ trong tư tưởng

nhân loại, tôi viết, tôi yêu, tôi suy tư, tôi tìm kiếm tự thân tôi chạy trốn, tôi du đảng v.v... đó là những mệnh đề còn dang dở, còn thiếu một bờ tấc từ làm trọn vẹn hạnh vi tôi, Tôi còn thiếu cho nên tôi mới đập phá tìm gặp! Sở dĩ, có thái độ chạy trốn, ngụy tín, cuồng nộ, hay cao hơn là thủ dâm với mặt trời của loài người không mấy lớn mạnh hôm nay đó là biểu tượng của tuyệt vọng, cô đơn, thiếu vắng ý nghĩa trong cuộc sống, thiếu bồi dưỡng cho thế giới tư duy đơn độc, dễ phải ảo tưởng thỏa mãn chính mình. Tất nhiên các em như Quyên — Sương — Trang — Đào — My — Nguyệt — Viên... cũng vẫn là chủ từ cho chính mình. Ai cũng vừa là chủ từ vừa là bờ tấc từ cho tha nhân để cùng tạo nên khúc ca trữ tình ngọt lịm. Một khi tách chủ từ ra khỏi bờ tấc từ, để hành động, thì chỉ là bạo động điên dại, cứu cánh của ta cũng chỉ là một ảo tưởng đập phá thế thôi! Mọi người hãy tìm gặp bản chất tự nhiên của mình như các em hãy là các em, là tình thương với vợ, là cửa lòng rộng mở bao dung. Với các anh thì bất kham quá đỗi, làm sao nò được chính mình. Có những kẻ chết đi vẫn chưa biết sống để làm gì! Con người phải giải phóng mọi định kiến nô lệ, tìm cho mình một giá trị đích thực tròn đầy, mình chứng cho sự góp mặt ý nghĩa. Thế giới sẽ không còn những cơn hồng thủy nước mắt tràn về. Con người một ngày một mới đẹp thêm mãi. Các em và đồng bọn phải là sứ mạng cứu tinh loài người. Đồng đảng các anh đã thất bại. Bao nhiêu nảo tủy đổ đi, no ấm vẫn chưa về với hạnh phúc loài người!

Chiếc ghế bành nhưng đỏ trên kia, chót đỉnh trời mù, xin em hãy ngự!

Ý Hải thao thao như muốn vó ngựa dồn về ngọt ngào, khiến nhóm bạn ngồi chung quanh nhưc đầu. Quyên đòi từ thế ngồi tới hai ba lần một cách mỗi mết. Sương mở miệng nghĩ đến nồi cơm chưa nấu cho mẹ, thỉnh thoảng cười gượng làm duyên. Bọn Thông, Độ bắt đầu lép vế từ sau lần phát biểu bên vực bọn con gái, lý luận bị tên bạn cò quai đàn áp thẳng tay, đành nôi im đồ nổi bất lực nhưc nhối của mình trên đĩa kẹo nghèo nàn thừa thớt. Buổi họp mặt vào sáng chủ nhật trong tuần, ngày mồng một của tháng cận tết dương lịch với chút gió thoảng gợn gợn trên mặt con lạch nước xanh phía dưới, mang lẫn chút ít âm thanh của chim muông cỏ lá hoang dại, khiến thần kinh mọi người chùn lại đồ dốc khủng khiếp. Hải nhớ lại những ngày họp mặt cuối năm trước đây - của nhóm bạn hữu anh trước khi mỗi người về ăn tết với gia đình nơi những thị trấn ven biển sương mù, những phố núi bụi hồng, những vùng quê trầm lặng. Bây giờ những khuôn mặt ấy, một lần chia tay rồi mất mát, tan rữa, hốt hoảng... Hải ơi! Hãy cất giữ lấy trọn vẹn, chắt chiu từng đường nét, rồi ngày mai những ngày dài bất trắc trùng vẩy, tất cả sẽ trôi qua như những xoáy tịnh thủy dưới cầu. Yên ơi! Thế mà mày chết gần bốn tuổi rồi phải không? Tao nhớ nhiều lắm về gian gác hẹp của chúng mình lưu trú trong xóm Phú thọ Hòa ngày xưa. Những tối tao giắt thẳng Nhân ra đón mày, đáp chuyến xe buýt bảy giờ từ Nancy trở về, chúng mình kéc

nhau vào Liên Chi chiêm ngưỡng chủ nhân; người thiếu phụ mà mây bảo có mái tóc giống Băng nguyệt Mai của mây. Tất nhiên, tội mình chỉ là những kẻ có thẩm quyền của đôi mắt mà thôi! Đối với Mai hay thiếu phụ thì cũng chỉ là bóng dáng ngoài tầm tay chúng mình, đề rồi, mỗi tối vào giấc ngủ bằng những ảo tưởng thật đẹp! Nhưng thế mà mình có lợi! Tự biết mình bất lực nên không thêm chiêm đoạt, mình ngồi nhìn mà trọn vẹn nhiên hơn. Tội nó tranh nhau cướp đoạt nên bị cái dục vọng đen tối làm mờ mỹ quan mất đi. Thế là tội mình độc quyền thưởng thức. Bây giờ chúng nó có lẽ quên mây rồi và cả Băng nguyệt nữa.

— Mây ra đi một mình vào vĩnh cửu. Kiếp sau mây có tái sinh xin chọn làm con mèo của gia đình người đẹp. Ý tưởng của bọn mình ngày xưa như vậy! Bây giờ tao lại nhắc nhở mây một lần. Còn tao bây giờ nhớ mây thôi! Mỗi lần tao cầm bút, tao lại nhớ đến mây tha thiết lắm Yên ơi! Những bài thơ mây làm trước kia, hôm nọ tao tìm ở một cuốn Thời Nay cũ bày trên vỉa hè. Tao gặp thơ mây như bắt gặp chính mây. Chỉ có tao là hiểu mây, chết đi mà chưa biết thế nào là luyện ái, chưa có người yêu. Phải chăng tội mình ảo tưởng quá nhiều về tuyệt đối, nên rất thiếu điều bình thường. Tao đang viết tiểu luận, đem đặt chất nổ và khắc đóm vào tuyệt đối; ảo ảnh cứu cánh huyền hóa con đường thẳng của loài người; thế giới biểu tượng hư-huyền, tao sẽ đưa con người vào thực-tại trần trường. Tao sẽ trả thù cho sự sai lầm của ngày xưa chúng mình. Nếu trước đây mình chỉ mong một sự hòa hợp ý-nghĩa vừa đủ, thì mây đâu có chết mở mắt, tao đâu có lặn đạn như hôm nay.

Tao thấy cuốn báo đã rách, tao chột phần nộ vô có, như người ta đã xúc phạm vào mây.

Một lần tao đáp xe lam đi dầy dưới ngôi trường Quang Trung, tao ghé chỗ mây nằm mới được hơn tuần, mảnh vải tang trắng của mây khóc mẹ còn sống, mà thân nhân đã chặn lên mảnh vải đó những hòn đất xám, ngọn gió nào đã cuốn vờng vào hàng thép gai của phi-trường, tao tỉnh nhặt lên đặt lại như cũ, nhưng thoáng nghĩ chẳng muốn làm mây tủi thân thêm, tre k hóc măng có gì là ý nghĩa, nên tao lại thôi! Nôi hoa tím của thân nhân mà Băng-Tâm em gái mây đã đặt trên mộ anh, tao cũng đã khiêng một tay, tao nhớ lại lúc sống mây nói đùa một lần sẽ chọn tao làm em rề mây. Tao cho rằng ý nghĩ thật đẹp và bao mây châu café đậm Thăng Long với một hộp thuốc lá «ba con nạm» bán lẻ! bốn đồng năm quả Ruby trong đó. Giàn hoa tím sau một tuần đã khô, tao ngắt bông cúc Vạn-Thọ mang về bỏ trong học bàn viết. Tao biết mây cũng thích hoa, nhất là hoa hồng nhưng bây giờ thân nhân chỉ đem đến mây những bông Huệ, bông cúc chán nản và những nải chuối xanh chát xit, chắc mây chẳng vui gì, nên tao muốn chia sự tức bực với mây khi nhìn bông cúc Vạn thọ khô héo này.

Bây giờ vào tháng giáp tỵ, bọn đệ tử tao, chúng nó xôn xao may áo, đóng giày trưng diện, trong khi bốn mùa sương tuyết, tao chỉ có độc thân đôi dép nhựa nâu một trăm đồng. Có đêm trăng tròn như đêm qua, tao dùng chân không đi xuôi bờ sông, trên những hòn cuội đen, trên những nôi cò tơ mềm, trên những hang để i-oi nín bật. Tao thấy

trời cho tao cảm giác dưới gan bàn chân cũng như cho tao cái lưỡi để biết ngọt ngào hương vị, tao ân hận vì tao đã bỏ quên giác quan dưới đó quá lâu từ ngày chú bé nông dân tập tục thành phố. Nếu mày còn có thể đi trên ngọn cỏ, thì chắc mày cũng sẽ thú vị ấy và tất nhiên là mày có nhiều điều kiện hơn tao. Con người nhẩy từ lòng mẹ vào đời bằng đôi chân không hề múa may cuồng nộ, đến lúc ngã lưng nằm xuống thiếp ngủ trong áo quan cũn gịai với đôi chân không sạch sẽ ấy !

Tao nhớ vào dịp tết có lẽ năm 1963 thì phải, mày đóng cho tao đôi giày, tao đem đi. Ôi chao ! Nó chật quá ! Nong hai ba lần; nó vẫn không đủ bao dung hai chồi xuề của tao. Thế mà tao vẫn phải khật khưỡng lê đi bát phố, sống cho mấy con nhãi ranh tư bản, để đến mồng một tết, tao thương tích một bên, ngón chân út ung mủ nhức nhối. Tao tức bực nằm nhà, cời được thói quen nô lệ bọn con gái trong đầu mình. Cuối năm nay tao có ý định ghé thăm di ảnh mày trên Chùa Giác Minh và cả Băng-Nguyệt nữa. Tao sẽ đặt cho hai đũa bay ngồi bên nhau hỷ hả, sướng chưa Yên ? ! Dưới đó, mày đỡ lo được hai bữa cơm và lẽ phè thuốc hút, khối thì giờ để cho Băng-Nguyệt. Vả lại nàng cũng chẳng cần chi Vespa, xe hơi đưa rước, mày càng hy vọng có châu hơn.

Hai người con gái trước mặt với Độ đang đưa nhau vào mê cung của ngôn ngữ; câu chuyện về những đóa hồng bạch. Những kẻ hiện diện chung quanh làm duyên bằng những động tác mệt mỏi, những nụ môi gượng gạo vô duyên Hải đứng lên xuống nhà. Ngón chân ung mủ thừa nào trở về, chàng bỏ ra con lạch trước mặt đón ngọn gió mát qua

hàng trứng cá vèo bay. Đằng sau hậu trường những mặt nạ hào hoa bỏ đi với ngọn gió mát. Buồn ơi bắt tay ! Buồn ơi bắt tay ! ! !

CHÚC THƯ TRÊN VẤN THIÊN

— Đây cậu thấy chưa ! Phía cuối ngón tay tôi là mảnh cò âm khí ngút vời. Đó là khu đất mộ địa mặt trời ; nơi khâm liệm con nhật nguyệt mỗi ngày rực rỡ ; khu ven đồi vi vút hòa âm của bầu xẻ núi và già ca trong những buổi chiều khi đám cờ tang chề rặng xuống vợi vãi trên nhánh cây tro đen. Đó là những phiến lá phong lớn đổ xuống mỗi đợt, đập lên thân tấm mặt trời tịch mặc trần trường. Nơi còn cây tầm tắp tro cành già nua, quốc độ thanh tịnh của lũ quạ tứ chiếng tìm về. Đây cậu nhìn qua ly rượu xanh này ! Cậu sẽ thấy một thế giới của âm vọng kỳ bí. Ngọn đá mộ bị cắn cỏi, tro lại nhánh tay cò quái đấm lên chiếc cồng lửa cuối cùng một tiếng uất ức vỡ tan.

— Bé ơi ! Mang nốt cây rượu ra đây cho ông.

— Thôi ! Cậu say rồi ! Chúng ta còn phải vượt qua hơn ba cây số sương núi về nhà.

— Không lo ! Tôi chưa bao giờ say. Tôi dù có uống hết mấy cây rượu đỏ này cũng vẫn đủ trí để hiểu trọn chương Bát-Nhã Tâm-kinh. Tôi có say bao giờ đâu. Rượu sẽ cho tôi thiếp ngủ cảm quan, để chặt chiu mãi nụ cười từ

thi khai quật của người con gái yếu tử họ Phạm về trước gần bốn trăm năm. Ôi ! Muôn nghìn đoá phù-dung trinh bạch nào, đã ép lên cánh môi đó, để giữ lại mấy kiếp xuân thu trọn vẹn. Không một kỳ quan nào hơn đánh dấu sự sáng-tạo của loài người. Cậu có thể hình dung thôi ! chiếc quan tài ngọc đá trong suốt, góc cạnh viền vàng, trạm trổ một dãy kỳ hoa. Nằm dưới làn quách đá mỏng điêu khắc, màu đỏ như chu-sa, Cả một tấm chúc thư trăm trăm nét chữ, xoay ngược từ sinh. đặt lại sự sống bàng hoàng. Cậu đã thấy chưa ! Tôi có say đâu ? ! Nếu say là ru ngủ ý-thức đề sức tưởng tượng con người nhẩy vọt từ vô-thức bằng khuâng ; nơi cõi nguồn sáng tạo, bắt nhịp cảm thông với nghìn thu diệu vợi, thì cậu hãy say trước khi theo tôi đến cở mộ tìm đọc phiến chúc - thư. Tôi hiểu cậu đang nuôi ý định của một sinh viên khảo cổ, đi kiếm đọc sự vật. Nhưng cậu sẽ thất bại vì chẳng đọc được gì ! Chúc thư không đặt vấn đề, mà cũng không giải quyết vấn đề. Chúc thư sẽ mở trọn cánh cửa cuối cùng của hai bờ tĩnh động, Cậu thấy chưa ! Hãy dọn mình đi chứ, trinh bạch tâm hồn đề bàng hoàng chuyển ngược nhẩy vọt vào cõi trùng sinh. Bây giờ cậu lại lắng mà nghe. Tuyệt đối đừng suy nghĩ. Những lời nói tôi sẽ kết cho cậu cây chìa khóa ngọc hồng, chất đá mặt trời huyết-dụ để mở cửa cở mộ. Tôi muốn nói rằng cậu phải phá bỏ ngữ ngôn. Thoát khỏi cái dụng của ý-niệm; cái gọi là tinh thần hợp lý của khoa học thói thường. Đề cậu trần trường trước sự vật. Nhập vào cái tướng vạn-hữu mệnh-mang. Nhận chìm vào chỗ vô-tướng của dòng sinh động miên viễn. Cậu phải khoả chân xuống

dòng sinh tử trước khi thề nhập chúc thư.

Đấy cậu thấy chưa, những cồn mây ùn lên từ ngọn Tây núi; nơi đó những bụi sương mai táng muôn đời khâm liệm cở mộ.

Cậu cứ uống mãi đi ! Cùng tôi cạn cây rượu nẫu này. Anh em cách mấy năm gặp mặt. Cuộc đời như bóng mây đầu chợ, mấy lúc hợp tan. Cái nụ cười của vị tiểu thư họ Phạm, đôi mắt thiêm thiếp trên muôn ngàn đoá phù dung nghi ngút hơi sương.

Cậu cứ đề trọn vẹn óc sáng tạo của mình mà hình dung. Cậu cũng đã vẽ, thì cậu cứ mặc tưởng như một tác phẩm đại nghệ thuật trên đỉnh ngọn sương mù của ý-thức loài người.

Vào một đêm kia ! Cậu đã nghe chưa ! Thật đã lắng nghe chưa ! Tôi bắt đầu cuộc chuyện. Hãy uống lấy từng chữ và nuôi cái khát của kẻ giữa cô đơn sa-mạc. Mỗi từ ngôn, mỗi âm vọng sẽ dẫn cậu đến tận cùng ngút ngọn thời gian. Vâng ! vào một đêm kia của một tháng cận năm ! Mảnh trăng cuối tuần như một lưỡi rìu cở thạch cảm xuống thân cây tĩnh-lự khiến con cú giật mình phiêu bay rời rã, lay thức cụm mây hồng bạch lác đác bông bênh. Tôi trở dậy trong một cơn mộng du, với ngọn mai trồng tay, tôi vọt vờ tìm theo ngôi sao đá biếc chấp chờn đậu xuống cuối bãi cây ven đồi. Lưỡi rìu đá mộng muối bông gõ xuống mặt đất nẫu những tiếng khô vang. Tôi đào đất tìm ngọn sao trốn biệt dưới địa huyết. Mỗi nhát mai sắc xuống khu đất lân tinh, những mảnh sao trắng vỡ vụn. Khiến từng làn vĩ-cầm tắt phụt dưới hang. Mãi mê đào cho đến khi cung bực cuối cùng tan loãng vào hư

không. Rồi, tiếng chim nào đó rúc lên như chuỗi còi sừng leo lét gọi tôi dừng tay. Dưới một huyết mã-não rực rỡ chôn cất mảnh trăng cuối cùng. Tôi khật khưỡng trở về gian nhà trọ.

Sáng hôm sau, tôi trở dậy mệt lử, quên bằng đi con mộng du: Cây mai đất núi một bên! Còn đó với những dấu tích lạ lùng! Tôi tìm theo vết cỏ tới khu mộ địa hôm qua. Chiếc hố đất đỏ trên khu bãi phía tây cách nhà tôi một quả đồi cỏ bạc, Ồ! Cuộc tìm kiếm nào đây! Dưới lòng đất hiện lên tấm đá xanh bi mộ và cửa hầm thăm thẳm âm u, heo hút bụi sương trắng. Tôi tìm gặp chiếc dép mình bỏ rơi dưới cỏ. Ngạc nhiên đến cùng tột! Nhìn xuống quần áo tôi đất cát lem luốc! Tôi đã đào mộ chẳng?! Trí nhớ hồi sinh từng dằng dấp chồn vờn trên thân gỗ — ngọn cây... Tôi đã tìm đến đây đêm qua trong cơn mộng du nào nhập xác.

— Bé ơi! Mang nốt cây rượu đen! Cứ cạy đi! Cậu nhìn xuôi bãi Tây qua cây rượu này. Mặt trời đen khủng khiếp chưa?! Suối tóc bờ mi thiếu nữ còn huyền hoặc hơn nữa. Một dòng biêng biếc tơ đêm. Khuôn mặt ấy! Trời ơi! Có phải tôi nằm mộng chẳng! Chỉ một nét môi kiều diễm cũng đủ xoay ngược Đông Xuân.

— Đây! Cậu nhìn theo phía này của ly rượu. Mảnh mặt trời còn lại của cồn rừng sương mù cùng với chặng cỏ từng như một nét đại tự. Cậu chỉ tưởng tượng thêm vài nét ngang phóng bút, cậu sẽ thấy hàng chữ thảo hiện lên «Phạm Tiều-Thư-Chi-Mộ» Cậu nhìn rõ chưa?!

thế rồi cậu biết sao nữa không! Tôi tìm đọc trụ bia đánh dấu niên kỷ hơn bốn trăm năm. Trời! Sự huyền nhiệm nào đã đưa

đây tôi!? Hay chính tôi vào đêm qua đã tìm lại phần mộ tiền thân của mình vùi sâu dưới ba thước đất, Có phải tôi thật sự đây chẳng! Thật sự hiện hữu ý-thức dưới buổi sáng lửa thơm này? Hay chỉ là phiến mộng nôi kê giữa bờ huyền-ảo. Không tôi vẫn thức. Mắt tôi còn mở thực sự mà! Có cơn mộng nào đâu! Ngọn bia mộ Phạm-Tiêu. Thư như một trụ sương trắng, thổi đá hoa-cưug lạnh như phiến tuyết-băng. Ồ! Hay tôi đang ở trong cơn trường mộng biên đầu, cơn mộng của muôn từng phiến mộng bỗng bênh. Có thể như thế chứ! Nhưng bây giờ cỏ vật là của riêng ta! Khám phá của tôi sẽ làm dư luận bàng hoàng! Tôi chắt chiu từng lớp đất cỏ như từng lớp cưu mang suốt nửa phần cuộc sống. Tôi dùng mười ngón tay mở rộng địa huyết. Những tảng gạch đỏ như đá son. Ốc mào hiềm lớn theo với sự kỳ thú điên cuồng. Những dấu hoi-mục lên đây như một bầy nấm đại. Tôi bới rộng dần, ngách đá để hở ra một khung cửa gỗ đầy mục nát loang lổ lân tinh. Tôi khê đây, cánh gỗ dôi ra cùng với khóa đồng đúc không lỗ. Địa đạo để lộ một lối xuống của những thỏi đá tối hun hút. Ngọn âm phong toả lên những tảng sương trắng vật vờ. Tôi mọc ốc cùng mình. Dừng lại! Ốc tôi thoảng nhanh hình ảnh những hăm mộ chữ kim hiện về với cả một gia sản hàng tỷ ngọc hồng, mã-não, những trần thiết nguy hiểm chung quanh, sẵn sàng chụp xuống đầu kẻ khai quật bất hạnh; hoặc những khoanh rắn canh giữ bảo vật dài hàng mấy chục thước, nghiền cò nhả nọc phè phè. Nhưng ốc mào hiềm liều lĩnh thách đối! Tôi tìm những củi mục, bỏ

lại thành một cây đuốc dài, châm lửa lên, tôi khước về phía trước lần mò. Cảm giác căng thẳng đến cùng tột! Tôi bước theo những bậc hồng-thạch dẫn xuống con đường hầm hun hút tờ-mờ từng vách lân tinh. Đi khỏi địa đạo quanh co chừng vài chục thước, giải giác dưới nền những đốt xương mòn mục rã, chứng tỏ những người xây dựng mồ, hay cả một đoàn mỹ nữ theo hầu đã bị chôn theo. Cuối cùng dẫn tôi đến một cánh cửa đá tờ-vò trong suốt chắn ngang, nhìn qua khu thạch thất tờ-mờ. Tôi dùng tay xô cánh cửa trầm-tĩnh, lay chiếc khóa kiên cố. Nhưng vô hiệu! Tôi dựng bó đuốc hồng vào cửa, và tìm dọc con đường hầm xem có mấu chốt nào khả nghi để mở cánh cửa cuối cùng chăng! Sau một lúc lâu, tôi đang thất vọng thì bó đuốc đổ xuống nền đất, cánh thạch phiến mở tung vào phía trong, để lộ một khu hầm trần thiết kỳ quái. Tôi sửng sốt vui mừng! Thì ra lúc tôi dựng bó đuốc, vô tình ngọn lửa tạt vào ống khóa không lồ, làm chảy lớp chì đồ bên trong ra theo những lỗ nhỏ phía đáy, thân chiếc khóa rỗng tụt xuống, hai cánh cửa bật tung theo một cơ quan ngầm trong vách hầm. Tôi dò vào từng bước. Những lu chóc lớn nhỏ và những cổ cầm tượng màu đá lam bằng ngọc thạch lớn như người thật từng hàng, ngồi đứng chung quanh, như cả một triều đình phong kiến cổ thời. Mỗi pho mang một khuôn diện cuộc sống; có pho trầm tư, có pho cười nụ, có pho thì phần nộ bưng bưng. Những đường nét điêu khắc linh động khiến tôi phải cung tay thủ thế một cách khôi hài. Ngay giữa thạch thất, trên những phiến đá hoa xanh biếc, bốn chiếc đòn đá đỏ như hồ phách, mang thỏi quách đá mỏng chu sa, trạm trổ cả một dãy dị thảo cầm tú chung quanh.

Úp trên chiếc quan tài bằng chất đá trắng trong suốt như thủy tinh. Mỗi góc đều bịt vàng rực rỡ trổ từng cụm kỳ hoa ảo lá thiên tài. Tôi tiến lại gõ từng phiến quách bằng đá mài mỏng chung quanh xuống. Tự nhiên ánh sáng lờ mờ phản chiếu năm lửa đuốc bùng lên từ năm đóa hồng ngũ sắc bằng ngọc điêu khắc, đính trên ván thiên, mỗi đóa bằng chiếc đĩa tàu cổ. Ánh sáng vừa đủ cho tôi nhận rõ cả một quan tài huyền ảo. Trời ơi!

Cậu cạn thêm ly rượu này! Chú bé lấy cho anh cây rượu nữa đây! Anh chẳng thấy Hoàng Hà dâng đặc, nước trời xuôi xuống biển nào về! Nay khách rượu còn đâu! Sương còn hạc nội. Cậu cứ say đi! Mình sẽ dìu nhau đi tìm những đồi trăng âm. Xuống núi uống sương bụi, cảm khoái biết là đường nào.. Tôi phải uống thêm mấy cây đề mở cửa cõi giới thực mộng, hình dung đến nạng. Ôi! Giữa một nội hoa trắng ngun ngút sương thu. Phiến tài hoa nào nằm đó, tuổi chớm mùa trăng, trăm đường mỹ tú phơi bày dưới tấm nhiều quán đại hồng. Đồi vòng cầm ngọc xanh xang trên cổ tay thạch tượng. Mái tóc cô mỹ nhân biêng biếc, bông bành một ngọn thiên thai. Khóe mắt yên ngủ ba đào, thiêm thiếp nội thu. Bờ môi nho chín, sóng mũi nghiêng nghiêng. Nụ cười trăm nở nửa đóa nhiệm màu! Tiều thư ơi! Bốn trăm năm sau, biết đâu còn có ta nhớ trộm! Tiếc áng hồng nhan mà muốn xoay ngược âm dương! Tôi cử động trong một sức thu hút thần bí, xô lệch tấm ván thiên đỏ thắm chất đá mặt trời. Ánh sáng năm màu mờ tỏ, là chúc thư trạm trổ, những hàng cổ-tự tờ-mờ dưới nếp sương phong. Tôi quì xuống gần ngơ uống từng dòng cò lụy. Giọt nước mắt vô tình nhỏ xuống bao giờ. Bồng dưng nổi lên ngọn

gió lạnh từ chiếc áo quan ngọc đá, hình hài nữ lang lay động, trở gối xuân thu, nghiêng nghiêng vóc ngọc. Trăm ngàn đóa bạch dung hơn hờ thu phong, âm âm sao trắng lãng đàng. Ngọn đuốc hồng cũng thu lại leo lét. Tôi nôi ốc cùng mình lùi dần lại ngách cửa đá. Hình ảnh chiếc xác ướp nào vất vưởng tìm về trong giấc liêu trai bưng thức. Vị thiên kim tiểu thư bỗng dung mờ dần trong hơi sương ngun ngút, tỏa lên từ mỗi lòng đóa hoa. Còn thoang thoảng nụ cười héo úa cuối cùng trong lòng quan tài mờ mịt. Tôi chạy lại bên áo quan, chợt đập lên tấm ván thiên. Tiếng vỡ rụng xuống âm khô như cả trái tim tôi tê điếng. Hơi sương tan dần, chỉ còn lại ngấn nước trong veo với đôi vòng ngọc đá biếc lập lờ.

Anh gục rồi ư! vừa mới nửa chừng cuộc chuyện. Bé ơi! Mang dùm bạn ta lên khách sạn. Sau mấy năm dằng dặc trùng phùng, đôi lấy một cơn say kỳ thú. Tuyệt! Tuyệt! Ta phải bỏ về rồi đây! Mảnh mặt trời chỉ còn lại mảnh đá tím, cây chìa khóa đã tra vào cửa đất mộ. Tiểu thư ơi! Đã thấp lùn tinh chưa? Cho kẻ này dối dối. Ta đã nỗ tung mấy lần tâm tưởng, nàng cũng đã nhập cùng vĩnh hóa luân lưu. Hãy chò ta vào cánh cửa tĩnh động cuối cùng... Bên cầu đầy cỗ xe ma — Nửa viên băng nguyệt trên tà áo đen! Ta còn mấy tuổi trăng khô ư! chuyến xe đã chuyển rồi! Ta còn mấy kiếp trăng khô ư!

Trong cơn say mê thiếp của khách, tiếng hát người bại cũ đập cánh lên vút đỉnh chừng trời cùng mây trắng phiêu trôi. Tiếng bước đi lác đác mưa thu « Cậu say rồi! còn má cây số sương mù để tìm về cỗ mộ. — Tấm chúc thư phiê

đá đỏ thần kỳ...?!

Sáng hôm sau, Quỳnh trở dậy cùng với những ô cửa nắng rực rỡ của buổi trưa. Cơn say đêm qua còn rớt lại sự rũ liệt châu thân, đầu óc choáng váng như một con trót quay cuồng. Hình ảnh người bạn chàng gặp lại chiều qua trên một khu núi cò rồi kể đến những cây rượu ngả nghiêng trong cuộc chuyện chồn vờn. Bãi cỏ phía tây và phiến chúc thư trên ván thiên khiến anh vút trở dậy vào phòng tắm, ngọn nước mát khiến anh phục hồi dần sức mạnh. Tiếng chim nào hót ngoài tàn cây ở cửa phía đông. Tại sao vừa gặp mặt Thái đã vội bỏ đi, không một cuộc hẹn?!

Từ ngày Thái ra trường, anh bỏ đi biệt, không một tin tức với thân hữu. Có người cho rằng sau buổi chiều anh kéo cỗ xe đen qua con cầu, đưa người yêu đến căn phần vĩnh cửu, Thái hoàn toàn buông xuôi cuộc đời trong nỗi đau nhức yên lặng. Sau này với sự thỏa thuận của Nguyễn tộc, anh đem trồng bên mộ phần Băng-nguyệt cây tâm mai. Rồi từ đó cánh thần điêu vi vút rừng trùng. Người thì cho rằng đã gặp anh nơi thôn hoa của xứ Thái Đalat, anh có vợ và nói tiếng Thái như một bản dân cựu địa... Lần hỏi dư luận mọi người cũng cất cánh thiêu thân. Thái kẻ tự chôn mình trong kỷ niệm bạn bè: Đôi lần họp mặt, có người nhắc về anh như một bóng dáng xa lạ. Cho đến chiều hôm qua, con người cũ lại hiện về như một gã cò-kính với Quỳnh, nốc cạn hàng chục cây rượu tây, không mấy gì chứng tỏ anh bị thần kinh hành hạ.

Quỳnh ngồi đợi bạn, mãi Thái vẫn chưa trở lại! Cho đến ba giờ chiều, anh nhờ chú bé thuê dùm cỗ xe gỗ ngựa không

mui với người xà ích già nua từ khu nhà phía Nam dần lại, Anh không còn đủ kiên nhẫn kéo thêm sự chờ đợi. Hai người làm cuộc hành trình với đôi ngựa già về khu bãi mộ địa. Những cơn mây trắng và cội cỏ từng bên đường làm mảnh mặt trời hiền dịu hơn. Qua những lối cỏ núi vàng cháy, những cụm đá mang khuôn mặt chịu đựng trọn kiếp. Những tiếng vó khô rụng xuống trên lối sỏi trắng như những roi mưa đầu cơn quất xuống lác đác trên khu núi đầy ải ngồn ngang. Hàng bánh lăn lộc cộc, thân xe gỗ bạc nghiêng ngửa chòng chành. Thỉnh thoảng tiếng người xà-ích rúc lên giục đôi ngựa đen đồ bước, thoảng lại mất hút phía sau cùng với cơn gió khen khét đá sỏi. Một đôi con chấu thấy động, gại cánh cánh cạch lao đi mất hút trong bụi cỏ khô như những vầy đá biếc. Người xà-ích già kéo nghiêng vành mũ ní gọi chuyện :

— Thầy xuống khu suối đá chơi ?

— Tôi xuống tìm người bạn.

— Mùa này nước cạn, suối trở nên khô, còn lại vũng nước trong hốc đá không đủ tắm !

— Không ! Tôi muốn tìm nhà người bạn. Ở đây dân cư đông không ? !

Người xà ích quay lại, khuôn mặt như trái trám khô, nhăn răng cười !

— Gia đình nào dám cư ngụ ở đây !

Các ông ở trên núi thỉnh thoảng kéo xuống chộp mấy viên chức từ các xóm chung quanh mang đến dưới gốc cây kia làm thịt. Đây ! Ngay trên cành cây đen ấy. Thỉnh thoảng treo một xác banh ruột làm thức ăn cho bầy quạ đen mỗi

chiều.

Theo ngón tay chỉ của lão xà ích. Gốc cây trơ những cành đen thui nơi lưng đồi. Một vài cánh quạ đáp xuống như một lá cờ giặc đen tang chế. Mảnh đất Thái chỉ qua cây rệu nẫu ! Buổi chiều đã dấy lên ở đây đôi khóm sương mù. Người phu ngựa tiếp theo với một giọng mỗi mệ :

Trước đây vài năm còn an ninh, khi những con nước lũ từ rừng đổ về. Khu suối đá mọc lên vài quán lá mời mọc du khách. Sau mấy ông làm dữ quá ! Họ trở về phở hết sạch.

Con đường núi nghiêng nghiêng dẫn xuống một bãi lau sậy, một cồn bông cỏ rữ rượi bạc phơ trong sương chiều. Thân xe lộc cộc ngừng lại. Đôi ngựa đen gục đầu xuống trước mảnh mặt trời đậm trong rừng gió lách.

Quỳnh kéo cao cổ tấm áo nhầy xuống, leo lên đồi, nơi cội cây đen dúm như một hàng cỏ tự rừ-rì, thân cây tuổi tác héo hắt. Một đoạn thừng mực vắt ngang đu đưa. Anh nghe da thịt rợn rợn, hình ảnh chiếc xác mồ banh lác lác trong bụi sương núi hiện về ám ảnh. Phía sau cồn cây là ngôi mả tàu cổ kính. Một vài khung tường đá rêu và những bụi cỏ hoang xào xạc sương ẩm. Quỳnh rẽ cỏ, nghiêng mình chui qua chiếc cổng mộ tò vò. Một vài nét chữ sơn cũ đánh dấu cuộc tình tự của du khách ngày xưa trên tường thành. Chiếc bát hương đá cổ đồ nghiêng trên bệ. Trong khu vách mộ, là cả một nội cỏ hoang và cây dại. nơi trú ngụ của bầy chồn cáo tìm về ăn náu qua ngày. Anh dừng lại hoang mang, không một vết tích quen thuộc lưu lại từ cuộc chuyện. Mặt trời đã chìm xuống một nửa trong lòng con suối khô, còn lại nắm lửa tàn thoi thóp. Quỳnh thọc tay sâu vào túi.

NHẬT TIẾN

trong đêm đen trừ tịch

áo lợi xuống đường tìm về. Bầy quạ thấy động phía dưới, tiếng cánh vỗ đi đập chồn như bóng đêm bắt đầu từ rúp cỏ rối.

Cỗ xe ngựa trở về phố núi, người xà-ích ngồi ngất nghiêng trên ghế cao với dây cương trong tay, mắt nhìn lim dim, thờ ào ngọn khói xám tan loãng :

— Thầy đi viếng mộ à ! ?

— Vâng ! Tôi nghe người ta thuật lại, thử ghé thăm xem sao.

Tiếng vó ngựa dồn mau trên đường tối. Thân xe gỗ lạch thạch về tỉnh như một con thú què. Người xà-ích với tay châm ngọn đèn bão vàng vọt, lắc lư trên nắm tay đồng đồng trên thân xe. Quỳnh bỏ ra sau xe, bỏ chân thòng xuống những ngọn cỏ phía dưới! Phiến chúc thư! Thái oii! Anh trở về giữa cơn thực mộng títt mù?! Mảnh mặt trời tối còn lại viên lửa xám như chiếc khóa cầm thạch tra vào vách mộ lui dần... lún xuống mãi khu nghĩa địa cồ. Những nhát cuộc đào xới cồ vật cũng mờ dần trong một bụi sương đen huyền-ảo tỏa lên choáng ngợp đầu Quỳnh còn lại môi cười héo úa của người con gái họ Phạm trên chót vót sương mù từ bốn trăm năm vàng vọt thu xuân. Đóa hồng dung rục rở môi nho. Tác phẩm đại nghệ thuật trên chót đỉnh sương mù!

PHẠM-THIÊN-THU

Đêm ba mươi, bầu trời. cây cối, vườn tược, nhà cửa (nếu còn) đều quện lấy nhau trong đông tối dày đặc. Đứng ở bất cứ một chỗ nào đó trong cảnh vật cũng đều như lọt thỏm trong cái bao la mù mịt của trời đất, và cái cảm giác bầu vịu được vào chốn quê hương yêu dấu này chỉ còn là cảm giác của hơi sương lạnh, của mùi đất ẩm, xen lẫn mùi thuốc súng phản phất đâu đó trong đêm đen. Và hoàn toàn yên lặng. Chẳng bao giờ lại có sự yên lặng tàn nhẫn và ghê rợn đến như thế. Không tiếng vông đưa, không tiếng trẻ khóc, không tiếng chó tru hay tiếng rế rầu rĩ trong bồn cỏ. Cũng không cả tiếng máy bay đi ngang qua bầu trời, không cả tiếng súng nổ ầm ỉ kéo dài suốt đêm thâu hay tiếng bom rền rĩ rung chuyển cả mặt đất. Có một sự từ già tập thể cái khung cảnh hèn mọn và nhỏ bé, hiền hòa này. Như bàn cờ khi tàn cuộc đã được xóa đi. như quang cảnh tan hoang khi cuộc chơi của đàn trẻ chấm dứt. Mọi người đã ra đi. Cán Bộ giải phóng, chiến sĩ cộng hòa, những khuôn mặt dân làng quen thuộc, và cả những súc vật lớn nhỏ kể từ con trâu, con bò, đến những con tắc kè thường bung lưới trong khóm lá—Bỏ hết. Đi hết.

và tất cả đã để lại một sự im lặng nặng nề, ghê rợn như sự im lặng của biển cả sau một ngày bão tố.

Mãi tới gần khuya mới có một tiếng động khua lên. Tiếng kẹt cửa. Cánh cửa gỗ nghiêng ken két trong bản lề rỉ sét ở một căn nhà nào đó còn sót lại. Rồi có tiếng thì thảo. Tiếng con trai và con gái. Trước nhỏ, sau to dần dần, đến trở thành một câu chuyện hàn huyên trong đêm trừ tịch.

Giong con gái : Ai thế ?

Giong con trai : Tao !

Gái : Sao về trễ vậy.

Trai : Tao qua tuốt bên kia đầm lặn.

Gái : Có gặp ai không.

Trai : Không gặp ai hết.

Gái : Tao cũng vậy.

Trai : Mày đi đâu ?

Gái : Tao vô vườn.

Trai : Dữ hôn !

Gái : Chi mà dữ ?

Trai : Hầm chông, mày không ngán à ?

Gái : Có mười cái hầm, tao thuộc hết.

Trai : Thuộc hết sao có người vẫn bị.

Gái : Ai ?

Trai : Bà cụ Tư,

Gái : Bộ mày không thấy sao ?

Trai : Thấy chết đứng như ttoi trồng.

Gái : Hầm chỗ nào vậy ?

Trai : Chỗ lộ cây Gòn.

Gái : Tội không, Chính bà Tư đã đào cái hầm đó,

Trai : Ừ. Mày có nhắc tao mới nhớ. Bữa đó bà kêu nhưc đầu sồ mũi. Nhưng Ủy Ban bảo vì nhu cầu phòng thủ, đồng bào hãy cố gắng lên.

Gái : Mày còn thấy ai nữa không ?

Trai : Lão Bầy !

Gái : Ui chao ! Lão Bầy hả ?

Trai : Phải, Lão Bầy. Lão nằm co bên hóm bom ngoài đồng.

Gái : Lão còn thiếu tao năm đồng đó mày.

Trai : Tiền gì vậy ?

Gái : Tiền thuê tao nhật mảnh xác vợ lão bữa đó.

Trai : Ừ. Bữa đó lão cũng nói với tao mà điều tao mắc đi gỡ dù trái sáng trong vườn.

Gái : Lão thuê tao hai chục, mà mới trả có mười lăm.

Trai : Tao thì lão sẽ làm giùm.

Gái : Dóc hôn ! Thế bữa Di Sáu cần, sao mày nói phải thuê.

Trai : Di Sáu khác. Bà đầu có chôn ai. Bà khủng mà.

Gái : Ừ. Bà Khùng thiệt. Ngày nào cũng bó chiếu, vô đồng làm đám táng. Rồi lại ôm về.

Trai : Tại bà thương mấy đứa.

Gái : Ba đứa,

Trai : Có hai thôi. Còn thằng cu út nhà bà chết bệnh mà. Hai đứa kia chết lãng xet.

Gái : Tại tui nó đi chơi xa quá mới kẹt vô đám bắn nhau.

Trai : Biết chừng nào là xa với gần. Các đug bắn nhau đâu có nói

trước. Tao cũng có bạn kẹt vô trận phục kích của hai bên sac
tao không chết.

Gái : Tại mày nhất. Chưa chi mày đã rúc xuống bùn như trạch.

Trại : Nhất với bạo cái gì. Mạng sống của mình mà.

Gái : Mày sợ chết lắm hả ?

Trại : Con nhỏ này kỳ cục hôn, chết mà ai không sợ.

Gái : Có người không sợ. Có người thích chết.

Trại : Ai ?

Gái : Chị Sớm đó!

Trại : Chị sớm thì còn nói gì nữa. Tại chỉ muốn chết theo chồng.

Gái : Mà có chắc chồng chị chết thiệt không.

Trại : Thì có tin từ Cần thơ về đó.

Gái : Tin thì ai mà tin. Phải chị Sớm thấy được tận mắt.

Trại : Mày nói dễ nghe hôn. Ai lại chờ xác lính quốc gia vô vùng
giải phóng. mà có chờ được cũng hết đường thấy mặt. Tao
nghe nói có người chết cái xác chỉ còn vừa lọt một cái hủ.

Gái . — Thì cũng như con trâu nhà bác Xã chó gì. Chết cháy
ra tro rồi có còn được mấy cục tàn than đâu.

Trại : Ý ! Nói đến bác Xã, tao mới gặp bác ta hồi chiều.

Gái : Ở đâu ?

Trại : Gần hố bom, chỗ cây lão Bầy.

Gái : Ui chao !

Trại : Mày biết gì mà ui chao.

Gái : Thì bác chết, tao thương.

Trại : Chết ở đâu. Tao đâu có nói bác chết.

Gái : Ủa. Sao mày biểu gặp bác ở gần hố bom.

Trại : Ừ, thì tao gặp ở gần hố bom.

Gái : Vậy là chết rồi còn gì.

Trại : Ham chưa ! Bộ mày mong bác chết lắm sao mà cứ rửa
người ta hoài vậy.

Gái : Vậy là không sao há.

Trại : Không sao. Mà điều tao ớn.

Gái : Sao mày ớn ?

Trại : Bác nhìn tao trừng trừng. Con mắt đỏ như huyết heo.

Gái : Ghê !

Trại : Rồi bác gọi tao là Đại úy ! Tao bỏ chạy. Bác vùng lên
đuổi. Vừa đuổi bác vừa la : «Đại úy ơi. Đại úy ơi. Chồng
em bệnh thiệt nè. Cho chồng em cái phép vợ đẻ bốn ngày về
hăm vợ, thăm con».

Gái : Sao mày không giả đồ cho phép bác đó đi.

Trại : Tao sợ thấy bà tao đi. Đề bác túm được, chắc bác cào
tao chết.

Gái : Phải rồi, Tao đã bị người khủng cào một lần. Xé cả áo
tao nữa.

Trại : Rồi tao chạy vô núp trong một hố cá nhân. Bác rượt
qua, không thấy, đứng lăm nhăm một lát rồi đi luôn.

Gái : Bác nói gì ?

Trại : Bác la : Tự Do cái con chó, giải phóng cái con chó, trả
chồng tao, con tao, nhà tao, đất tao

Gái : Vậy đúng là khủng rồi còn gì.

Trại : Thì đúng là vậy. Cho nên bác bỏ đi, tao đâu dám gọi lại.

Gái : Đi đâu ?

Trại : Đi tuốt vô đồng.

Gái : Lớ quơ coi chừng lại bị bắn lắm như bọn con nhà Dì Tư.

Trai : Mày yên chí đi, bữa nay hưu chiến mà.

Gái : Hưu chiến là cái gì ?

Trai : Là hai bên tạm thời không bắn nhau nữa. Tết mà.

Gái : Sao mày biết ?

Trai : Tao nghe nói từ tháng trước.

Gái : Nhớ rồi cứ bắn thì sao.

Trai : Thì sao hả... Cũng chẳng làm sao cả. Ai dám bắn thường ai. Mà điều vì danh dự chứ.

Gái : Nhớ có kẻ cứ bắn thì sao.

Trai : Thì thế mới gọi là phải đề cao cảnh giác. Bên nà bắn thì bên kia bắn lại. Có hề hấn gì đâu. Tao thấy cả họ bên hình như vẫn hành quân ở mé bên kia Đầm Tròn.

Gái : Được cái từ qua nay im tiếng súng.

Trai : Tao nói không sai mà. Hưu chiến thật đó.

Gái : Vậy mình thắp ngọn đèn cây lên được không.

Trai : Không nên. Nhớ thấy ánh sáng họ bò vào, tưởng mình là giải phóng cũng chết mà quốc gia cũng chết.

Gái : Vậy thì rầu ghê.

Trai : Thôi ráng, mai sáng rồi tính. Tao có cái này cho mà đây.

Gái : Cái gì vậy.

Trai : Mày đoán thử coi?

Gái : Vài đũa chứ gì ?

Trai : Không phải!

Gái : Đờ hộp Mỹ!

Trai : Trật nốt

Gái : Thế gì cái gì?

Trai : Một cái đồng hồ đeo tay.

Gái : Ôi chao! Thiệt đó hả? Ậu, đưa coi.

Trai : Đó, mày sờ thử coi. Có thiệt là đồng hồ không.

Gái : Ờ nhỉ! Ờ nhỉ! Mày lấy ở đâu thế?

Trai : Trên một cánh tay rồi, Tao cho mày đó.

Gái : Tại sao mày không xài mà cho tao.

Trai : Xài không được, vì nó hư rồi. Đề chơi vậy thôi. Mày thích không ?

Gái : Thích. Tao thích lắm chứ. Nhưng sao mày cũng thích lại đem cho tao.

Trai : Vì tao khoái cái này hơn.

Gái : Cái gì thế?

Trai : Mày sờ thử coi.

Gái : Đưa đây... Ờ.. Ờ., cái này là quả lựu đạn chứ gì ?

Trai : Quả lựu đạn còn y nguyên chưa xài đó nhé !

Gái : Chết ! chết ! Ai biếu mày đại dột đi lượm cái đó.

Trai : Thì đã làm sao. Mày không biết, một quả này liệng xuống Đầm Tròn, cá chết nổi lên, mình no cả tuần

Gái : Tao sợ nó nổ bất chợt.

Trai : Sợ cái gì. Bộ tưởng nó được là dễ lắm sao. Phải rút cái chốt này ra nó mới nổ chứ,

Gái : Ngó nó sút ra thì sao.

Trai : Mấy khi lại có cái chuyện đó. Tao biết cách xài mà.

Gái : Tao lấy mày. Mày liệng nó đi là hơn. Tao không ưa mấy thứ đó.

Trai : Hay là tao cắt đi. Chừng nào cần thì mới lấy ra xài.

Gái : Mày cắt ở đâu, ?

Trai: Dưới trần bếp được không.

Gái: Ngoài đồng rơm đi

Trai: Ừ thì ngoài đồng rơm. Mà nhát hết chỗ che. Chờ tao một lát nghe không.

Gái: Ừ, đi lẹ lẹ lên, ở đây một mình tao sợ..... Này! Khoan đã. Mà có nghe thấy tiếng gì không?

Trai: Tiếng gì ?

Gái: Đó

Trai: Không có gì cả

Gái: Mà điếc!

Trai: Ừ ! Có người ngoài bụi Tầm xuân,

Gái: Tiếng người rên!

Trai: Tiếng người sao lạ vậy.

Gái: Tao cũng thấy thế. Hay là ma

Trai: Làm gì có ma.

Gái: Có ma chó. Hồi trước Ngoại tao kể như vậy. Ở đây ma chó nhiều lắm.

Trai: Đúng tiếng chó rên thiệt.

Gái: Mà ời ! Tao sợ.

Trai: Đề tao ra coi.

Gái: Đứng ra ! Mà ra nó bắt hồn mày đi luôn.

Trai: Tao có quả lựu đạn đây rồi.

Gái: Thế thì mày đứng ở đây mà liệng ra. Ngoại tao bảo ma chó linh lắm, nó chỉ sợ có ống lệnh hay pháo ống mà thôi.

Trai: Ngộ nhờ không phải ma thì sao. Tao chắc là một con chó bị thương. Đề tao ra coi

Gái: Nó vờ bị thương. Nó sẽ bắt luôn hồn mày. Thôi đi. Đứng

xuân kỷ dậu

có đại đột.

Trai : Thế thì mặc kệ nó, mai tính.

Gái: Mà đuôi nó đi đi, Kẻo đêm nay ngủ quên nó vào hút máu hết cả hai.

Trai : Vậy tao liệng trái lựu đạn này nhé.

Gái : Ừ!

Trai : Mà năm ép sát vào mé tường đi. Tao nghe lựu đạn nổ ở gần rồi. Lớn lắm đó.

Gái : Tao bịt tai.

Trai : Nhớ nằm sấp xuống nghe không.... Xong chưa?

Gái : Xong rồi, Mà cũng phải nằm xuống chó.

Trai : Dĩ nhiên. Tao rút chốt đây này. Trái lựu đạn này sẽ làm rồi đời giống ma chó nhà chúng bay.

Một tiếng nổ long trời lở đất tung ra âm thanh xé màn không khí dày đặc âm vang tới tận sâu cùng của đêm đen trừ tịch. Và như một tiếng pháo lệnh khai hỏa, chỉ trong chớp mắt, không biết có bao nhiêu là loại súng lớn nhỏ thì nhau rền rĩ nhả đạn ở khắp bốn mặt chung quanh. Khoảng đen dày đặc, khối im lặng lạnh lẽo nặng nề, tất cả vụt bị phá vỡ trong chớp mắt để vụt hiện ra muôn ngàn thứ tiếng động ròn rã, chát chúa nổ vang rền trong bầu trời. Trên tầng cao, những ngọn hỏa châu vàng ủa xuyên thủng bóng tối, rọi xuống cảnh vật một làn ánh sáng héo ủa chập chờn. Đồng quê đồ nát, những mảnh vườn cháy xém, những mái tranh cháy rụi, những thềm đất hoang tàn, tất cả phơi mình một cách đau thương chua xót.

Qua những kẽ hở của vách gỗ ánh sáng lửa vào căn phòng.

chạy chờn.

Thằng con trai nằm úp sấp bên cạnh đứa con gái.

Khuôn mặt cả hai đều ngả màu vàng úa, màu của ánh lửa vàng vọt. Đứa con gái nói qua tiếng sủng nồ ồn ào:

— Tội nghiệp bác xã chắc giờ sẽ kẹt ở trong đồng. Như thế này thì đâu còn hưu chiến cái gì nữa.

NHẬT TIẾN

12-1968

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

hương mật đêm buồn

Buổi chiều chỉ còn lại một đám khói ở trên mái, trời thấp
hấp đến nỗi Thủy tưởng như bao nhiêu hơi nước trong thung
lũng đã quần tụ cả lại nối liền với những đám mây đen trong đó
nằm nức những hương trà, không khí đường đặc sệt hẳn lại,
hương phải nghên cao cổ lên mới thở được, nàng nghe rõ
ng búp không khí mát lạnh chảy tuôn trong ngực, bên ngoài
ra sò đêm bắt đầu đổ xuống cùng với một tiếng chim kêu,
bầu trời rơi chìm vào trong một màu xám xịt những cây dương
cao ngắt rũ rượi lướt thướt dưới những đám sương đang lan
ràn từ ngọn cây này đến ngọn cây khác, gió reo rì rào trong
lóm trắc bách diệp, những cây hồng bạch và gốc ngọc lan
ên thêm đêm buồn trong những cơn gió thổi bạt hơi ủa ngập
trong phòng, Thủy kéo chăn lên tận cằm, lười biếng
lông muốn trở dậy, những con chim sẽ đã trở về kêu
u rít dưới mái hiên. Một vài ngôi sao yếu ớt mọc
phía rừng không trông nghiêng như vừa trời lên khỏi một mặt
róc, trời giống một góc biển lộn ngược, Thủy chóng mặt có lẽ
đêm qua nàng đã không thể ngủ, đêm trắng mặt thần tiên nhưng

cũng buồn thảm, nàng sung sướng cùng một lúc cảm thấy tan rã cả tâm hồn cơn xúc động đắm đuối còn ngầy ngất mãi không thôi chàng ở trên nàng và nàng đã nhìn thấy trời, nhìn thấy đèn nhìn thấy rừng, sao, sau mớ tóc rối của chàng, đêm ngào ngời và mong manh, những mầm hạt vừa đâm ra khỏi vỏ, cảm động trong tâm trí nàng những vang âm mù mịt không thể nghe, không thể phân biệt, rừng cây phủ nàng dù nàng chẳng nhìn thấy giường nệm mệnh mông nàng sợ hãi âu yếm thiết tha cuốn tròn trong lòng chàng, ước muốn của nàng đã lên cao ngất, hơi ấm từ hai cánh chàng quấn riết vai nàng, tim chàng đập dưới làn da nóng hổi, thì thầm như tiếng khua động của một dòng nào cũ kỹ thân yêu nàng đã nghe thấy một đêm hè được nghỉ học về quê đêm không ngủ nằm nghe tiếng sáo diều, nghe tiếng sóng vỗ vọng tới từ sau lũy tre dưới vườn, hương thơm của hoa nhài mát của những vè đá và bun trong các đồng lầy, những cánh đồng đêm có tiếng cú kêu và hàng vạn con sâu đất lập lòe lẫn với ánh sáng trắng, nàng úp mặt vào ngực chàng mu

khóc rức rỏ, nhưng chỉ thồn thức âm thầm, làm sao nàng có thể khóc trong phút giây hạnh phúc tràn đầy thể, hạnh phúc muốn phá ngực nàng vỡ tung, nàng cố hơi thở để đừng đánh thức chàng dậy, nhưng chàng đâu ngủ, chàng cầm lấy bàn tay nàng, chàng lần đêm từng ngón một, chàng đưa tay nàng lên môi, nàng nghẹn ngào, nàng muốn bày tỏ tình yêu với chàng, nhưng nàng còn làm gì nào hơn được giây phút nàng vừa cho chàng, chàng lau nước mắt cho nàng, chàng không hỏi vì sao nàng khóc, có lẽ vì chàng đã hiểu, chàng phải hiểu như thế chứ, nếu chàng không hiểu

thì còn ai hiểu nàng, lúc đó rừng chuyển động âm âm như đang trong một cơn bão lớn, những vách ván chung quanh nhà kêu rắc rắc, các nường trà reo lên một lần, tiếng lá khua động từ xa lại gần rồi mất hút trong cánh rừng sau nhà và những cơn gió khác lại thổi tới, nghe như muôn ngàn bầy ong cùng cất cánh bay, Phụng nghe tiếng nước chảy róc rách, gió hát những giọt sương đã đọng thành hạt vào tường vách mái ngói, tiếng mạch nước rỉ trong lòng giếng, tiếng côn trùng là đà trên mặt đất, thấp hơn chỗ nàng nằm, vang lên từng hồi, tấp đi từng chập, Thủy vừa nghe, vừa ngủ, một thiếp trong hân hoan, nửa đêm chàng đánh thức nàng dậy, trời rét nhưng chàng không cho Thủy mặc quần áo, chàng lấy tấm chăn lớn quấn chặt lấy nàng và ru nàng ra ngoài thềm,

anh điên à

dậy đi xuống vườn chơi

gió quá anh, mà lạnh em

coi chừng mọi người thức dậy

em lạnh quá không đi được

đi được chừ sao

em mệt quá, anh không cho em ngủ

đưa bàn tay em cho anh

em bỏ chăn ra thì gió lạnh chết mất.

Bàn tay chàng lùa vào trong chăn, làm nàng gặp người lại chống đỡ, cánh tay chàng ấm áp quàng ra sau lưng nàng đùi nàng bước xuống mấy bậc thềm gỗ, nàng run lẩy bẩy vì gió rét và vì những xúc động nàng không làm sao kìm hãm được, chàng dẫn nàng đi dưới những cành mận đầy hoa trắng, gió

làm tóc nàng bay tung quất vào mặt đau rát, nàng muốn khuya xuống sân, nàng cúi nhìn mặt đất đen, dưới những khóm hồng, hoa rụng trắng xóa, nàng bước theo chàng không còn đủ sức chống đỡ, chàng kề sát vào má nàng thở hít từng hơi chàng làm, nàng chợt nhận thấy mùi da thịt mình lẫn với mùi thơm của những búp trà non bộ gió làm rập gậy, gió hát những cánh hoa ướt đầm sương rớt trên mặt đất thổi lùa vào hai chân nàng, thổi suốt lên bụng và ngực nàng, lưng bồng trong tấm chăn, chàng hôn nàng nên Thủy không làm sao đi được, những cánh hoa ướt dính trong chân nàng làm Thủy nổi gai khắp người.

*có những chiếc lá ướt dính trong chân em, anh lấy
hộp em ra
đâu chỗ nào
chỗ trên đầu gối
người anh lạnh như một hòn nước đá
anh mang em đi đâu thế.*

Chàng ngồi xuống kiểm những chiếc lá ướt trên người; nàng, chàng hít hà và hôn nàng

anh; anh ơi

Môi chàng nóng bỏng như một hòn than nhưng không đủ sưởi ấm nàng, tất cả rừng cây trước mặt nàng lảo đảo trong một biển sương mù, mặt đất ẩm ướt hút chặt lấy guốc nàng, môi chàng áp trên những sợi tơ mềm mại trên người nàng, nàng xiết mạnh đầu chàng vào lòng van xin, chân tay nàng mềm nhũn, nhưng cùng một lúc nàng cảm thấy sinh lực của nàng tiết ra, nồng nàn và khoẻ mạnh, nàng mở rộng tấm chăn và ngồi xuống cuốn riết lấy chàng, chàng đỏ nàng đứng thẳng dậy.

Nàng không thể đứng được một mình, nàng phải dựa vào chàng.

*anh đừng làm em sợ quá
cuốn chăn vào đi
em phải giữ chặt mỗi rời cả hai tay
mai anh sẽ để cho em ngủ cả ngày
mà anh định dẫn em đi đâu đấy
coi chừng mọi người thức dậy*

Nàng ôm lấy chàng, người chàng khô ráo chỉ có tấm chăn đầu ẩm vì sương quá nhiều, chàng diu tôi qua gốc cây kim ngân, những bông hoa lâm tâm sai trĩu chít tới tấp như một cơn mưa vàng, nhưng đêm hôm mờ mờ không thể nhìn thấy những cánh hoa quá nhỏ, tấm chăn kêu loạt xoạt, nàng không thể nào nhắm mắt được nữa, gió làm hai mắt nàng cay xé, nàng tự cảm thấy mình như một cái cây trong cơn mưa rũ rượi, mỗi một phút cùng một lúc nàng muốn bay lên, nhẹ nhàng như một chiếc lá. Đi cây cối những ngày mưa phiền muộn rét mướt nặng nề những nước ướt xối, cánh tay nàng kề sát bên mình, trời đâu có mưa, những vì sao trời lênh bênh trên đỉnh núi. quay tròn trong những đám mây vần vũ, nàng đẩy mạnh sau lưng cho nàng bước lên thêm bếp, nàng mở cửa vào bếp thắp đèn kiểm ghế cho nàng ngồi, nàng bật diêm châm bếp lấy nước sôi pha trà, trong khi nàng ngồi trong chiếc ghế môi và má lạnh buốt, chàng uống từng giọt trà trên môi nàng, ngọn đèn cháy tỏa ánh sáng trên nàng, chàng quỳ bên gối nàng ôm ấp hai đùi nàng khép

vấn

chặt, nàng cọ má trên mặt tấm chăn mềm bó sát trên ngực nàng,

thôi trở về phòng đi anh
em thối tắt đèn cho anh
anh đừng anh
đề anh đề ách trà lên đây cho ấm
bóng em.

Chàng hôn nàng hoài nàng không chịu nổi nữa, nàng
xuống kê miệng lên tóc chàng van xin,

thôi anh, em van anh mà

Nàng nhặt những bông kim ngân mắc trong tóc chàng, ngửi
chàng thơm nức mũi thơm của nàng, chiếc đèn treo trên cao
chàng không chịu buông nàng ra, nàng phải đứng thẳng dậy
vặn nút bắc cho đèn tắt, nàng vươn mình và mặc cho chàng
vuốt ve, nàng gỡ chàng ra nhẹ nhàng, cuộn lại tấm chăn, vị
đắng chát trên lưỡi, bây giờ đến lần nàng đỡ chàng đi, mở
mở cửa bước ra ngoài thềm, tiếng chân nàng va trên thềm
chàng bế nàng lên tay, nhưng nàng đòi đứng xuống
nàng muốn khóc thật sự, những cây mầu đơn lá tả ngọn
trên má nàng lúc nàng chấp choàng bước xuống sân, hơi
già nhiều, cây ngọc lan đỏ cái bóng ủ rũ xuống tận chỗ
đứng, ánh sao không đủ sáng làm cho những đám sương
thành xanh biếc, nàng không thể biết được chính những
lá gió thổi làm lọt ánh sáng xuống những bóng cây hay
chỉ là những đám sương bay qua, nàng vùng khỏi tay chàng
chạy thật nhanh vô phòng,

Thủy

Tiếng chàng gọi sẽ tạt trong gió, mỗi bước chân nàng
đều hằn sâu xuống mặt đất ẩm, nàng cố sức chạy mau hơn
phương chân nàng như bị trút sâu xuống mãi, nàng loạng
loạng đề rớt tấm chăn xuống đất nhưng nàng cứ tiếp tục
chạy, chàng nhặt tấm chăn chạy theo nàng và chàng lấy
lúc nàng tới bên mấy bậc thềm gỗ, nàng oà khóc vì rét
quá, chàng đã làm khổ nàng, nàng tức tưởi nghĩ vậy, nhưng
cũng biết thừa không phải như vậy, và vì thế nước mắt
cứ ứa ra mãi, chàng ghi xiết nàng trong tay thì thăm
thăm tai nàng,

em làm sao thế

anh

thôi đi về ngủ

Nàng vẫn khóc mũi mũi bước theo chàng, nhưng chỉ về
cửa phòng là cái tạnh đã làm cho nước mắt nàng khô ráo
đi, chàng đặt nàng xuống giường, phủ lên nàng như một
cây nặng nề, rồi chàng lại làm cho nàng ướt đầm như
mưa, sau, đó nàng ngủ thiếp đi, nàng thức dậy rất
sớm, ăn bữa ăn sáng trong phòng, bỏ bữa cơm trưa, nàng ngủ
thức dậy mệt nhọc, nàng muốn ngồi dậy đi tìm chàng
phòng đọc sách, dưới vườn hay ngoài nương trà, nhưng
vừa nghe thấy một tiếng chim kêu và đêm bắt đầu buông
đóng ngoài cửa sổ thế nào chàng cũng sắp trở vào với nàng
hồn hèn ngồi lên...

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

PHAN LẠC TIẾP

rừng bên kia sông

Hòa ngồi bên cửa sổ. Gió thổi từng đợt vào mặt nắng lạnh giá. Những mảnh cỏ cao, xanh ngắt mọc trong giữa lớp rêu kẽm gai, rạt xuống từng đợt như sóng. Phía ngoài là cồn cát. Một con lạch nhỏ sáng trắng chảy vòng vào phân cách bên này đến, và bên kia là rừng phi lao. Từng giải mây dài lơ lửng thướt vương mắc tận trên đỉnh trời. Nắng hong vàng lã lã đãng. Tất cả đều im vắng. Chỉ có tiếng gió cuốn hút từ phía rừng vọng lại.

Đạm đã ra đi từ sớm khi Hòa còn say ngủ. Nhìn lại căn phòng trống, đôi dép của Đạm để dưới chân ghế, khiến Hòa cảm thấy vừa cô đơn, vừa bất nhẫn với chồng. Hòa nhìn quanh. Màu biền biếc, im lìm. Những cánh bướm câu lác đác ngoài xa. Chẳng còn gì hết. Cả con tàu Bệnh viện hạm cũng đã nhổ neo đi trả lại cái vắng lặng của một duyên đoàn heo hút. Không biết con tàu ấy giờ đã đến đâu. Sự ồn ào, vui nhộn của đoàn tâm lý chiến mang đến ào ạt như một cơn mưa. Những bộ mặt của Saigon, nụ cười Saigon, giọng nói của bằng hữu, tiếng hát, ánh đèn, những chuỗi cười bất ngát trong đêm liên

xuân kỷ dậu

hoan..., tất cả như còn vang vọng đâu, về đây trong trí nhớ của Hòa. Và Khải. Đứng rồi Khải đó, anh Khải của chị Dung. Phải rồi giữa đám đoàn viên của duyên đoàn. Tiếng nói của Khải như trải rộng ra, vừa đủ ôm ấp những người ngồi bao quanh... Vẫn giọng đầm ấm đó, nụ cười đó cách đây 8 năm về trước anh Khải đã nói với chị Dung... Khi ấy thì Hòa còn bé quá. Hòa đã nhìn nụ cười của chị Dung e ấp ngượng ngùng. Bây giờ anh Khải vẫn như hồi đó, có phần điềm đạm hơn đôi chút, nhưng không kém đầm ấm thiết tha trong tiếng nói. Nhưng Hòa thì khác. Hòa đã lớn. Hòa đã có chồng và anh Khải không thể nhận ra. Khi buổi liên hoan chấm dứt, trời đã khuya, lạnh gắt, Khải ngồi lại ở ngoài hàng hiên nói chuyện với sĩ quan tình bằng hữu. Hòa có ngồi tham dự. Cả mấy cô ca sĩ cùng ngồi đó. Đêm đã khuya lắm, nhưng câu chuyện mỗi lúc mỗi đậm đà. Trung úy Tâm có khen cô ca sĩ hát thật hay, hay lắm, nhưng cô hát chưa đủ. Ông muốn cô ta hát một bài nào đó về miền Trung. Cô ca sĩ cúi xuống e thẹn, nhưng rồi cô cũng hát. Tiếng hát nhỏ mọt mọt theo tiếng đàn điện đơn độc, nhưng thật hay. Mọi người ngồi nghe trong sự thương ngoạn đích thực và rất bạn bè. Có lúc tiếng hát bị chìm lấp bởi tiếng gió thổi. Hòa bỗng thấy mình như bị khóa lấp trong sự im lặng lắng nghe, và tâm hồn như lắng đọng theo lời hát. Tiếng hát thực buồn ở những cuối câu, khi ngân vang chìm xuống. Mọi người vỗ tay nhẹ nhẹ sau khi cô dứt tiếng. Khi ấy anh Khải ngồi ở đầu bàn đôi mắt như mờ đi sau làn kính trắng. Điều thuốc cháy từng đợt, khói tỏa mung lung. Hòa thấy anh Khải như vừa xa, vừa

gần. Hòa muốn được kêu lên vừa đề anh Khải nghe : anh Khải anh có nhận ra em không..., anh có còn nhớ tới đứa bé tên Hòa cách đây 8 năm về trước không... Nhưng Hòa vẫn ngồi im. Tiếng nói trong ý định như còn văng vẳng trong không gian mờ nhòa huyền hoặc. Khải cúi xuống, dụi tàn thuốc lên chiếc vỏ đạn để trên bàn, rồi chậm rãi nói :... Tôi thật tiếc không lưu lại đây lâu được với anh em. Khi đến thì đột ngột, bỏ ngõ, nhưng khi sắp đi bao giờ cũng bùi ngùi. Đó là điều buồn cho chúng ta, nhưng có lẽ cũng là phần thưởng thật quý cho chúng tôi, cho đoàn Tâm lý chiến của chúng tôi. ... Khải vẫn êm đềm nói. Tiếng nói vừa đủ nghe, nhưng thật rành rọt và quyến luyến vô hạn. Khi anh vừa nói thì Trung úy Tâm tiếp lời: Anh Khải à. Ở đây không còn là công tác nữa, mà chỉ còn là bè bạn. Anh là đàn anh của tụi tôi, anh đến đây tụi tôi mừng lắm. Bỏ ra ngoài biết mọi chuyện, tôi muốn được từ lúc này cho tới lúc tàu nhỏ neo, chúng ta phải uống với nhau cho đã. Phải say, say là ngủ, rồi anh cho tụi tôi nghe giọng ngâm thơ của anh... Tâm nói đến đó thì mọi người vỗ tay, và kêu lên hay lắm hay lắm... Nhưng Khải vẫn ngồi im. Anh nghiêng đầu, dụi tàn thuốc, một hồi lâu mới ngẩng lên, lấy tay đỡ làn kính trắng, anh nói trong nửa nụ cười... Tôi đến đây mang theo một số anh em nghệ sĩ, riêng tôi thì không phải là nghệ sĩ. Tôi là một người chỉ huy, tôi không bao giờ là một người trịnh diện... Anh nói tới đó thì ngừng lại, không khí tưởng như sắp được cởi mở vui tươi, bỗng như tắt lại, ngột ngạt. Nhưng trên môi Khải, anh vẫn giữ nửa nụ cười

Rồi anh tiếp... Tôi đã không còn ngâm thơ từ cách đây lâu lắm. Từ ngày rời khỏi quân trường đổi đi một đơn vị ngoài hải đảo nên xin anh em đừng bắt tôi làm công việc đó ở đây. Hơn nữa trong chuyến đi này tôi có một điều khó nói, một việc riêng mà lẽ ra tôi không muốn nói với ai... Mọi người như đã dần hiểu, và bỗng như cuốn hút vào tâm sự của anh. Anh, tiếp.. tôi xin được dấu tên và địa điểm của sự việc trên..., đó là nơi mà tôi đã gặp lại một người đàn bà, vâng một người đàn bà, mà cách đây có tới gần 10 năm tôi không hề gặp lại. Anh cúi đầu, rồi tiếp ngay: Tôi phải nói lại cho đúng, tôi mới gặp lại khuôn mặt hết như khuôn mặt mà cách đây đã lâu tưởng như đã mờ nhòa quên lãng, khuôn mặt y hệt, nhưng tất nhiên không phải người xưa, với cương vị của tôi hiện tại, với những dữ kiện rất dễ hiểu lắm, tôi đã không dám tìm cách xác định xem sự tương đồng giữa hai khuôn mặt ấy có liên quan gì với nhau không. Tôi đã không giám làm công việc đó và có lẽ cũng không bao giờ tôi làm công việc đó. Cũng bởi thế tất cả đã làm tôi có đôi chút bàng hoàng, bỏ ngõ. Có lẽ còn hơn thế nữa, tất cả đã gọi lại cho tôi thật nhiều điều, thật nhiều hình ảnh, cả một quãng thời gian xa mà tôi đã sống... cho nên tôi đã thực sự chìm ngập trong những tình cảm vừa như tội lỗi, vừa như êm ả thiết tha..., Hòa ngồi lắng nghe. Hòa tin rằng như thế Khải đã nhận ra Hòa. Nhưng giọng nói của Khải lơ đãng cuốn hút tưởng như đó là một chuyện xa lạ hẳn với Hòa. Hòa lấy đầu que diêm đã cháy vạch bằng quơ trên mặt bàn. Tiếng nói của Khải vẫn êm đềm trôi. Đêm xuống nặng thêm.. Đôi mắt của Khải thấp thoáng trong làn

kính trắng, Hòa thoáng nhìn và tưởng mình là chị Dung. Hòa muốn nhìn thẳng vào đôi mắt ấy. Hòa muốn nói : anh Khải ơi, em đã buồn khổ đến chừng nào. Biết bao lâu chờ đợi em đã khóc một mình trong những đêm thâu. Em muốn gặp anh, dù chỉ một lần để được nói với anh một vài điều. Nhưng Hòa vẫn ngồi im. Khải úp hai bàn tay, xòe rộng ngón trên bàn, rồi nói : thôi, chúng ta nên chấm dứt ở đây... Tôi phải tiếp tục phần phát thanh chiều hồi đêm nay. Hòa tỉnh giấc sau một giấc ngủ ngắn đầy mộng mị. Bên ngoài vắng lặng có lẽ đã gần sáng. Ánh trăng chiếu qua cửa sổ, in thấp thoáng bóng cành dương đu đưa trên một góc tường. Hòa xòe tay lên mặt nệm. Một cảm giác êm mát, và trống không trên phần giường của Đạm Hòa kéo chắn lên kín ngực hơi ấm áp ủ toàn thân. Ấp tai trên nền gối. Hòa lắng nghe... Có tiếng đàn độc huyền từ nơi nào xa vọng lại tiếng đàn thấp thoáng mỗi lúc mỗi gần, dội lại từng đợt. Sau đó là tiếng nói êm êm đầy tha thiết của người đàn bà... Hòa lắng nghe và sức nhớ ra đó là chính tiếng nói của Hòa. Anh Khiết đã nhờ Hòa đọc vào cuốn băng ban chiều trong chương trình chiều hồi của anh. Khi thu thiết vất vả. Xóa đi xóa lại. Nhưng bây giờ nghe lại, từng đoạn cách quãng với một điệp khúc đàn buồn, Hòa nghe như tiếng nói đó không phải là của Hòa. Tiếng nói như phát xuất trong giữa từng gió thoảng chạy lướt thướt trong hàng phi lao, ném vút xa vào thính không mờ mịt. Tiếng nói mỗi lúc mỗi gần hơn. Hòa lắng nghe từng tiếng, từng đoạn, và bỗng thấy xót xa vô ngần. Đêm càng vắng, tiếng nói càng như những mũi nhọn đâm xoáy vào khoảng không. Cả những lúc im lặng, tiếng

nói đó như còn lướt thướt ngân vang. Hòa thấy như một người nào trên thính không đang nói với nàng, với hoàn cảnh cô đơn của nàng. Tiếng nói lại nổi lên xa dần, lúc mất lúc còn. Hòa ân hận đã làm công việc này. Rồi chính lời nói muốn mang vào vùng bên kia, kêu gọi những cán binh địch trở về đoàn tụ với gia đình...

Hòa đã nghĩ tới sự cô đơn của những người vợ trẻ, con thơ, mẹ già mong đợi.... Ruộng vườn bỏ hoang... Sự tang thương, tàn nhẫn vì chiến trận... Hòa đã xúc động thực sự. Hòa đã khóc ở những phần cuối của những bài nói ấy. Và anh Khải đã tần ngần, lắng nghe lời nói của Hòa. Khi thu xong, Khải đã mừng vui và nói: hay quá... thật vô cùng xúc động... Bây giờ chính những lời thiết tha ấy, giọng nói pha nước mắt ấy đang bao trùm lấy Hòa, và Hòa đã khóc như chị Dung cũng đã khóc. Vì quanh Hòa, quanh chị Dung và rất nhiều những người như Hòa, như Dung trong đất nước này chắc cũng đã khóc vì chờ đợi, vì cô đơn và tang tóc... Tiếng nói xa nữa và tắt ngấm trong đêm trăng huyền hoặc. Hòa thấy anh Khải làm công việc này thật tế nhị, nhưng cũng thật khó khăn. Khó khăn trên chính bản thân mình. Hòa nhớ lại, nhớ lại như in những lần anh Khải cúi xuống, xòe bàn tay sạm nắng lên mặt bàn. Mỗi căn vào nhau rồi khẽ nói ... cuộc chiến thật buồn. Chúng ta chìm đắm trong sự đau buồn đó từ hơn hai mươi năm qua ... ngôn ngữ của chúng ta hầu như chẳng còn hiệu lực. Người bên này và bên kia cùng nói chung một danh từ nhưng nhiều khi hiểu khác hẳn nhau ... tôi nghĩ không biết có cách gì làm chúng ta hiểu được đích thực ý muốn của chúng ta ... Hận

thù mỗi ngày mỗi làm chúng ta xa cách ... Có lẽ chỉ còn có tiếng khóc ...; tiếng khóc của đố nát, của người mẹ khóc con, của vợ khóc chồng ... Có lẽ chỉ có tiếng khóc là có thực đang bao trùm lên khắp đất nước chúng ta ...

Đêm càng vắng Hòa càng cảm thấy cô đơn, Nước mắt Hòa chảy dài thấm qua làn tóc mai lạnh giá ... Vắng có lẽ chỉ còn có tiếng khóc là có thực. Hòa đã khóc vì khiếp đảm khi máy bay sà trên đầu và đạn xuống giòng người tị nạn Hòa mới lên năm tuổi... Hòa đã nhìn thấy người chết vì chiến tranh trước khi nhìn thấy sách vở ở nhà trường... Và mới đây, mới mấy tuần qua, cũng tại duyên đoàn này, Hòa lại phải chứng kiến sự khiếp hãi và đau buồn nữa Tiếng đạn rít trên thỉnh thoảng, ánh sáng xanh lóa mắt và tiếng nổ kinh hoàng làm Hòa ngất xỉu... Khi tỉnh dậy, Hòa nằm trong vòng tay của Đạm.. Đạm nói có sao không, có sao không. Rồi sau đó nhìn sang bên khu gia binh, tất cả chỉ còn là một đồng tro than. Chị vợ anh tuần viên ôm một bọc than cháy xém, nhìn kỹ đó là thi hài đứa con nhỏ của chị. Chị ngồi nhìn xác con tần ngần không còn nước mắt. Mặt chị tái xanh... Và bên ngoài hàng rào, những thân người nằm vắt trên hàng kẽm gai... Tất cả cứ đảo lộn quay cuồng trong trí nhớ của Hòa. Hòa muốn hét lên, muốn bật khóc, muốn bám víu vào vai một người thân như Đạm, như mẹ, như chị Dung..., nhưng tất cả đều im vắng. Hòa mở mắt, nhìn màn đêm thăm thẳm màu đêm. Mặt nệm trắng nhờ nhờ mênh mông. Hòa cắn môi và khóc trong cồ hống. Nước mắt chảy mặn chát hòa bên gối của Hòa. Hòa muốn đốt đèn lên, muốn ngồi nhìn ra ngoài bla rừng, nhìn ra vùng biển, nhưng Hòa không dám.

Phần vì sợ, phần vì có lệnh cấm không được đốt đèn, sợ bị lộ mục tiêu. Hòa đành co mình, phủ kín trong chăn. Một hồi lâu sau đó, tiếng nói của Hòa, tiếng nói như từ lưng chừng trời, hay trong giữa niềm mênh mông trong trí nhớ của Hòa lại vang lên êm ả... các bạn hãy trở về... các bạn hãy trở về chúng ta hãy cùng nhau làm lại tất cả... Hòa muốn thêm, Đạm ơi, anh hãy trở về, anh Mười ơi, anh hãy trở về... Chị Dung, chị cũng hãy trở về nếu chị còn sống. Em mong chị còn sống... Chúng ta sẽ làm lại từ đầu. Mẹ sẽ mừng biết bao nhiều nếu chúng ta cùng về. Chắc mẹ cũng sẽ khóc vì sung sướng. Chúng ta cũng sẽ khóc, khóc một lần chót để từ giã những chia ly, đau khổ. Và lúc đó Hòa sẽ có con. Có lẽ Hòa sẽ cùng Đạm tìm một việc vào đó ở miền này. Những buổi chiều Hòa sẽ dẫn con đi trên triền cát dưới hàng phi lao. Đạm sẽ mắc võng nằm giữa hai thân cây. Anh sẽ đọc sách hay nhìn vãn vợ ra ngoài khơi mà nhớ những ngày lành lành cũ.

Nghĩ thế và Hòa thiếp đi với rất nhiều ao ước.

Mặt trời đã hiện lên ở chân trời, tỏa nắng rực rỡ. Mặt biển ánh hồng như mạ vàng. Nắng lao xao trên những đợt sóng. Con tàu neo ở ngoài xa đen thẫm. Đoàn văn nghệ đang lục đục xuống ghe để ra ngoài chiến hạm, Từ núi cát, mấy ông trung sĩ đang đôn đốc khiêng máy điện lên ghe. Mấy cô ca sĩ đứng trên mỏm đá, đội nón rộng vành, đang nheo mắt nhìn ra biển nắng. Khái đứng mãi trên bờ đất cao. Nhắm đếm lại

Lắm khi ngoài cả ý hướng của kẻ giết người, khí cụ giết người vẫn cứ rơi vào đầu những sinh linh vô tội. Anh đừng tin rằng với mọi bảo đảm và thận trọng, anh chắc chắn giữ được sinh mạng anh cho tới ngày mai. Hẳn có được nài có là vị thành niên để được ở hậu cứ sản xuất dầu? Trên những thực tại xã hội đó, thêm vào những lý do siêu hình khác, các đạo đức gia cũng đã thấy truất hữu mất nhiều lý do đề mà lên án « quyền tự sát ». Trong khía cạnh này, sự ngợi ca thân xác của mấy triết gia hiện sinh Tây phương lại có thể mang thêm một ý nghĩa là phản ứng chống lại áp bức xã hội hoặc di riều cột sự bại hoại của tinh thần mặc dầu chẳng phải là sự « ngợi ca đời sống » của những thế kỷ trước.

Những truất hữu tinh thần thật là khó lòng mà thuật lại cho hết. Đã có một thời dài, đa số người ta sống không lý tưởng. Vài lần bừng sáng lý tưởng cũng bị dập tắt mau lẹ vì hoàn cảnh bên ngoài hoặc vì thiếu ý chí bên trong. Chẳng cứ ở đây, nhiều ý thức hệ phá sản hay lâm vào ngõ bí khi đụng đầu với thực tế. Chủ nghĩa xét lại vừa là một sự khôn ngoan thực tế vừa chuẩn nhận sự thất bại của một ý thức hệ hằng được tôn thờ trong quá khứ. Đây là một phân hóa hằn hoi và mâu thuẫn kịch liệt trong phe xã hội chủ nghĩa. Cuối cùng, chân lý con người còn đó và người ta không thể làm ngơ được nó quá một thời gian nào nếu không muốn phát động xung kích tích của con người chống chế độ. Chỉ cần hai mức độ tiến hóa khác nhau của cùng một đường lối, một lập

trường, một chủ nghĩa là đủ tạo xung đột rồi. Trước hiện tượng đó, người ta nhìn thấy dễ dàng sự bế tắc của một lớp người ở nước ta, đề rồi chiến tranh cách mạng biến thành cảnh « đâm lao thì phải theo lao ».

Ở một bình diện thấp hơn, người ta thấy chỗ thì gia công kiểm soát những tư tưởng thâm kín của con người, nói thì kìm hãm, xuyên tạc, chia rẽ, mua chuộc tinh thần của con người và thế là tư tưởng triết học và chính trị vốn đã nghèo nàn lại càng thêm khô cạn. Có phải dễ dàng đâu khi có một tư tưởng chân thành nhất muốn đem ra phát biểu hay thực hiện? Người ta vấp phải sự nghi ngờ hay đố kỵ của những người gọi là đồng ngũ, người ta đụng độ với sự phê bình ác ý của kẻ khác, người ta có thể bị liên lụy nặng nề. Đã không có một ý thức hệ từ tập thể đến đề mà phê phán hay phụng thờ, con người nhất là thanh niên lại không có cơ hội đề mà suy nghĩ lấy một mình một cách sâu xa và ngay thật. Lâu nay, người ta mất luôn cả tập quán suy tư đề rồi bị truất hữu cả khả năng tư tưởng.

Bản thân con người bị truất hữu là như thế. Những tương quan xã hội cũng ít được kết hợp một cách thỏa đáng đề mà sở hữu hóa con người. Nhiều người phản nản một cách chủ quan nhưng cũng chính đáng rằng họ chẳng còn có một mẫu rẽ gia-đình, môi trường xã hội và cả quê hương nữa. Chỗ thì người ta tìm cách hủy diệt gia đình một cách triệt để ngay từ trong ý thức, xua đuổi con người ra một môi trường rộng lớn hơn đề rồi con người lại thấy lưu vong ngay trong môi trường đó —

Con tàu đã quay mũi vào hải đảo. Vệt nước trắng xóa kéo theo sau.

Khải còn đứng trên đài chỉ huy, dõi mắt về phía bờ mờ mịt, trắng lấp loáng với làn nước phản chiếu ánh mặt trời. Trong khoảng không mờ mịt đó, Khải còn nhìn theo mãi. Ở đó có khuôn mặt buồn của Hòa, và tiếng nói của nàng như còn vang vọng đầy trong không gian. Các anh, các anh hãy trở về! Tất cả hãy trở về.

PHAN LẠC TIẾP

SƠ DẠ HƯƠNG

hồi bắt đầu đi làm

Ba xuyên, khoảng thời gian viếng thăm thành phố hồi bắt đầu đi làm, những năm tập sự đầu tiên của cuộc đời một gã chuyên viên kỹ thuật làm việc ngày hai buổi tại một ty Trung Ương cơ xưởng chuyên lo sửa chữa, tu bổ những máy móc và đồ dùng kỹ thuật bị hư hỏng từ các nơi gửi về, lâu lâu, tùy theo nhu cầu công vụ, được biệt phái đi các đài địa phương để giúp đỡ mấy người trưởng đài (thường chỉ là những hiệu trưởng viên, chỉ biết sử dụng nhưng không biết và cũng không có phận sự phải lo sửa chữa máy móc) về một vài trò ngại kỹ thuật cần phải điều chỉnh cấp tốc tại chỗ để tránh những chậm trễ có thể tạo nên những phiền nhiễu những khiên trách, những trò ngại có tính cách chuyên môn đại loại như là máy nhận tin bằng nhiên yếu, rơ, nhiễu nhiễu loạn, khi nghe được khi không hoặc là máy phát tin cháy, phát nổ, ngừng phát tín hiệu v.v... tất cả những rắc rối tương tự như vậy thường chỉ mất một, hai ngày làm, do đó thời gian trừ tính cho mỗi chuyến đi thường trong khoảng trên dưới mười ngày, nhiều lắm tới nửa tháng, trừ những ngày vừa mới tới bắt tay ngay vào công việc tìm kiếm, sửa chữa, những ngày còn lại của chuyến đi

được dùng vào công chuyện viếng thăm, tìm hiểu thành vật có hạn kỳ, cuối cùng chỉ còn nhớ mơ hồ về những thành phố đã một hai lần ghé qua, một vài ngày ở lại đó những nỗi nhớ mơ hồ về một lần đầu tiên trong đời, về một bài học đầu tiên (những tiếp xúc, đụng chạm và sau cùng là sự khám phá chiếm đoạt thân thể một người khác phái, ở đâu, bao giờ, trong một trường hợp như thế nào, những tò mò, thắc mắc, những tưởng tượng lần đầu tiên có được một giải đáp tương đối thỏa đáng) hay những chi tiết vụn vặt không liên quan, không ăn nhập vào đâu cả về một hình thể, địa thế, vị trí của mỗi thành phố (hình như) cách kiến trúc phẳng phất giống nhau, khu trung tâm thành phố thường gồm có một tòa hành chánh, một chợ nhỏ được vây bọc bởi một vài khách sạn chật, một vài quán nước tiệm cà phê hủ tiếu, quán bi da, banh bần, những buổi sáng thứ hai tất cả, mọi người đều phải đứng dậy để chào cờ theo lệnh của những chiếc loa phóng thanh được đặt ở những nơi công cộng (thành phố lúc đó có một bộ mặt trang nghiêm tức cười, những thực khách đang dùng điểm tâm vội vã đứng dậy miệng vẫn còn mẩu bánh mì, chưa nuốt kịp dáng lúng túng của mấy bà già nghênh ngang chưa hiểu chuyện gì đang xảy ra...), tiếng hát vọng cổ khoảng chập tối hay trong khi chập chờn ngũ phố—một thành phố không có gì đáng nhớ, (khi cố gắng muốn nhớ lại) có một người trưởng đài khờ người loắt choắt nhưng tánh tình thật niềm nở, lịch sự, đã lập gia đình, trong những lúc ăn cơm vừa xong hay những khi rảnh rang công chuyện, người chồng (người trưởng đài) ra kể cho khách nghe về quãng đời đã qua của ông, (những năm còn trẻ, những năm

phiêu lưu giang hồ, những mơ ước những tham vọng hồi đó, những năm phục vụ trong quân đội viễn chinh Pháp, lý do giải ngũ, nguyên nhân tại sao lấy vợ, những mơ ước còn sót lại...) hỏi khách tốt nghiệp đã lâu chưa, hồi còn ở ngoài Bắc quê hương thuộc vùng nào, khi đã gần hết câu chuyện đề nói hay đề hỏi, như sức nhớ tới hiện tại, ông khuyên khách đừng nên thuê phòng ngủ tốn tiền, đừng nên đi chơi quá xa vượt ra ngoài phạm vi an ninh châu thành, cười cười nói đùa khi thấy người vợ ít nói đứng cùng lũ con—lui vào nhà trong, ở đây chỉ có những cô Mai Liên, phải nghỉ một lúc lâu khách mới hiểu chủ nhà định nói tới những cô gái nước da ngăm đen của vùng này.

Hết hai năm tập sự, được đòi sang làm tại một đài chuyên duy trì những đường dây liên lạc viễn ký, viễn ảnh và vô tuyến điện thoại giữa Saigon và một số thủ đô các nước, không còn có dịp ra khỏi Saigon, quên dần những chuyến đi xa, những cuộc phiêu lưu được âm thanh của một cây đàn tây ban cầm phụ họa, từ một đám đông tụ tập trong một quán cà phê ở phía trước mặt khách sạn theo gió lọt vào căn phòng ngủ nghe như những thở than tình tự của một linh hồn tình nhỏ, như một lời từ biệt chưa kịp nói của cô gái lúc nãy vội vàng rời khỏi căn phòng, chân đi đất không gây nên một tiếng động, nàng đã lén lút tới, im lặng đồng tình chịu đựng rồi lén lút đi khỏi giống như con mèo đen không biết tới nằm trên thành cửa sổ từ lúc nào, mắt xanh biếc trong đêm tối, tiếng nước nhỏ từng giọt đều đặn ở phòng tắm kề bên hình như một người khách đã vô ý không vặn chặt vòi nước,

tiếng còi xe hàng đánh thức giấc ngủ khoảng ban mai, đánh thức luôn cả mùi ẩm mốc của căn phòng, hình như toát ra từ bốn căn tường loang lổ, từ chiếc nệm giường mục nát, vẻ tiêu tụy của căn phòng thường gây nên một nỗi trắc ẩn vô duyên cớ, một cảm giác bức bối, buồn bã không đầu ...

Trở lại Ba Xuyên khi được tin đứa em trai chết. Từ trận.

Gia đình gồm bốn anh chị em tất cả, một chị, ba anh em trai. Bố làm nghề dạy học. Ông là hiệu trưởng trường tiểu học năm Pháp thuộc và hồi đầu 1945. Nơi sinh của bốn anh em đều khác nhau bởi vì nghề nghiệp của bố không cố định ở một nơi nào. Đứa em trai tử trận sinh tại Gia Khánh, Ninh Bình. Nơi tử trận của nó: một quãng sông nào đó thuộc địa phận xã Trường Khánh, tỉnh Ba Xuyên. Trong báo cáo một quân nhân (CLQ/BP) tử trận (chết) do bộ chỉ huy tiểu đoàn... ngày 23 tháng 11 ghi rõ:

Họ và tên:

Cấp bậc: Chuẩn úy. (CLQ)

Số quân:

Chức vụ: Trung đội trưởng.

Ngày và nơi sanh: Gia Khánh (Ninh Bình) năm 1942.

Tên cha : ... (Chết)

Tên mẹ :

Gia cảnh : Độc thân.

Ngày chết : 23 tháng 11 năm 1967.

Trường hợp chết: Trong cuộc hành quân... [chạm súng với địch xã Trường Khánh, quận Long Phú, tỉnh Ba Xuyên,

bị trúng đạn, tử thương lúc 10 giờ.

Ngày và nơi mai táng: Được thân nhân xin thi hài về mai táng tại nghĩa trang Quân đội, Sài Gòn, ngày 25-11-1967.

Địa chỉ cấp báo thân nhân :...

KBC ngày 23-11-1967.

Đại úy...

Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn.

(Gia Khánh. Trường Khánh, Có thể có tình cờ giữa hai tên gọi hai đại danh, một ở miền Bắc, một ở miền Nam, có thể có một mối liên lạc, không thể nào giải thích nổi giữa hai địa danh, hai ký hiệu gần như vô nghĩa nhưng lại liên quan đến định mệnh của một con người ? Có thể như vậy không, hai đại danh như hai dấu báo của một định mệnh ?...)

Bố mất tích đúng ngày ba mươi tết năm 1945, năm bắt đầu của tất cả những biến động. Khi đó ông đang làm hiệu trưởng trường tiểu học Việt Trì, một quận lỵ ở bên kia ngã ba Hạc thuộc sông Hồng hà, bên này sông là nơi ông sinh ra, lớn lên, học tiểu học trường làng rồi sang học trung học bên kia bờ sông, sau đó thi vô trường sư phạm, tốt nghiệp được bổ đi làm giáo học, dạy học ở nhiều nơi, nơi sau cùng là Việt Trì. Những mẫu chuyện dính dáng đến sự mất tích của bố hồi đó thật nhiều. Thoạt đầu ông bị nhóm người chiếm giữ quận lỵ hồi đó bắt giam không chịu theo phe chúng. Người chỉ huy cuộc bắt bớ này lại là một học trò cũ của ông. Cuối cùng nhóm người chiếm giữ quận lỵ không chống cự nổi với lực lượng tiến đánh của Việt Minh và bỏ chạy, Bố mất tích từ ngày đó. Sau này người thì nói ông được giải thoát và

theo bạn hữu qua Tàu theo kháng chiến chống Pháp, người thì nói ông bị chính người học trò cũ của ông thủ tiêu bằng cách cột đá vào người rồi đem thả xuống sông. Bốn anh em và một người mẹ bắt đầu sống chuỗi ngày khổ cực kể từ ngày bỏ mất tích đó. Ba mươi tết năm 1945, Năm thứ nhất của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

SƠ DẠ HƯƠNG

NGUYỄN THỊ HOÀNG

đốt hứa

Cột khói xám bông bành thẳng góc với chân trời ngoài khung cửa sổ rộng lại nhắc nhở những ngày cuối năm ngập ngừng và băn khoăn. Hình dáng lom khom của mấy ông cha quanh đồng rác cao ngập đầu điềm từng chấm đen li ti linh động lên vòm mây trắng và mỏng tản mát theo chiều gió cuốn. Mùi thơm của giấy, cỏ khô và đồ đạc cũ, diêm bào bị đốt cháy trộn lẫn xông khắp không khí lắng tĩnh đợi chờ. Tôi vừa sợ vừa thích mùi thơm đó. Mỗi năm chỉ một lần. Và mỗi một lần cột khói nhóm lên, mỗi một lần tôi lại nhắc tôi kỳ hạn của một quyết định cuối cùng, bỏ đi hay ở lại. Cột khói cũng cay sâu trong trí tôi hình ảnh bập bùng của những ngày xuân rộn rã đời sống dưới kia, nơi gần đến nhắc chân mở bung cánh cửa sổ sau của căn phòng là có thể nhìn ngó thấy, có thể mỉm cười với, có thể vẫy tay chào, nhưng cũng xa đến nỗi có đi trăm dặm hia thần cũng chẳng bao giờ tới nơi.

Bây giờ là năm thứ mấy. Thứ hai hay thứ ba. Tôi vẫn thông xóa mờ được ám ảnh của những vầng hồng sóng

sánh của phản chiếu bình minh vọng lên từ khung cửa sổ sau, khung cửa sổ đời sống, và vẫn không dứt hẳn ý nghĩ mơ hồ mình chỉ là người khách lữ đường ghé qua ngọn đồi tạm nghỉ một thời gian, thời gian vay mượn trước khi tìm được một con đường nào đó. Quan hệ gì những cái một tháng năm. Nhưng mà nhắm mắt, nhắm mắt hay đóng kín các cửa phòng vẫn còn nghe và nhìn thấy, bước chân xôn xao của bọn học trò nội trú bên Viện Thần Học nao nức đi xuống triền dốc thoải thoải của ngọn đồi cỏ non để trở về nhà, mang theo những bài học buồn rầu, những bữa ăn đạm bạc, những mẫu chuyện rạc rời lạnh lẽo trong khung giờ quanh năm đóng giá tháng ngày khô hạn. Chúng nó cũng mang theo những mẫu chuyện nghịch ngợm kể lén cho nhau thường tạt đến phòng tôi nhờ một ngọn gió tinh cò nào, khuấy động tất cả giác quan tôi và đánh rơi trong tay tôi những quyền kinh dày ẩm mốc. Chúng nó cũng mang về dưới đó tất cả những niềm nao nức nóng bỏng tôi âm thầm nhả gỏi theo cùng. Và còn nữa. Giờ dưới những ghềnh đá tím thoải thoải bên bờ sông đánh, những đợt nho xanh uốn éo vươn lên ngo ngắc giữa những chú cỏ non ào ụt cũng tìm đường hút thở khí trời, vươn lên khỏi các kẽ ngách xanh rêu của ghềnh đá. Cái cuống tím hồng nhạt và yếu của cây nho, mảnh mai và dịu dàng như một thứ dây trang điểm kín đáo của đàn bà. Những trái xanh tròn nuốt và láng bóng màu cẩm thạch gợi nhớ hàng răng ngời sáng cắn sâu, rợn lên trên môi người mừng tượng thứ nước chua thơm ngát và lạnh ngắt đến rùng mình nghe lắng. Cái gì cũng nhắc nhở, đánh thức và

kêu gọi được tôi ra khỏi vùng âm u của kinh cầu, tiếng chuông và bóng tối, của trầm ngâm suy tưởng. Như những thân cây vàng nõn ấy vắt ngang khoảng sân cát trắng mịn màng trước sân trại mộc bây giờ chắc hẳn ngọn ngang và vắng ngắt vì mấy ông cha mê mãi xuống làng phân phát thức ăn cho người nghèo xóm lười. Tôi chỉ mê được cái trại mộc lúc vắng người, với những dụng cụ ngọn ngang đó đây, những đường mặt cửa màu nâu như thứ bột sữa rắc sẵn sù trên lối đi yên tĩnh, những dây diêm bào xoắn tròn, vàng và láng như những lọn tóc thanh quý của đàn bà mới uốn rớt rơi trên một phiến gỗ ngà, cạnh một đám cỏ xanh, lẫn lóc giữa vũng nước đỏ trong vạt soi thấy mây trời. Cái gì cũng là dấu hiệu. Đàn bà. Không. Không hẳn chỉ họ. Tôi nghĩ đến một người nào đó thôi, không hẳn thuộc về, giống nào. Một người đề xác nhận sự có mặt của mình ở đời sống hiện tại và đề mình kiểm điểm lại những bước đi trong đời sống đó, thế thôi. Một bóng hình nào đó, đừng xấu xí đến làm chán ngán, nhưng cũng đừng đẹp quá đề phải ngần ngại. Tôi muốn gì. Không muốn gì hết. Có thực không. Chẳng có gì chắc chắn. Nhưng trong chiêm bao thì lại khác. Tôi thường mơ thấy, những ngày cuối năm, từ đâu bay về một giải mây ngà. Giải mây thành chiếc khăn lụa thơm nức mùi nước hoa là đà bay xuống cổ tôi. Và khi đưa tay lên mân mê, chiếc khăn đã là cánh tay nuốt nà mát dịu vòng quanh hai vai mình chết ngất, rồi chỉ một thoáng xoay người nhẹ nhàng, cánh tay đã trở thành con rắn láng mượt vắt mình lên mặt tôi. Con rắn. Rắn nào, ở đây không bao giờ có

rắn, các ông cha phát bờ dẫy bụi hàng ngày quanh viện, và hàng cây ngăn cách vùng đời với nơi tĩnh mịch thâm u này cách xa cửa sổ phòng tôi đến hàng cây số. Cũng chẳng thoáng bóng đàn bà. Người ta cấm đàn bà vãng lai từ biên giới của tu viện. Nhưng thỉnh thoảng, như trên trời mở hội tung bưng và một bóng dáng lạc đường từ khoảng mây thưa nào rơi xuống, ngoay ngoắt sau bờ hoa tím của lối đi bên kia một cánh áo trắng mờ mờ. Cánh áo trắng và giải tóc đen.

Chỉ thế thôi. Không kịp thấy gì hơn nữa. Ông cha cùng phòng đã vội vàng đóng cửa sổ, liếc xéo về tôi ra dấu ngầm ngầm, đe dọa và khuyến cáo, rồi ngồi vào bàn, cuốn Kinh trước mặt lại mở ra. Tôi vẫn cười về cử chỉ lấp liếm trấn áp của ông ra. Nhưng cười cả tôi. Bởi mỗi lần như thế, tôi đoán chừng nhiệt độ nổi loạn nơi ông ta, và nhận ra, ở người bên cạnh cũng có một chất gì giống hệt mình. Chính cái chất tương hợp đó kéo tôi lại gần ông ta. Phòng tôi có hai cửa sổ và ba người. Mỗi cửa sổ mở xuống ghềnh đá bờ biển nơi sóng không bao giờ ngưng tiếng gọi kêu, một cửa sổ ở phía đối diện nhìn xuống con đường cát trắng quanh co giữa hai bờ dương liễu xanh thưa dẫn xuống xung ngựa xe đời thấp thoáng đi về. Một ông cha là tôi. Một ông cha là người dẫn đường lầm lầm thường vác kinh xuống phòng nguyện giảng cho các bà già của xóm lưới, ít khi có mặt trong phòng. Và ông cha ngồi kia. Ông ta còn trẻ, mập và hồng, vì thế mủm mủm dễ thương. Tôi khi tôi nhìn ông ta như nhìn con búp bê. Và muốn vuốt má. Đã có một lần như thế. Ông ta hoảng lên, chạy ra ngoài và đóng bật cửa phòng sau lưng. Tôi bị nhốt nửa ngày trong

phòng. Nằm nghĩ đến ông ta. Phải chi ông ta rắn rỏi và quyến rũ đôi chút trong con mắt nhìn. Ông ta không có gì cả, giản dị và thật thà, hai đức tính mà tôi ghét cay ghét đắng trong mọi thứ tính kỳ quái của con người. Tôi vẫn mong chờ ở ông ta một điều gì đó, và trong những lúc ngồi gần, tôi thử tần mần gợi chuyện, đánh thức ở ông ta một vài lao xao của người đời. Bởi vì tôi đang như thế và ích kỷ muốn có bạn đồng hành với tôi. Ông ta vùng vằng, gắt gỏng, và thường lên giọng chỉnh lại. Cái vệt khói đã đứt quãng thành những mảng xám rả rời theo chân mây. Những ông cha cũng tần mạt vào trong viện. Chỉ còn những tầng lửa than sáng rực trên mặt đất. Ông cha xấp cuốn kinh hỏi tôi nhìn gì dưới đó. Tôi trả lời, lửa. Ông ta nói, nhìn đâu cũng thấy lửa cả sao. Tôi cười, tại vì nơi nào cũng có lửa, vậy cha muốn tôi nhìn lửa ở cửa này hay lửa ở cửa kia. Ông ta âm ỉ như muốn nói điều gì. Tôi quay lại. Mặt ông ta lúng túng đỏ gay. Hình như ông ta định làm gì ở khung cửa, cho nên hết nhìn tôi lại nhìn ra khung cửa sổ mở xuống đời. Khi tôi đứng gần lại khung cửa, ông ta bất thần nhòm dậy và kêu lên. Nhưng không kịp. Tôi đã nhìn thấy. Bờ cây xanh hắt ra một khoảng trống từ bao giờ. Và từ khoảng trống, tôi nhìn thấy rõ, sao thế, nhìn thấy rõ khung cổng rộng có lính gác của cái đồn quận gì đó, với dãy nhà mái trắng, tường quét vôi vàng nhạt, với từng khung cửa nhỏ đóng kín hình vuông. Tự nhiên tim tôi đập loạn lên, trong trí những sợi dây nho màu tím, giải khăn quàng trắng của chiêm bao, những lọn tóc diêm bào, cột khói lên chân mây, cùng với cánh áo trắng chập chờn trước đó. Áo trắng và tóc đen trước đó. Người gái đi, mặt cúi và

người lao đao, từ khung cửa sổ vuông cửa dãy nhà mái trắng đèn cửa đồn như một bóng ma lang vắng. Có cái gì lạ lùng xảy ra nơi người gái. Hình như một giọt nước mắt, một cơn xúc động, hay là một ngọn lửa nào đó. Tôi khoan hai cánh tay lên thành cửa sổ. Ông cha hỏi, tôi cảm thấy cha không yên. Tôi nhìn người gái bước chân lên tới con đường nhựa và bây giờ thì có thể trông rõ mặt nàng hơn, vắng tôi không yên. Cha bỏ đi à, ông cha hỏi. Tôi nói, không phải tùy tôi. Thế cái gì. Tôi lặng yên để tự trả lời, có thể vì cái bóng trắng dưới kia.

Thêm một chiếc xe đồ nữa rời bến. Đám đông nhón nhao lùi lại phía sau. Không biết là lần thứ mấy rồi, từ công đồn đi hết, con đường phố chật hẹp đông đúc, đầy bụi, người, xe ngựa, hàng quà, qua khoảng đất hoang và đến bến xe này, đứng dưới nắng mênh mông đau mắt, nhìn và không thấy gì xung quanh, nghe ngọn lửa hừng hực còn bốc lên nồng nàn xác thân tâm trí, mừng rỡ thấy những hình ảnh lu mờ qua lại xung quanh, nghĩ và không đi đến một ý tưởng dứt khoát rõ rệt nào, chao chong mộng lung trong thứ hơi ẩm ngun ngút mặt mù nóng hổi và rồi cuối cùng chỉ còn màu đỏ màu vàng trộn lẫn bốc mù hai mắt nhắm nghiền khép kín ảnh hình vừa vội vàng và đờn đau bỏ lại đằng sau, cảm giác thấy một phần người bỏ quên, gói lại, phó thác, chôn vùi bên trong cánh cửa phòng sơn màu xám nhạt phảng phất mùi ẩm mốc và thuốc súng ấy. Còn mang theo khắp trên quần áo mỏng manh mùi vương vất của

xuân kỷ dậu

mồ hôi, cát bụi, hơi nóng và những thứ mùi không tên của đời lính. Và hình ảnh chàng, như một tượng tạc giữa công trường nào, yên tĩnh và bất biến, im lìm và tràn ngập những điều không thể nói ra. Và Chiêm đã để cho chiếc xe thứ nhất, thứ hai rồi thứ ba rời bến trở về thành phố bên kia ngọn đèo hiểm nghèo hình khuỷu tay quanh co. Như tất cả những lần trước. Và đứng im trước những mũi nhọn mắt nhìn thiên hạ. Hình ảnh đã quen. Và họ vẫn nhìn, như ruồi nhặng không bao giờ buông tha một đồng rác. Đối với họ, Chiêm cũng chỉ là một đồng rác. Họ biết hết. Chiêm đã bỏ nhà từ một năm nay, về một nơi khác, xa lạ, để thỉnh thoảng, tìm về cái đồn lính đìu hiu buồn tẻ đó thăm một người đàn ông, Thăm và ở lại một giờ. Một buổi. Vội vàng. Lo ngại. Ray rứt. Không bao giờ được một ngày. Một ngày no đầy cho một đời sẽ đói khát không nguôi.

Bọn con gái bán nem và buổi ào ào chạy tới như một đàn ong vây quanh Chiêm la lối mua cô nem cô nem ngon cô. Chiêm nhàn mặt đứng yên. Ngọn nắng buổi trưa xoi mòn dần trên nét mặt ngơ ngàng đờ đẫn những ám ảnh bỗng bênh còn lại. Và Chiêm thấy rõ, như sau giấc ngủ vùi nhiều ngày, từng khuôn mặt xoi xía nhìn lại phía mình thì thảo. Những người buồn bán. Mấy đứa học trò. Và vài người giáo viên, hương sư trong quận. Thường lệ thì Chiêm chống lại những mũi nhìn nhọn vắt đó bằng cách ngênh mặt lơ đi, hoặc bằng một thần nhiên lạnh lẽo. Bây giờ thì không. Không còn gì trong lòng, kể cả sự thù ghét không đâu, nỗi ám ức ngấm ngấm, và sự chống đối, phương tiện cuối cùng để tự vệ. Chiêm mỉm cười. Với đám

đông. Với sự dè bieu mĩa mai khinh miệt. Và không với một người nào. Một điều gì cả. Chỉ khoảng không. Khoảng không ẩm và thơm như vùng tối mờ đông kín của căn phòng sau đó.

Đàng sau, những chuyến xe vẫn ầm ầm tấp nập lại qua. Chiêm nghe tiếng réo gọi vang lừng của một đoàn lính không biết trở về hay lên đường. Và Chiêm nghĩ đến Hậu. Bây giờ có lẽ cũng ra xe, và sắp qua cái cổng rộng sơn màu nâu lam nham căng cái bảng vàng nghệ kê sơn xanh ba chữ gì nhom nhếch không bao giờ Chiêm đọc thấy. Ba chữ buồn rầu và héo hắt như những buổi hẹn hò bấp bênh vội vã, những hạt hơi đuối bắt chút lửa tàn của mặt trời chiều không biết phút giây nào lịm tắt. Bỗng dưng Chiêm cảm thấy sợ hãi đến xoắn lên trong lòng những cơn cào kỳ dị. Những phút giây vừa rồi choáng đến như một làn chớp sáng, bây giờ đã mất tâm đầu tích, không còn gì ngoài những cảm xúc lặng lẽ buồn rầu còn vương vất trên tóc da những cảm xúc mỗi lúc một lu mờ dần và Chiêm lắng nghe nỗi buồn tan vào cõi không nào trống lốc. Cho đến một lúc nào đó rồi sẽ mất hết, không còn gì nữa. Không còn gì ngoài khoảng trống đó, cái khoảng trống tan hoang không còn một lần được làm đầy như cũ. Có thật không. Điều đó thật dễ dàng, mau chóng. Như lần nào trở lại đây, cổng đồn còn mở cánh cửa phòng vẫn khép hờ chờ đợi trong ngày hò hẹn, nhưng người bên trong không phải là Hậu, hay không một ai. Và đến khi đi qua cái cổng đồn buồn rầu đó lần nữa chẳng bao giờ còn được mang theo cảm giác bàng hoàng cơn sốt mê man mù loà tâm thần. Và rồi thì suốt đời không bao giờ nữa ... Một phần nào đó tê điếng nin cảm, một phần nào đó ngùn ngụt

thieu đốt, nóng và lạnh, tỉnh và mê, Chiêm nghe cơn sốt dị kỳ sóng cuốn dâng lên, cùng với hình ảnh của khoảng trần nhà quét vôi lam nham mờ trắng, những giọt nắng chích quạ khe cửa long đình, những tiếng động xa xôi bên ngoài lao xao vọng tới, hơi thở ẩm áp bỗng xa lạ sau những ngày tháng chia lìa của Hậu. Và những nan chổng chổng đầy chìm nằng xuống, nằng bỗng Chiêm lên trên khoảng không lơ lửng chơi với không tháng năm không nơi chốn không ảnh hình màu sắc gì hết. Với nỗi đau đớn không cùng thăm lặng trong say mê ngiên ngẫu, nỗi linh cảm dấy lên từ ngọn cây xanh hạnh phúc nắng tràn về chia xa trong đoàn tụ; giây phút giữa dài lâu, tang thương trong bất biến, bất an trong êm đềm. Cảm giác đó vẫn chen lấn, thôi thúc, dồn đuổi Chiêm lẫn mình vào cơn say ngất ngây mê sáng của những lần tới đó. Như khi cánh cửa mở ra, mặt trời đỏ xuống, mặt nhìn thấy rõ nhau là hết. Một đời sống khác lại vén lên, có thể tươi sáng và có thể âm u, không biết trước, nhưng chẳng bao giờ là giây phút thiên đường của một đôi môi chết đuối trên môi, một cánh hôn chập chờn theo hôn, và vòng tay chẳng chịt muôn đời cô thụ vẫy búa rừng tình thăm thăm nữa. Có thể là sự chết, có thể là tai họa, có thể là bất cứ gì xảy đến. Nhưng hãy đừng cảm tưởng trống không hụt đường ghê khiếp đó. Mà bây giờ nó đến. Nó đậu khắp trời như những đốm chim đen. Nó rầm rập bờ cánh xuống tìm ốc Chiêm. Nó làm rợp trời bóng tối nghìn đời ma quái. Nó che đường em đến tìm anh. Nó ngăn mất lối hạnh phúc rọi ngời. Nó làm cho tôi mù lòa muối mè, mất dấu không nhìn thấy tôi.

Chiêm mở to mắt nhìn đám đông xung quanh, như mới

lần đầu tiên trông thấy và hoảng hốt như người bỏ quên bát vật trên chuyến tàu tốc hành khi xuống sân ga, lão đảo trở lại quảng đường phố hẹp. Loáng thoáng trong mắt Chiêm những cảnh mai còn nụ, Những chiếc bong bóng màu chớp chớp đầu sợi dây mong manh, lũ trẻ con mặc áo mới chạy tràn ra đường. Tất cả đảo điên quay cuồng, tàn mác và quay tít về cuối cùng tụ lại thành một điểm đen thăm thẳm âm u hai con người chàng xuyên qua khắp hình hài tội giầy phúc nào gần.

Tiếng pháo giạt từng giầy thần kinh căng thẳng của Chiêm treo lên cao, giạt từng cơn chót vót nhưc nhối. Tiếng người lính gác công cười nghe hăng hắc như mũi nhọn xoắn vào tim. Cảm giác bất an lại trườn lên khắp thần trí. Đã từ lâu như thế, mỗi lần đến với chàng. Và bây giờ cảm tưởng lan rộng thành âm thanh, thành tiếng động vang lừng bốn phía.

Người kiêu giắt quen mặt hỏi Chiêm bằng cái cười nửa miệng, cô lại quên gì trong đó nên trở lại sao. Chiêm cười cho qua đi, vâng vâng, tôi bỏ quên. Và hai chân thoăn thoắt cuống quít tui mừng như đã lâu ngày chưa tới đó, chưa gặp mặt người tình, Chiêm phóng lên những bậc thềm xi măng nóng bỏng, gõ cánh cửa khép hờ, không chờ cánh cửa mở, nhào người vào trong đó, và lùi lại một bước, đứng im trần trối nhìn lên. Hậu đó. Hậu đang mặc áo. Chàng ngừng những ngón tay trên hàng nút và thần nhiên dịu dàng mỉm cười, vẻ dừng dừng điềm tĩnh trấn an của người đàn ông vẫn làm người đàn bà đòi hỏi những bày tỏ nồng nàn sừng sờ phải hờn dỗi :

— Em còn trở lại nữa sao.

Chiêm buông hai tay, hai con mắt vẫn mở to với những giọt mồ hôi viền quanh hàng mi dài :

— Anh muốn em ra về hẳn.

— Em vẫn nghĩ ngược lại điều anh muốn nói. Đàn bà như thế không sao sung sướng và an tâm.

— Thì vì thế mà em trở lại, không an tâm,

Hậu vùi đầu tóc Chiêm vào khoảng ngực áo chưa gài :

— Thế em sung sướng không.

— Càng sung sướng, càng không yên tâm. Và chính vì không bao giờ được an tâm nên mới cảm thấy được tận cùng sung sướng. Sao hai điều đó lại mãi hoài đi đôi với nhau anh.

— Chỉ đi đôi trong tâm trí như em. Anh không bao giờ. Mỗi một cảm tưởng đều biệt lập tách rời. Và nếu chúng tìm đến nhau, ta phải tách rời chúng, nếu muốn hưởng đầy phút Chiêm đây Hậu ra, vuốt lại mái tóc rối :

Bây giờ thì em không ao ước một niềm vui, một hạnh phúc nào nữa hết. Chỉ cầu xin được mãi hoài như thế, thỉnh thoảng một lần về thăm anh, và anh còn đó, nguyên vẹn.

— Em muốn nguyên vẹn trong nghĩa nào, xác thân hay tình cảm.

— Bình thường thì mong cả hai, ai chẳng thế. Nhưng bây giờ, từ những chuyến đi bất định bấp bênh, em chỉ cầu anh đi và về, nguyên vẹn như hôm nay, còn thì, anh nghĩ đến một người nào, anh thuộc về ai, em cũng không cần nữa. Miễn là còn anh đó, miễn là đừng bỏ ngõ một khoảng trống nào trong tháng ngày em.

— Hôm nay em ăn nói thế nào...

— Bỗng dưng em cảm thấy mất một cái gì, vĩnh viễn không tìm thấy nữa, và để những chuyến xe rời bến đậu, em trở về với anh.

— Anh sắp đi rồi, còn được năm phút nữa với em.

Chiêm sà xuống ôm ngang đầu gối Hậu :

— Năm phút thôi sao. Năm phút cuối cùng cho một thời gian dài chờ đợi nữa. Không biết khi nào thì hết đợi chờ.

— Sắp yên rồi, lần này thì anh giải ngũ, chúng mình đem nhau đi vỡ đất hoang.

— Mất của em một phút rồi vì dự trừ viễn vông của anh.

Hậu kéo Chiêm lên. Lửa trút qua mỗi hương nồng tâm ảo, họ nhắm mắt diu nhau lên cao chơi vui trên đỉnh trời ngập tràn màu đỏ chót vót của cảm giác. Thoáng ru ngủ say nồng bay vút qua mau cho tay rời tay môi lla môi và Hậu nói như lần đầu nào tìm đến.

— Đề cho anh ra khép cửa sò, người ta đi qua nhìn thấy chúng mình kia.

— Đừng anh, đề cho trời ngó thấy, em muốn cho trời và mọi người cùng ngó thấy, em hết sợ gì nữa rồi, khi một sợ hãi lớn lao nào tới, tất cả những pháp phòng lâu nay đều vô nghĩa hết.

— Em sợ gì nữa, anh đã nói chuyện đi tới sẽ là cuối cùng và chậm nhất là mừng sáu Tết, mình lại gặp nhau.

— Mừng sáu năm nay hay mừng sáu năm nào khác em vẫn còn can đảm và kiên nhẫn tin đời mà chờ. Nhưng cảm thấy lần đi này như xa và lâu, đến không biết bao giờ mới gặp lại

nhau, hay là ...

Ngọn gió tinh cờ nào đánh bật cánh cửa sò, thổi tắt ánh sáng cuối cùng cho căn phòng mờ tối làm khoảng đêm tạm bợ ngậm ngùi và hai người lại lẫn vào nhau

— Nói thật thì ... em sợ không còn thấy anh về nữa.

— Thà như vậy. Bây giờ bọn đi đánh chỉ mong hoặc hoặc trở về, hoặc không còn hơn, khi yên giấc rồi, trong lúc người ta nhảy nhót vui chơi, mình không còn tay để ôm, không còn chân để tung tăng ... Tưởng tượng anh còn trở về, nhưng một ngày nào không còn hai tay ôm em như hôm này nữa. Hay tệ hơn, còn những điều khủng khiếp và đáng thương hơn, cho người đàn ông, cho đàn bà mình dấu yêu còn chờ đợi đó, nếu... em nhớ một truyện Hemingway không. Như thế đó. Hết giờ của chúng mình rồi, anh phải đi.

Chiêm trở mắt đứng nhìn Hậu cài lại những nút áo trước ngực. Những nút áo như khép lại một lần cho đời đời trên khoảng da ngậm ngùi đầu tựa môi hôn. Những băng đạn vòng quanh lưng. Chiếc mũ động che khuất gần nửa mặt. Lựu đạn và súng. Đôi giày không lỏ buộc dây chằng chịt che kín bàn chân. Hậu biến thành một người khác trong mắt Chiêm bây giờ hao hụt thẳng thốt nhìn lại, một người nào cách biệt và xa lạ.

Tiếng một người nào gõ cửa. Hậu nói :

— Tôi ra ngay đây.

Chiêm níu cánh tay Hậu bây giờ cứng nhắc, nặng trĩu vướng với cây súng :

— Hết rồi, phải không anh.

— Mừng sáu anh về.

— Nếu còn được một phút cho em, chỉ một phút thôi, em sẽ sống hơn tất cả những lần đã trải qua với anh. Nhưng phút đó sẽ không bao giờ tới nữa.

— Em ra trước đi.

Hậu không nhìn thẳng Hậu. Trong một thoáng, tiếng Hật bây giờ xa lạ, như của một kẻ nào chưa phút giây gặp. Như hai người đã lững lờ chảy qua một dòng sông rộng, Bên này và bên kia. Mờ xóa hết những dấu chân bờ tình trùng điệp diu nhau những ngày đã khuất.

Chiêm đi mau ra khỏi khung cửa, khỏi cổng đồn. Tiếng rồ máy của những chiếc xe mướn bánh đuôi theo ra tận con đường tới chợ. Chiêm áp bàn tay lên má, hai mắt mở lớn trên những cành mai càng thắm qua đường, mỏng sáu anh lại về với em, chỉ mỏng sáu thôi mà, có mấy hôm.

Đầu gối trên hai tay, hai tay ôm choàng bờ đất cỏ non bờ đất cỏ non chạy dài thẳng tắp lên đỉnh trời vàng hoe nắng chói nắng trong như lọc từ ánh trắng xanh nào một đêm thật lặng thật sâu không mây gió không thanh âm. Chiêm nằm như một con thần lẩn áp trên vách lạnh, và nước nở khóc. Khóc bằng hai con mắt nhìn lên sáng rõ khát khao đỉnh trời trong vắt trên kia không bao giờ tới nơi, gần đó mà xa vời không cùng, mà cách biệt muôn trùng, cho nước mắt chảy dài loang lổ những sườn đất hồng ướt mịn dưới kia, nơi dấu chân ngày tháng điêu tàn vết tích của một thời dĩ vãng hoang đường. Những móng tay dài tước máu càb mả hoài không nguôi ngoai luồng đất mềm cầu xin trườn

lên một đời dài lờng lờng lê thê. Cho tôi lên chết ngất trên tòa lầu bằng kính rõ ràng trong suốt đó. Ánh sáng xanh ngát của trăng thanh lồng nắng lụa nào long lanh chấp chờn qua từng làn kính thủy tinh óng ả. Và bốn bề hoa lá xanh ngất thời gian buông rèm hư không. Không ai trên đó, nơi yên tĩnh và mệnh mỏng ngự trị. Tôi khóc bằng nước mắt một đời ước vọng không nguôi những mộng mơ dạt dào, những thiết tha ngưỡng vọng, những hấp hối van xin. Không được gì cả. Những ngón tay trần trụi mù lòa gài sâu trong đất, không ngoi lên được một nhích động thân hình trên khoảng sáng. Thôi buông tay. Nhưng hồn không buông mây. Mây bây giờ trôi về trắng xóa. Cho tôi lên trên ấy, Chiêm khóc những giọt, nước mắt dài. Khóc những giọt nước mắt tròn. Khóc những giọt nước mắt tình yêu và sự chết, mừng tủi và khát khao cái gì không có trong tay không có trong đời không có ở nơi đâu.

Người đàn bà nào đi qua, áo màu lông keo thăm thẳm, tóc đen dài chảy xuôi triền miên xuống sườn non cỏ biếc, và hỏi như ngày xưa tiên hỏi vì sao em khóc. Chiêm nói cho con lên trên đỉnh trời, vào trong lầu đài thủy tinh chói nắng kia. Người đàn bà nói ngày xưa tôi cũng từng ao ước thế.

Và rồi tôi đi qua đất hứa. Qua đất hứa và rồi em sẽ có tất cả những điều gì đang khát khao kia. Chiêm nói em không bao giờ tới nơi đất hứa. Người đàn bà nói tôi dẫn em đi. Và cánh tay Chiêm trong tà áo bà ta bay lên thình không. Những trũng thấp và sườn cao, những đỉnh trời và vực thăm bay

vút dưới chân nhấp nhô như muôn trùng sóng lượn. Và họ dừng lại. Đó là khoảng đất bằng phẳng trắng ngát trên một đỉnh non cao ngất lồng mây. Những người con gái mặc áo trắng xếp hàng đứng yên chờ đợi. Người đàn bà chỉ ngón tay hồng lên mô đất trắng. Hai vầng chữ đỏ máu hiện lên trong hình tròn như con cò tướng. Chiêm đọc thấy hai chữ đất hứa. Bà ta nói em bước qua đất hứa đi. Chiêm nói nếu qua đó để đạt đến những điều cầu mong, con không bao giờ đạt tới hoặc đạt tới không điều kiện trao đổi nào. Con chết vì khoảng trời trong vắt trên kia, nhưng không vì thêm sống đến đi qua đất hứa. Người đàn bà nói, hàng đoàn con gái đến cầu xin ta cho qua đất hứa để đạt điều khao khát, nhưng ta chối từ, sao em lại ngược họ. Chiêm nói, vì con không là họ. Vì điều khao khát họ ở trong đời, và của con ở ngoài đời. Và cũng không ở đâu cả.

Nước mắt trôi xuôi mờ xóa hai chữ đỏ máu và mặt đất bỗng quay tít lu mờ. Chiêm nghe mình rơi xuống khoảng không, đầu úp trên cánh tay, sườn đôi cò non vẫn đứng đứng lên đỉnh trời chắt ngát tòa lâu đài thủy tinh chói vàng nắng sáng. Những tiếng nấc đánh thức giấc chiêm bao bây giờ đã dứt với ngày vàng rực nắng lên. Tiếng pháo nổ bùng rì rạc nổ muộn. Chiêm bước qua cổng đồn. Máy người lính đôi phiên canh chăm ngòi pháo lẻ nằm tung lên quảng về phía Chiêm muốn nói, tại đây coi chừng, ông trung úy phạt bây giờ. Nhưng Chiêm cười với tiếng nổ và mùi cháy khét lẹt dưới chân. Ngòi pháo châm thủng một phần tà áo

trước. Chiêm ngần ngại đứng dừng lại. Máy người lính sừng sò cuống quýt gọi nhau, cháy áo người ta rồi tội bây ời. Chiêm ngần ngại một lúc nhìn khoảng áo cháy xem bằng bàn tay, thần trí đắm chìm theo giấc chiêm bao và bỗng đứng tiếc quất quay đã không chịu đi theo người đàn bà qua bên đất hứa. Bây giờ thì muộn rồi, dù chỉ là thoáng chiêm bao.

Nhưng em có cần đất hứa đâu, anh thôi. Chiêm lại mỉm cười và bước thẳng vào trong đồn.

Chiếc xe hồng thập tự viện trợ màu trắng kẻ chữ thập đỏ nằm im huênh hoang trong sân. Chiêm nghĩ thấy mùi tanh của thuốc lẫn máu. Một thoáng rung mình, nhưng chiêm nghĩ cái chết luôn luôn thuộc về những người cô quạnh kẻ loi. Và nàng thẳng nhiên như những buổi hẹn hò chai lì với mắt nhìn xung quanh, với vực sâu linh cảm với pháp phòng lo âu, bước lên thêm căn nhà mái trắng. Cánh cửa mở vào căn phòng trống không. Chiếc giường thiên đường ngăn ngủ đã dời đi nơi khác. Không một dấu tích trong góc phòng mờ tối vắng anh. Những cánh cửa sò lắc lư gió đánh. Tiếng của một người vào ma quái sau lưng:

- Có phải cô hỏi thăm ông Hậu.
- Ông là ai, bạn Hậu?
- Không. Là bác sĩ quân y.
- Hôm nay có phải là mồng sáu.
- Vâng mồng sáu, anh ấy hẹn về với cô mồng sáu.
- Tôi đúng hẹn mà, mà anh ấy đâu.
- Sai hẹn rồi.
- Và ông đến thay thế khát hẹn giùm sao.

- Không tôi làm phận sự.
- Với một người không bệnh hoạn. Ông tưởng tôi đau.
- Rồi cô sẽ đau. Và rồi với chữa chạy tận tình, sẽ lành.
- Tôi không đau, hoặc đau và chẳng bao giờ lành. Tôi cũng như chiến tranh.
- Chiến tranh làm chết người, cô không.
- Ông nói gì thế.
- Về ông Hậu. Cách đây vài giờ ông ấy còn nói với tôi là...
- Sao lại còn, còn cũng có nghĩa là hết.
- Vâng, là hết, xin lỗi, tôi không phải là y tá, mà bác sĩ. Bác sĩ thì chữa, y tá an ủi. Tôi thiếu đức tính của y tá.
- Việc gì vậy, xin đừng quanh co, tôi cảm thấy...
- Cô cảm thấy đúng, đề tôi ra.
- Anh ấy đau.
- Cô muốn nhìn anh ấy không.
- Không. Tôi muốn gặp.
- Đôi khi nhìn cũng là gặp, và gặp cũng chỉ là nhìn thôi. Cô đi với tôi. Cô khỏe chứ.
- Đi đâu xa sao.
- Phòng bên kia. Nhưng sẽ xa cả dặm đường.
- Chiêm lầm bầm:
- Sao mình đã không bước qua bên kia bờ đất hứa.
- Cô nói gì vậy, coi chừng cái bậc thềm xuống. Hình như cô không thấy gì nữa cả.
- Vâng, tôi bước trong ánh sáng, và trong bóng tối một lúc nên không thấy gì hết.
- Đất hứa nào.

xuân kỷ dậu

- Trong chiêm bao, tôi không qua đất hứa.
- Hứa gì.
- Hứa cho đạt đến điều khát khao.
- Khát khao gì.
- Trong chiêm bao là đỉnh trời có lâu đài thủy tinh. Bây giờ là anh ấy. Anh ấy đang làm gì đó ông.
- Đang mặc chiếc áo cuối cùng cho đời người.
- Hai chân Chiêm chụm lại và lão đảo nghiêng xuống sân nắng.
- Tôi dẫn cô đi, nhé.
- Ông có thấy áo tôi rách không, dấu tích của ngày Tết. Rồi tôi sẽ thay áo, chiếc áo cuối cùng cho đời người, như anh ấy. Nhưng tôi không tin những điều ông nói đâu.
- Lối đi bằng phẳng lối đi quanh co lối đi sáng tối Chiêm không biết. Cánh cửa một căn phòng xa lạ mở ra đóng lại. Chiêm nhắm mắt, và mở mắt. Những hàng băng ca sát nhau trên đất. Những tấm ra trắng thùng thỉnh phủ lên trên, ngòi pháo nào nổ toang trong mắt, và trong thần trí Chiêm mông lung quay tít Chiêm nhớ, hôm nay mồng sáu Tết.
- Người bác sĩ nào đó nói, băng ca thứ nhì, bên trái, cô đến thăm, rồi tôi dẫn ra.
- Chiêm quì gối xuống vị trí định mệnh chỉ dẫn. Cánh tay người thầy thuốc vươn dài như loài rễ cây trong nghĩa địa nhiều ma gở tám khăn trắng kéo hẳn xuống. Hai bàn tay Chiêm vội vàng úp mặt. Tiếng thét nổ bùng như pháo lễ. Hôm nay mồng sáu Tết. Tiếng pháo cuối cùng. Nổ cho cháy thiếu hình

ảnh, Ngòi pháo lễ cũng đốt cháy mặt anh như đốt cháy áo em sao Hậu. Và thắt hình nữa. Hai tay hai chân đầu. Mặt mày mới má tóc tai da thịt đầu. Đầu. Đầu. Đầu.

Chiêm nhồi người lên, lao vút ra khung cửa nắng. Nàng chạy vào căn phòng cũ. Mở toang những cánh cửa. Nhìn xuống nền nhà vắng. Tìm kiếm những dấu chân, những dấu tay, những vết tích khuất chim. Muốn đập vỡ bốn bức tường. Muốn lật tung mái nhà. Muốn đục sâu mặt đất. Hậu ơi Hậu. Hậu trốn đâu. Người nằm bên kia không phải. Phải không. Không phải. Phải. Người đàn bà áo lông keo biếc trong chiêm bao. Người bác sĩ. Những người lính gác. Tiếng pháo nổ. Những cánh mai vàng. Bong bóng. Trẻ con áo đỏ áo xanh. Tất cả bay vút lên trời hết rồi.

Và tôi nữa, cho tôi bay vút theo cùng với. Chiêm chạy. Tóc xoắn tung trong gió lên. Áo rách tả tơi lật hai tà đằng sau quãng đường bụi đỏ. Trước mặt là con đường ngựa xe rời rạc, bóng người nhấp nhô. Cuối con đường là dòng sông. Và chiếc cầu gỗ. Hậu Hậu ơi. Em chờ ở chiếc cầu gỗ, hãy tới. Dù chậm trễ, dù muộn màng. Hãy tới. Mồng sáu vẫn là xuân, mồng mười vẫn còn Tết. Còn cả đời dài và bao nhiêu lần Tết, hãy tới, anh thôi, không một người nào khác. Tới với ngọn pháo lễ đã châm ngòi cháy nám mặt mũi tóc tai. Trời ơi, pháo, không, súng, bom, mìn, hay gì đó. Chuyển đi đầu năm, chuyển đi cuối đời, và ngòi pháo ngu xuân nào đã mù quáng nổ tung lên.

Không cách nào ngủ được nữa đã mấy đêm nay. Chẳng phải vì mười mấy tách cà phê không đường liên tiếp buổi tối. Mà những tiếng gõ cửa chập chờn, xa lắc. Tiếng gõ cửa chậm và đều, đôi khi rời rạc, vào trí óc bao lâu ngăm

ngủ đóng kín cho một ép xác tự ý và vô ích. Bây giờ thì thấy rõ là mình muốn gì rồi. Ra khỏi nơi đây, và thay đổi cái áo. Nếu không thì trở nên bở bịch vô cùng, với xung quanh, và chính tôi. Tôi đã hiện rõ lên từng nét sau màn sương mù trắng của chiêm bao. Chỉ tôi biết tôi cần gì và muốn gì. Phải đi — Bất cứ đâu — Phương tiện nào. Còn lý do. Nhiều mà cũng có thể không lý do nào cả.

Lẽ ra phải quyết định từ những ngày cuối năm. Từ cái bóng trắng loáng thoáng cửa đồn bên đó. Nhưng mà công việc làng nhàng níu kéo tôi lại thêm những ngày đầu năm, đầu năm và cuối cùng của một quãng đời bỏ phí vô nghĩa. Thật ra thì cũng là nơi trú ẩn. Vì tôi sợ tôi, quá sợ nên đã tìm cách chôn dấu chính mình suốt những năm qua. Bây giờ thì không nữa. Ngòi pháo đã nổ tung. Chứ sao. Tự đốt và nổ tung. Tại sao cha Viện Trưởng lại nhờ cậy những việc lạ lùng đến thế trong ngày tết, như đem đến một cơ hội tình cờ cho quyết định tôi. Đi ra phố. Thăm một người bà con của cha, một người đàn bà, tặng quà và kiếm một cảnh mai. Đã lâu tôi xa đời sống. Tôi lưỡng cuống đi xuống đó. Nhà người đàn bà ở trong quận, gần cái đồn. Tôi đến đó trước khi đi tìm mua cảnh mai. Và bỗng nghe được khúc nhạc rơi đã từ lâu quên lãng.

Khúc nhạc gì chẳng nhớ. Nhưng mà nhạc là chết, âm thanh vờn tôi, như con mèo tinh ranh vờn chuột trước khi nuốt chửng. Tôi đã tưởng ngắt mê đi. Bởi vì nó rí rả, nỉ non, và thì thào những ngày đã cũ. Hè phố nắng vàng. Những bước chân vui qua. Khung bàn tròn trải khăn trắng với cốc rượu

hồng, khô, hai cốc rượu hồng. Tuổi nhỏ bằng bênh tóc sổng. Những con đường dài không dứt và hàng cây thấp nắng trên đầu. Những chuyến đi. Những hò hẹn. Những suốt đêm say. Những suốt ngày mê. Hư hư thực thực và màu vàng của những nếp áo. Màu ngà của những cánh tay. Khoảng nở của từng chiếc gáy thon rợn từng lứa thừa tóc rối. Hai con mắt đen muội. Những chiếc mũi thon và thơm mùi kẹo chanh. Đôi môi nhènh nhếch gợi mời. Nhiều thứ đã chết đi, đã chồm dậy quay cuồng trong mờ kỷ niệm. Tiếng hát vất lên, như con rắn trườn qua cỏ trong chiêm bao. Nó siết tôi đến nghẹt thở.

Cho nên tôi không nhìn thấy một cảnh mai nào ngoài phố, chẳng hiểu cảnh mai không có hay có và tôi lòa không bao giờ nhìn thấy nữa.

Khi trở về Cha Viện trưởng có vẻ không bằng lòng. Tôi hứa sẽ đi Cam Lâm một ngày nào thuận tiện. Cũng chẳng hiểu thuận tiện là thế nào, để tìm một cảnh mai nở muộn trong rừng cho cha. Rừng đó nhiều mai vàng mọc hoang, bọn mọi trảy về bán trước Tết, bây giờ chắc hẳn còn ít ra cũng một cánh cuối cùng trong rừng sâu. Cha Viện Trưởng nói tôi cần một cảnh mai vào mùng sáu Tết để biếu một trưởng phái đoàn tôn giáo từ Ý sang, món quà tượng trưng. Tôi nói với mình, cơ hội đã tới.

Những ngày cuối tôi thường đứng cửa sổ sau nhìn xuống Ông cha cùng phòng lên giọng, cha chờ gì sao. Tôi không dấu diếm, chính vậy. Ông ta lắc đầu, ngán ngao. Thấy nhiều hình ảnh kỳ lạ trong trí tưởng mình những giờ đứng yên cửa sổ nhìn xuống. Hai chữ Cam Lâm nhắc nhở những

vùng quanh đó. Người gái cũng từng đi qua. Với người đàn ông nào trong đồn ấy. Họ đã đưa nhau đi chơi khắp trước khi bị ràng buộc vào những hẹn hò eo hẹp đó, chắc chắn. Chiếc đồ tròn và nhỏ rẽ khoảng nước xanh lục chìm đắm rong rêu và ánh sáng qua Thủy Triều với những rặng dừa cong soi mình xuống nước. Chiếc sà lúp chẳng chịt những giây chèo nhỏ những thùng dụng cụ thực phẩm và mùi cá tanh qua Bình Ba những ngày bão lớn. Khoảng nước trong vắt xanh leo lẻo như chề phẩm của đầu cầu Ba Ngòi. Những cánh khô gầy guộc chờ vợ dưới màu trời buồn thui mây vắng của Đồng Lắc Đồng Trăng. Họ làm gì ở đó. Biển và sóng. Đảo và cát. Những giọt nước lấp lánh trên da nâu. Mặt trời quay tít trong mắt nhắm nghiền lắng nghe thú dữ kêu gào trong chân tay tê liệt. Người gái mặc áo tắm. Họ đuổi bắt nhau. Những dấu chân chập chùng suốt bãi. Và đêm sập xuống. Bóng tối đóng đưa những vầng sao ru họ trong vũng mê man. Bây giờ thì hết. Họ đến tìm nhau ở đó. Cánh cửa và căn phòng thật nhỏ. Tôi nghe thấy tiếng một khuy nút bóp bật lên thật nhỏ thật vang. Cái tiếng nút áo bật ra đó. Nhảm, thật nhảm. Con sâu trắng nào bò chậm trên da. Áo giắc. Không. người gái có thể là chị em của người nào trong đồn. Tại sao nghĩ tới, triền miên suốt mấy hôm nay. Không phải là chị em đâu. Cái lối đi ra đảo và ngắt ngảy sờ sờ đó. Cảnh cây sau bờ gió động, con chim bé bỏng sau cơn mưa vui. Mình nghĩ đến cái gì vậy. Bậy bạ. Tôi không còn tôi nữa.

Tôi mua được của người mọi cảnh mai gần rừng Cam Lâm. Cảnh mai đã mở tung tất cả những cánh mong manh

vàng rực. Cho nên khi trở về đến quận những đốm vàng đã rụng gần hết. Chỉ còn những nụ non. Những nụ non xanh mướt dịu dàng.. Chiếc xe thả tôi xuống bên kia chiếc cầu gỗ đề tách về bên đậu, và tôi nghĩ đến quãng đường dài từ phố trở về viện. Tôi đi mãi miết qua cầu gỗ và dừng lại với cảm tưởng một trở ngại đột ngột chắn đường, cảnh mai vượng đầy tay ôm muốn rơi xuống dòng nước chảy. Người gái đó. Nàng quần áo xốc xếch tóc tai bơ phờ hai mắt đỏ hoe đứng quay lưng về cầu nhìn xuống dòng sông.

Thưa cha.

Tiếng người gái kéo mắt tôi nhìn xuống chiếc áo. Như cô ta nhìn xuống dòng sông vừa rồi lưng lơ trôi chảy đó mà trong tận cùng bất biến lặng im.

Thưa cha có biết đất hứa ở đâu

Người gái nói gì tôi không hiểu. Nhưng rõ ràng trong hai con mắt đen trong long lanh ngấn lệ tôi đọc thấy niềm tuyệt vọng và thông khổ không cùng, nhưng đồng thời một tìm kiếm ngàn ngơ mà tin cần. Cho nên tôi nói liều tôi cũng đang đi tìm đất hứa. người gái thấp hai vì sao trong đáy mắt đen muôi còn ướt đầm, vậy thì xin cha cho con đi theo. Tôi ném cánh mai rả rụng cánh vàng từ bao giờ xuống dòng sông nước chảy. Người gái vẫy chiếc xe hàng sắp sửa chạy qua cầu gỗ và bước lên. Tôi lên theo. Chiếc xe thanh thản xa dần con đường dẫn về tu viện.

LỮ HỒ

thất tình

— Thưa bác. Chắc con phải chết mất.

Dũng nói chậm rãi, đôi mắt vẫn không rời những giọt cà phê đang giở chậm trong cốc như những giọt lệ đen.

Ông Phúc không trả lời. Ông bình tĩnh nhồi thuốc lá vào pip. Thông thả rút chiếc quẹt hơi, châm lửa, hít sâu, phun khói...

— Làm sao chết được ?

— Dạ con sẽ tự sát ?

— Tự sát bằng cách nào ?

— Con uống thuốc ngủ.

— Bao giờ uống ? Định chết ở đâu ?

Dũng cau mặt. Hai bàn tay dẹt vào nhau :

— Con xin bác đừng đùa giỡn trước sự đau khổ của con.

— Đùa giỡn. Chính con đã đùa giỡn với bác. Đùa giỡn với sự sống. Đùa giỡn với sự chết. Chẳng lẽ, chỉ vì con Thúy đó lấy chồng mà còn tìm cách chết hay sao ? Thất tình mà tự tử là lối giải thoát lạc hậu và hạ cấp nhất. Cách trốn

đó chỉ nên dành cho kẻ vô học. Con là một sinh viên cao học luật, con đỗ Tú tài Triết học, lẽ nào con lại nhảm nhí thế được.

— Nhưng thưa bác, con không chịu đựng được nữa:

— Chịu đựng. Chịu đựng thế nào? Con chưa đau khổ lắm đâu. Đau khổ mà còn khóc được là chưa đau khổ. Vui mà cười được chưa phải là vui cực độ. No mà còn ăn thêm được... thì sao lại gọi là no? Con lãng mạn quá! Bồng bột quá! Hãy nghĩ xem. Nếu Thúy bỏ con thì đó là điều may cho con. Một người có máu phụ tình trước sau gì họ cũng bỏ mình. Thà họ bỏ mình sớm khi chưa cưới hỏi, chưa nên vợ nên chồng. Chứ sau khi lấy nhau rồi mới bỏ nhau thì mới nguy khốn. Nàng bỏ đi sớm là may cho con. Hãy mừng đi, đừng nghĩ bậy.

— Nhưng thưa bác, đây là mối tình đầu của con.

— Ai chẳng biết, yêu một người mà không lấy được là khổ, nhưng đâu có khổ bằng phải sống trọn đời với một người mà mình không yêu. Con có thể khổ sở một phần vì sự ra đi của Thúy. Nhưng với con người tham danh, vụ lợi như thế, coi nhẹ tình yêu như thế, liệu con có thể sống chung đến bạc đầu hay không? Nó bỏ con sớm là may cho. Nó đã thành thật khi nhận thấy gia cảnh của con không đủ cung phụng cho thói xa hoa của nó. Thúy đã làm một việc phải, không đối trá. Con nên biết ơn nó và... quên đi. Con cũng đừng cho là bác chủ quan. Trước kia, bác cũng đã gặp chuyện linh kinh như thế. Bác đã định tự sát... Và sau cùng nhờ một duyên may, bác đã không chết và sống tới ngày nay với một vợ bốn con... và con thấy đó. Rất hạnh phúc.

Dững ngược nhìn lên. Ông Phúc vẫn đứng ở cửa sổ. Mái tóc hoa râm. Cái pip ngậm chéo lên miệng. Sau lưng ông, cả một khoảng trời cao xanh vút. Đám mây trắng nhẹ nhàng trôi qua. Dững cảm thấy phờ phớt như mái tóc của Thúy... của người yêu đã mất. Đôi mắt Thúy bỗng hiện ra trong hình ảnh linh động. Nó sâu thẳm và đắm đuối, thêm một chút đần độn. Tia mắt ấy đã có lần xuyên sâu vào trí tưởng Dững. Đọc được những tâm tưởng đam mê đầy vị kỷ của anh. Ông Phúc đã có lý khi nhận xét về tâm tình của Thúy. Lời an ủi của ông vẫn chưa đủ sức mạnh giúp cho anh hết đau khổ. Trên thực tế, Dững, đứa con mồ côi từ ba tuổi, lớn lên dưới sự đùm bọc của ông bác nhiều từ tâm và học thức. Ông Phúc là người lạnh lùng nhưng lại có những tình cảm bao dung và sâu sắc. Dững chưa hề được giận hờn ông. Cả những khi bị trừng phạt vì có lỗi. Bà Phúc, người mẹ lắm lời và ích kỷ như hầu hết các bà mẹ cũng không hề hẹp lượng với Dững. Bà đã dành hết sự cố gắng vào việc lo lắng cho chồng, cho con và Dững cũng no ấm nhờ lòng ích kỷ cần thiết đó. Dù Dững là em trong gia đình nhưng vì lớn tuổi hơn bầy con ông Phúc nên cả nhà đều coi anh như anh cả.

Sự thật, Dững đã hiểu ông Phúc như thế nào mới dám đem chuyện tình duyên dang dở của mình mà than thở. Với người khác, chắc chẳng bao giờ anh dám thổ lộ. Biết đâu người ta chẳng chỉ vào mặt anh mà nói "Mày là thằng nhõ vô lương tâm, vô giáo dục, cha mẹ mày mất đi, ai nuôi nấng mày nên người. Bây giờ, lớn xác mày đã trả ơn cho ai chưa mà lại chỉ đi lo hạnh phúc riêng mình..." Nghĩ tới đó, Dững cảm thấy

minh có lỗi với ông Phúc, bà Phúc, với đàn em. Đành rằng, chẳng bao giờ ông bà Phúc sơ hở khiến cho Dũng phải tủi phận. Nhưng trong cái bông bột của tuổi trẻ, Dũng đã quên mất. Anh quên rằng, ngoài thân thể, tất cả những gì anh có đều do ông bà Phúc đem tới, kể cả tình yêu với Thúy. Thúy là cháu bà Phúc. Thúy là con một đại thương gia ở Ba xuyên. Thúy trọ học nhà bà Phúc, di ruột của nàng. Cảnh sống chung qua bốn năm tại đây, Dũng và Thúy đi vào tình ái mà không hay biết. Đến nay, Thúy bất ngờ về quê nhận lễ hỏi của một thiếu tá quân y, Dũng mới cảm thấy mình đã yêu sâu sắc và thất vọng náo nề. Cốc café thứ bảy còn giở giọt trước mắt. Ông Phúc với gương mặt lạnh lùng cổ hủ vẫn im lặng đứng tựa cửa sổ nhìn anh. Dũng chợt thấy xấu hổ ghê gớm. Dũng không hề có những dáng vẻ dễ dàng như người khác. Tâm hồn anh cô đọng lại, kết tinh lại như làm tắt mọi cảm xúc. Ông Phúc vẫn đứng nguyên ở vị trí. Ông hiện hữu trước Dũng như một nhà tu hành lắng đợi lời thú tội của tín đồ. Thái độ im lặng của ông làm tăng thêm tấm lòng quảng đại của người cha, một người tôn trọng tự do tuyệt đối của tha nhân. Trong lúc này, người khác có thể la hét mắng mỏ. Ngược lại, ông Phúc có một cái nhìn xa xăm như muốn lắng nghe những tình cảm đang đổ vỡ, xô ngã trong lòng Dũng dưới nhát chém sắc bén của lý trí. Chẳng phải vì ông sợ nặng lời khiến Dũng có thể liều lĩnh. Không. Dũng hiểu ông bác lắm. Từ lâu, ông đã tự coi mình là người bạn lớn tuổi của đứa cháu. Ông vẫn coi Dũng là một con người, một người trưởng thành với trí tuệ, lương tâm và có ý thức trong mọi hành động. Ông đã không mặc cảm, đem những thất bại về công danh,

tình ái trong đời mình kể rõ cho cháu nghe. Đôi khi Dũng chỉ trích, công kích hắt hủi, ông vẫn bình tĩnh và kết thúc: bao giờ ông cũng nói: «Đấy chú mày cứ nói thánh. Đề rồi xem» Và bây giờ thì anh đã nếm và đã thấy. Anh nhớ câu này ông Phúc đã nói khi anh bị rớt năm thứ nhất «Đời là một bi kịch cho ai mới nếm phải nhưng cũng chỉ là một hài kịch cho ai nghĩ lại mà coi» Bên cạnh cái sắc bén về các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa ông Phúc còn luôn luôn ca ngợi tinh thần siêu thoát của Lão Trang. Ông thường nói với Dũng: «Nguyễn công Trứ quá nhập thế nên chật hẹp, Cao bá Quát quá xuất thế nên vu vơ. Nếu cộng cả hai thì vừa. Nếu cộng cả hai thì hóa ra Chiêu lý... tu sĩ, thi sĩ, tráng sĩ... tuyệt diệu».

— Thế nào! Nhất định phải chết chứ?

Câu hỏi bất ngờ của ông Phúc nổ vào tai Dũng như một hòa châu toé lên trong đêm. Dũng đỏ mặt. Thì ra, những tư tưởng cũ đã trở lại xâm chiếm tâm hồn anh và niềm đau khổ của anh đột nhiên xa vắng. Dũng nhận điều thuốc lá châm sẵn từ tay ông bác. Ông Phúc đi ra, đóng cửa. Dũng mệt mỏi, gát hai chân lên bàn, nhìn đăm đăm làn khói vờn cao. Bất giác anh nín hơi, thở ra những vòng khói tròn nổi nhau bay cao, bay cao và... tan biến.

Dũng xuống phòng ăn, cả nhà đã đủ mặt. Vừa trông thấy Dũng, Liên lạnh nhạt:

—Ồ, anh Dũng. Anh vẫn chưa chết à?

Bà Phúc chưa kịp mắng con gái liếng thoảng thì ông Phúc đã lên tiếng.

— Chết thế nào được. Anh Dũng của con đâu phải là người khác. Và lại, việc gì mà phải chết vội chứ. Mỗi một

chúng ta đều lãnh án tử hình của tạo hóa từ khi mới ra đời, Trước sau gì cũng phải chết. Có ai sống mãi. Có điều là ta chưa biết bao giờ thì tạo hóa sẽ hành hình, chưa biết ta sẽ bị chết bằng cách nào. Trong đôi tay âu yếm của vợ con, giữa lời than khóc của bạn bè, trên chiếc giường êm ả của tuổi già, ngoài chiến trường, trên đại lộ với một tai nạn lưu thông... ai mà biết được?

Bà Phúc vẫn còn sợ câu nói vô ý của Liên có thể làm cho Dũng phật lòng.

— Ông này thì chỉ được cái triết lý làm cầm.

Tuy nói thế nhưng trong lòng bà vẫn mừng thầm. Bà đang ở vào một tình trạng phải xử trí: Bà không muốn Dũng chết nhục vì cháu bà. Bà cũng không muốn Dũng cưới Thúy. Thật vậy, mỗi lần nhớ tới thuở xuân thì, bà đối chiếu với thực tại của mình, bà không khỏi kinh hãi. Một ngày xa xưa nào đó, dưới giàn hoa thiên lý, trắng sáng lung linh, gió hây hây thổi, bà đã xúc động trước cốt cách hào hoa, ngôn ngữ sâu sắc bay bướm của ông Phúc, lúc bấy giờ còn là một sinh viên Cao đẳng sư phạm Hà Nội. Thuở ấy lòng bà đã xúc động thực sự, Tình yêu đến tràn ngập như ngọn sóng thần dìm bà vào hạnh phúc. Bà đã kết duyên với ông Phúc không suy tính. Bà ngập trong ánh sáng chan hòa của hạnh phúc. Một, ba, sáu năm, Liên, Quý, Lộc lượt ra đời. Nhưng tình yêu ngày xưa dần dần mất vẻ kiều diễm. Tình mẫu tử bao la, rộng lớn đã đưa bà từ tuổi mộng trở về thực tế. Những tư tưởng sâu xa của ông Phúc đối với bà vẫn còn hay đó những đối chiếu với thực tại nó trở thành lạc lõng làm sao ấy? Bây giờ đây, miếng cơm, tấm áo, tiền học, tiền nhà,

từng ấy thực tế đã khiến cho lòng bà ngưng lại như giòng suối đổ vào sông lớn. Nó đã hết những lúc lượn quanh bờ cỏ biếc, hết long lanh dưới ánh sáng bình minh, hết suy tư vào lúc chiều tàn. Nó đang đổ dần vào sông lớn để tan vào biển cả. Vấn đề lớn của bà hiện giờ là sự sống và tương lai của con cái. Mỗi đêm dưới ánh đèn mờ, nhòa mái tóc của chồng ngả dần màu bạc, nhìn đàn con lớn lên trông thấy, bà bắt đầu sốt ruột vì tình thế ngày một thêm rắc rối, gia cảnh ngày một khó khăn.

Xót xa thân phận mình, bà không muốn cho Thúy, cháu bà phải chịu cảnh thanh bạch. Bà muốn Thúy phải có chồng giàu, phải có chồng quyền thế. Mà nghĩ đến điều ấy, chắc chắn là Dũng, cháu và con nức của bà không thể nào đem tới được. Khi Nghe Liên nói Dũng có ý định tự tử, bà phải cầu cứu ông Phúc. Bà giác ngộ rằng trong trường hợp này, ông Phúc sẽ hữu dụng hơn bà. Bà hồi hộp chờ đợi. Cho đến khi ông Phúc từ trên gác xuống phòng ăn với một cái nháy mắt, một nụ cười tươi, bà mới an tâm. Nghĩ lại, bà không khỏi cười cho cái bông bột đại dột của tuổi trẻ. Ai đời, đem chuyện thất tình, ý định tự tử của mình mà nói với con bé bẻm mép tinh quái như con Liên cơ chứ! Rồi với trực giác ngoại lý của bà, bà vui mừng vì thấy Dũng yêu mà chưa đến nỗi đam mê. Tình thế ấy có thể cứu vãn được. Đêm qua, bà còn ở ngã ba đường. Đề cho Dũng, con và thất vọng thì bà không nỡ. Đề cho Thúy, cháu bà đi vào con đường bần bạch của bà, cũng không nỡ. Suốt đêm bà nghĩ ngợi nhiều vẫn không tìm được lối giải quyết. Sáng nay

hỏi ông Phúc thì ông chỉ cười ruồi. Bà tức muốn lộn ruột. Lúc nào ông cũng cứ tỉnh như không. Lửa đốt đến lưng vẫn cứ nhón như như thường. Bấy giờ thấy Dũng xuống phòng ăn, bà mới thấy phúc ông chồng lý thuyết của mình. Thì ra, đối với việc đời, đầu óc thực tế đôi khi đã trở thành bất lực. Nó chỉ giúp cho bà tính toán những cái vụn vặt, tẩn mẩn mà chẳng bao giờ có ích đối với các việc nan giải. Có lần ông Phúc đã nói với bà : «Đàn ông thường có óc tổng hợp nên chỉ chú ý những gì tổng quát, những tương quan. Trái lại, phụ nữ hay nghiêng về phân tích. Óc phân tích chỉ đề ý những gì thực tế, vụn vặt. Cho nên, trong gia đình người vợ chú tâm đến chuyện nhỏ. Thức khuya dậy sớm, chăm sóc từ miếng cơm tấm áo cho chồng con. Công việc ấy người chồng không thể nào giỏi bằng vợ. Cũng bởi đó, người mẹ nào chẳng nói với đàn con cái , «Bố mày quả là vô tích sự» Cái vô tích sự ấy đôi khi lại có mãnh lực ghê gớm. Khi đưa con bất ngờ bị kinh phong, chân tay giá lạnh, hơi thở ngắn dần. Lúc đó người mẹ chết ngất đi, vì sợ hãi. Và cái tính điềm tĩnh của người cha lại cứu được hai mẹ con khỏi chết. Đối với bà, sự hiện diện của ông đôi lúc thật vô vị. Nhưng nếu vì ông công vụ, ông đi xa độ một tuần thì cả một khoảng trống rộng lớn bỗng xam chiếm lấy gian nhà ấy. Lắm lúc bọn trẻ trở nên bướng bỉnh mặc cho mẹ nó quát tháo suốt ngày. Lắm khi ông Phúc làm cho bà bức mình nhưng lòng kính nể chồng của bà cũng không vì thế mà suy giảm, ông Phúc gàn dở thật. Ông không chịu học tiếng Mỹ, không chịu nhảy đầm, không chịu ôm vợ giữa đám đông. Ông không chịu đi vào cái nếp sống ô ạt của hiện tại.

Nỗi sợ hãi của bà Phúc tăng thêm khi trực giác được

Dũng có những điểm gì khá giống với chồng bà. Nếu Thúy thành hôn với Dũng thì không hiểu với óc tân tiến sôi nổi, năng nổ, chắc chắn không thể nhả nhục như bà. Và chắc chắn cả hai đứa đều sẽ đau khổ. Nghĩ thế bà nhất định phải ly gián. Khổ một nỗi, bà không thể chỉ lo cho Thúy mà không đùm bọc Dũng. Nếu Dũng đại đột liều mình thì lỗi của bà, niềm ân hận của bà càng to lớn và còn mang tiếng với họ hàng bên chồng là tàn nhẫn với cháu chồng. Từ một tuần nay, mỗi lần nhìn gương mặt thiếu náo nức của Dũng bà đã đọc được nhiều ẩn tượng hiểm nguy có thể xảy đến cho cháu bà, cho gia đình bà. Có lẽ ông Phúc cũng đã thấy điều ấy nhưng ông vẫn lăm lăm theo đuổi công việc mình hầu như không lưu ý, không coi đó là quan hệ. Thoạt tiên, bà có ý ngờ là ông chồng đã coi thường việc đó. Bọn con Liên, con Lộc thì ghê gớm lắm. Chúng xam xỉ bần tán to nhỏ suốt ngày.

Chúng nó vẫn yêu thương Dũng. Chúng vẫn coi nhau như anh em ruột. Bà không sợ chúng chia rẽ mà bà cũng không muốn đám trẻ con sớm hay biết về những điều tình ái vu vơ kia, Bé Liên thì ranh mãnh quá. Nó chỉ chờ cơ hội để trêu ghẹo Dũng. Dù vậy, gương mặt nghiêm lạnh của ông Phúc đã làm cho mọi người trong gia đình dẫu hết mọi sự biểu lộ qua ngôn ngữ, cử chỉ Tiếng cười trong trẻo của Liên vang lên giữa khoảng tĩnh mịch:

— Tại sao thất tình, người ta lại không đi tu nhỉ ? Đi tu thích lắm chứ.

Bà Phúc hỏi :

— Con học ở đâu thế ?

— Dạ trong tiểu thuyết, báo hàng ngày đó.

Ông Phúc nhìn Liên mỉm cười :

— Thôi đi, bà cụ non. Nhà chùa, nhà thờ không phải là nơi trốn tránh của kẻ chán đời đâu.

— Thế tại sao người ta cứ nói mãi về các vụ cạo đầu đi tu vì thất tình hả ba ?

— Thì có gì lạ đâu? Ở đời này, thất bại còn có người thương chứ thất tình chỉ tỏ cho thiên hạ đàm tiếu. Nếu ta đem chuyện thất tình mà thổ lộ với bạn thì chúng lên giọng dạy khôn dạy dại cho mình, nếu không thì mỉa mai trêu chọc như bé Liên vậy. Khi đang đau khổ mà bị đùa giỡn thì càng đau đớn. Tâm trạng của người thất tình thì bao giờ cũng muốn xa đám đông, trốn thực tại. Và con xem. Người ta đi vào nhà thờ. Trong gian nhà thánh thang vắng lặng, trần nhà cao vút, thanh vắng vô cùng, Ở đây, không ai mỉa mai, không ai trêu chọc Quý nhìn lên. Ôi đôi mắt đức mẹ từ bi, hai bàn tay buông nghiêng như vỗ về đôi vai đang đè nặng đau khổ. Đôi môi xinh Đức mẹ nở nụ cười, mắt dịu như san sẻ bớt nỗi tủi hờn. Sau lưng pho tượng là những hàng hoa huệ trắng muốt vươn cao như mỗi tình tình khiết vừa tan vỡ. Trước bàn thờ, những hàng nến trắng cứ từng giọt, từng giọt rơi xuống như nước mắt của Mẹ hiền khóc cho tình cảnh éo le của đàn con dại. Thập cẩm động xiết bao ! Và tiếng chuông chậm rãi vang lên tan dần vào hư không như chuyện mối sầu của ta ra bốn phương tám hướng. Đau khổ vơi dần, vơi dần. Thế là người ta nghĩ ngay rằng tu viện có thể là nơi trú ẩn của kẻ thất tình.

Liên reo lên:

— Nghe ba nói, con muốn được thất tình để đi tu cho sướng?

Bà Phúc mắng :

— Con bé lạ nhỉ ! mồm cứ leo leo.

Ông Phúc cười:

— Đừng vội con ạ, Con nên nhớ rằng, thất tình là sự tuyệt vọng của tình cảm. Tình cảm ở trong ta, Ta càng trốn vào nơi vắng lặng thì nó lại cấu xé tâm hồn ta dữ dội hơn. Thế nào cũng có ngày không chịu đựng nổi rồi cũng phải trốn ra và khi đó kẻ thất tình sẽ hóa thành thất chí. Từ thất chí đến trụy lạc không phải là xa xôi gì mấy ! Đấy con thấy không ? Anh Hạnh đó ! Khi không nhào vô đi tu. Rồi chịu không nổi cảnh thanh tịnh lại nhảy ra, rồi bây giờ thì nằm bẹp bên bàn đèn thuốc phiện. Tôn giáo luôn luôn là nguồn an ủi cho nhân sinh. Tuy nhiên, cảm tình tôn giáo không phải là lý trí tôn giáo. Cảm tình tôn giáo là giọt nước nhàn dương tưới thơm lên những tâm hồn đau khổ. Cảm tình là thể tục. Còn lý trí tôn giáo là ngọn đuốc soi đường đi về giải thoát tìm chân lý. Phải là những vị chân tu tâm trí trong suốt như pha lê không vấy hạt nhỏ bụi trần mới đủ minh mẫn để chứng quả. Còn con người chất chứa khổ đau ray rứt mà đòi suy tưởng đến chân lý là chuyện phi lý. Một chuyện trái cựa. Con hãy coi, ai cũng biết đạo Phật là con đường đi tới giác ngộ. Dù Đức Phật đã chỉ rõ con đường đó, người tu hành vẫn phải tu hành, vẫn phải tìm tới mãi, mới có thể tới được. Phật chỉ cho chúng sanh kho tàng hạnh phúc, con đường hạnh phúc và con người với ý thức tự cứu phải dứt bỏ đề đi tới. Phải bỏ tất cả mới được tất cả. Cuộc hành trình tới chân lý xa xôi, diệu vợi lắm. Mang lấy cái

cơ thể đầy nhu cầu vật chất đã nặng nề rồi, còn nói gì mua chuộc thêm tình yêu, tài sản, quyền lợi. Người tu hành đi vào đời, dù đề cứu thế cũng không tránh khỏi hương đời bám bụi phong trần vào tâm khảm. Tu là đi tới tuyệt đối, giải thoát mọi đối đãi. Cho nên, làm nhà tu hành chân chính không phải là tham vọng của kẻ ham muốn hạnh phúc ở cõi đời này.

Tu thì phải học, học rồi phải hành. Tu không phải chỉ mang màu áo, ở chùa, gõ mõ, tụng kinh. Phải tập hủy diệt nhu cầu, hủy diệt bản thân, hủy diệt tâm tưởng.

Liên lại xen vào :

— Ba nói gì. Con không hiểu gì hết. Đau khổ là đau khổ. Nó ray rức, day nghiêng mình từng phút, từng giây. Con hỏi ba chân lý là thực tại hay đau khổ là thực tại ?

— Thực tại là cái có thật, hoặc biết được bằng giác quan hoặc bằng rung cảm, bằng suy tư. Nhưng cái ta cảm giác, cảm xúc, suy tư chưa hẳn là có thật. Con hãy nghĩ xem. Nếu bây giờ ba nói : "Cha con ta chưa bao giờ thấy nhau, chắc con cho ba là điên. Rõ ràng là sáng nào ba, mẹ, các con cũng đều ngồi ở bàn ăn này. Thế mà ba bảo chưa bao giờ thấy nhau thì con cho là phi lý, mâu thuẫn chứ gì ? Con nên nhớ tất cả những gì ta thấy đều là ảo giác hết. Thật vậy, mọi vật hữu hình, vô hình đều biến động, chẳng có vật gì đứng yên. Con đã học vạn vật rồi thì chắc con phải biết là cứ mỗi giây, trong cơ thể ta hàng triệu tế bào chết đi và hàng triệu tế bào khác sinh ra. Có thể, cơ thể ta mới gọi là còn sống, mới có sinh lý. Hết thay đổi là chết. Hết thở, tim ngừng đập, máu ngừng chảy, cơ thể hết thay đổi là sự sống chấm dứt. Thế thì sống, là đang chết từ từ. Ta bắt đầu chết từ khi mới ra đời. Cái gọi là chết chỉ là chấm dứt sự chết.

Thân thể con thay đổi không ngừng. Có thể mới sống được, có thể mới trẻ, mới lớn, mới già. Trước mắt ta, con chỉ là một chuỗi hiện tượng luôn luôn biến đổi. Và, con chịu khó nhìn vào lòng con xem. Có phút nào trong lòng con không dồn dập ý nghĩ, tình cảm. Lòng ta trôi chảy như một dòng sông trong cái thân thể là bờ sông, lòng sông, bãi cát. Liên hôm qua không thể là Liên hôm nay và Liên không bao giờ là Liên cả. Cái tên gọi Liên là một ngôn ngữ còn lại bên chuỗi đời thay của sinh lý, tâm lý. Con lại đã học vật lý, địa lý thì con phải biết cái bàn này là một điểm trên Sài gòn. Sài gòn là một điểm trên mặt đất. Có lúc nào quả đất ngừng quay và xoay quanh mặt trời không ?

Chúng ta là những điểm di động trên mặt đất. Mặt đất di động mãi trong không gian. Có bao giờ mặt đất quay ngược lại đầu mà đời trở lại chỗ cũ

Sống là đi tới, đi tới mãi đến chỗ phải đi tới. Không bao giờ có hai giây phút sống giống nhau trong cuộc đời. Không bao giờ gặp lại hồn ta sáng nay. Cô bé Liên sẽ là cô thiếu nữ Liên, cô thiếu nữ Liên sẽ là cô thiếu phụ tên Liên, thiếu phụ tên Liên sẽ là bà cụ Liên. Sống là lớn dần, lớn là chết từ từ. Sống là chuẩn bị liên tục về sự chết.

— Nếu đúng như vậy thì từ nay Liên sẽ không sợ ba nữa, vì ba có thật là ba của Liên ầu? Liên sẽ không chào ba mỗi khi đi học về, Liên sẽ không hôn ba trước khi đi ngủ. Vì ba đang trôi chảy ba có nhận ra Liên đâu ?

— Thế thì ba đang nói chuyện với Ai đây ? Ai vừa trả lời ba đó ? Có Phải là Liên không ? Vì chúng ta còn u mê nên sống bằng ảo giác, mà ảo giác không phải hoàn toàn là hư vô. Ba chỉ muốn nói, ta không nên cố chấp vào hiện hữu. Cái hiện có

là cái đang mất chứ ba có nói là không có đâu? Nếu có người bảo cái thân thể này không có. Con thử mời họ nhào đại vào xe hơi đang xả hết tốc lực xem sao? Con nên nhớ rằng đổi thay, con đổi thay mà vẫn thấy nhau, nhận biết nhau. Biết nhau trong sự biến đổi. Giả thử bây giờ có hai chiếc xe lửa chạy trên hai đường sắt song song. Tàu bên này mở một cửa sổ, tàu bên kia mở một cửa sổ. Có hai người yêu nhau tha thiết đang chống tay nhìn nhau, con biết sự gì xảy ra không? Chàng và nàng đi vào tâm thức. Họ quên hết. Quên rằng mình đang ở trên hai con tàu khác, nhau đang di chuyển quên thời gian, quên không gian, quên hết... Họ là chúng ta, mọi người đó. Ai cũng đang ở trên chuyến tàu của mình trong hòa điệu của vũ trụ. Ta quên hết. Chỉ khi nào một trong hai chiếc xe ngừng lại. Người yêu vụt qua. Người ta mới tỉnh giấc và đau đớn vì thấy ý niệm thời gian, không gian vụt trở lại. Người này biết là đã nói chuyện với người kia lâu hơn ba tiếng đồng hồ, đã di chuyển hơn 120 cây số. Và kèm theo đó là chuỗi tình cảm đau đớn vì chia ly, cách trở, mất mát. Chúng ta cũng vậy. Ta tiếp tục sống. Không hay biết. Chỉ khi nào trong gia đình có một người chết. Một chuyến tàu đời dừng lại, ý niệm sống từ vô thức mới trở nên ý thức. Một thứ ý thức đau đớn, chán nản. Mọi cuộc chia ly đều buồn, dù thấy rõ, dù mong ước. Nhưng đừng quên. Đó chỉ là tình cảm. Nó đi ngược với lý trí. Lý trí chỉ nhằm tới đích. Tình cảm dính liền với hoa thơm, cỏ lạ hai bên vệ đường đời. Hãy bình tĩnh mà sống với can đảm mà chờ cái chết. Ai cũng trực giác được điều đó. Chỉ khác

tuần kỳ đầu

là họ không lý luận, không chứng minh nổi điều đó thôi. Hiểu được ý nghĩa biến dịch của sự vật, ta nhất định sẽ sống lại cuộc đời có ý nghĩa. Biết rằng vạn hữu vô thường, ta sẽ không bao giờ luồn cúi, nịnh hót để cho có danh vọng, để có tiền tài, địa vị, sắc đẹp. Ta sẽ không kiêu ngạo vì biết chắc là nó sẽ mất đi. Điều ấy sẽ giúp cho tâm hồn ta được bình yên, thanh thản. Ai biết đời đổi thay sẽ không bao giờ thay đổi. Ai tưởng đời không thay đổi, lòng dạ thế nào cũng đổi thay. Yêu một người đẹp ta biết trước một ngày kia nàng sẽ già, sẽ yếu. Đến khi người yêu già yếu, ta vẫn có một mối tình già. Nếu lầm tưởng người đẹp sẽ đẹp mãi, đến khi người yêu không đẹp nữa tất nhiên phải nảy ra ý tưởng phụ rẫy, ngoại tình. Đã sống thì không thể để cho người khác dẫm lên đầu mình, nên ta phải làm việc để có tiền, có tài, có tiếng. Có tiền, ta sẽ giúp được bản thân, thân thuộc, đồng loại. Có tài, ta sẽ hướng dẫn kẻ khác giác ngộ ý nghĩa cuộc đời, đem vui bớt khổ cho kẻ sống. Có tiếng, ta mới được mọi người kính trọng. Được kính trọng ta mới truyền bá được tư tưởng cao thượng của mình. Xã hội ngày nay đã lâm trọng bệnh hình thức. Cho nên, con người ta không thể hiện hữu ngoài các điều kiện hiện hữu của xã hội. Khi còn trẻ thì phải học tập trau dồi tài năng, trí tuệ. Lớn lên phải có một chỗ đứng xứng đáng dưới ánh sáng mặt trời. Già nua phải truyền lại cái sở đắc độc đáo, cái kinh nghiệm vinh quang chưa xót của mình cho kẻ đến sau. Nghĩ như thế, ý tưởng yêu đời sẽ tràn ngập hồn ta, ướp thơm sự nghiệp ta. Cho đến khi ta mất đi, sự hiện hữu của ta trong sự nghiệp, trong tác phẩm vẫn bất

diệt. Cái quý giá của con người phát minh, triết học, khoa học, văn học, của con người sáng tạo nghệ thuật là ở chỗ đó. Sống mà không cố gắng sáng tạo là tự hạ nhân phẩm xuống hàng động vật, thảo mộc. Mẫu người lý tưởng phải là suy tư đạo đức, hành động và sáng tạo. Trên thực tế, không phải ai cũng có thể sống như thế vì đời có nhiều chướng ngại. Nhu cầu, tình ái, hoàn cảnh đều là chướng ngại chính. Biết bao người không cất đầu lên nổi vì thiếu miếng cơm, manh áo. Biết bao người thất chí vì không thoát khỏi lưới tình. Biết bao bậc anh tài ngã gục tàn đời trong ngõ hẹp vì thiếu hoàn cảnh. Vượt qua mọi nhu cầu của tình ái, hoàn cảnh ta mới có thể sống thật với mình, thật với chân lý. Gia đình ta, nhờ tài đảm đang, tính nhẫn nhục của mẹ con, ta đã vượt qua được chướng ngại nhu cầu, Bây giờ anh Dũng đang cố thoát khỏi lưới tình. Ba hy vọng, chúng ta sẽ thoát nổi sự khắt khe của hoàn cảnh.

— Làm sao thoát được hở ba?

— Đó là vấn đề kiên nhẫn thực hiện chứ không thuộc phạm vi lý luận.

LỮ HỒ

KIỆT TẤN

khi nhớ tới Anne Frank

Vì khuôn khổ hữu hạn của số báo, chúng tôi chỉ giới thiệu được sau đây, phần đầu bài thơ dài của nhà thơ Kiệt Tấn. Phần sau sẽ được giới thiệu tiếp trong Vấn Đề số Đầu Xuân.
L.T.S.

Nhớ tới Anne
giữa khi chiến dịch mùa Mưa lại mưa lửa thép xuống xứ sở đột
nát của tôi

(không còn nhớ nổi lần thứ mấy)
và khi hàng 600 chiến xa (loài rùa mắc cạn trên sa mạc Sinai)
đang ngùn cháy những vụn sắt cuối cùng
giữa hỏa ngục sốt nằng
bên quê hương hoài vọng của Anne
Hãy cho tôi gọi em bằng em
hỡi Anne tội nghiệp
(con vẹt nhỏ khó thương, em tự ví)
vì trong tâm khảm mỗi người

em vẫn muôn đời là cô thiếu nữ Do Thái 15 tuổi
(cũng như trí tưởng mỗi người Việt
thời gian vĩnh viễn bất lực trên nhan sắt của kiêu)
Hãy cho tôi gọi em bằng em
hãy cho tôi nắm tay em chạy trên đồng cỏ ấm Palastine

Hãy cho tôi nhật biểu em những hòn đá vắn bên bờ Địa Trung Hải
 hãy để tôi đưa em đến thăm bà con trong Jérusalem
 hãy để tôi đưa em đi trốn nắng dưới chân thành phố mộ đạo
 Và trong bóng im tôi sẽ kể em nghe
 một chuyện cổ tích của những năm rất gần

Ngày xưa, có tên phù thủy độc ác
 (thêm một lần nữa) đã dùng quỷ thuật chiến tranh
 biến Anne thành con chuột nhắt
 xong hấn khắc sâu vào trán Anne nỗi khiếp đảm
 Anne kinh hoàng chạy tìm chốn ẩn thân...
 đó là những tín hiệu liên tục

Phải không em
 đó thật là một giấc mơ khủng khiếp
 và cũng chính sau những giấc mơ dữ tợn như thế
 mà một buổi sáng nọ
 khi tỉnh giấc
 Grégoire Samsa thấy mình ngo ngoe biến thành :
 một con Bọ

Và con Chuột nhắt đáng thương của tôi
 đã cuồn cuộn chạy quanh trong chỗ ẩn tù túng
 không ngớt buông ra những tiếng lít chít thương tâm
 SOS...SOS...SOS...
 giữa hai hơi thở hẹp

giữa hai tiếng kinh cầu lấp bắp
 đánh đi khắp nhân loại đến Chúa đến Thần Thánh
 đó cũng là những giọt lệ lén lút
 không ngừng rỏ xuống lỗ núp tối tăm của mình
 suốt hai năm trường rờn rả
 mà không một ai nghe lọt bên ngoài
 Tôi biết những người khóc lẻ loi
 không nguôi một phút
 những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
 em biết không
 lệ là những viên đá xanh (1)

Nhưng chiến tranh không chỉ biến riêng mình em thành chuột
 mà cả cha em mẹ em chị em
 cả dân tộc em
 bằng hà sa số chuột
 Định mệnh khắc nghiệt vung móng chụp phủ lên thân thể Do Thái
 Bằng một ngôi sao vàng
 chúng đánh dấu trên ngực đồng bào em như ấn kim khí nung
 lên mình sức vật

Chúng đã thực sự lừa chở họ
 chặt cứng trong những toa xe súc vật bon bon trong đêm mộng
 ọc đồ xuống lò sát sinh
 đồ xuống trại tập trung
 (quái thai không ngừng ám ảnh thế kỷ 20)
 Chúng gọt đầu chúng nhờ răng
 chúng lấy tóc dồn ghề ngồi chúng gỡ vàng làm trang sức
 Chúng xả súng phun lửa vào đàn bà trẻ nít
 Đức thờ trần ngập Giời thứ 25 bất tận của Gheorghiu
 1) Thanh Tâm Tuyền

của Iohann Moritz bị đập vụn chắp thành hình nhân Picasso
 của con cái đi học về mẹ cha không còn gặp
 của nhà cửa niềm phong gia đình thất tán
 chúng lục soát chúng bắt hết làm tù nhân
 (ngay cả bà lão gù lưng bại xuội)
 Trường học lạnh dần như ly nước rỉ hơi
 trẻ con bắt đầu đi ăn xin những vụng bánh mì
 đầu trần quần áo mong manh lang thang chân đất
 giữa Hòa Lan căm căm
 lập đông

Có bao giờ em ăn đủ no
 hử Anne
 với nạn chợ đen bành trướng trùm lên khâu phần giảm thiểu
 Vài manh áo sờn được luân chuyển che thân
 (chiếc xú chiền trở nên quá nhỏ với thời gian)
 Và đe dọa vẫn khua vút thường trực đầu đó quanh chỗ ăn
 tiếng động đột ngột ở cửa
 tiếng còi cảnh sát rú ngoài đường
 ánh đèn mỏng vội khuất che
 cơn cảm ho vội chôn nhanh dưới gối
 từng cọng rác con không dám để lộ
 bài tiết hạn chế
 tắm rửa hạn chế
 nói cười hạn chế
 Nhưng rất lặng lẽ
 hy vọng vẫn mở cửa về đêm đêm
 quanh các bản tin bắt lên
 từ Nữu Ước từ Luân Đôn
 nhen nhúm thắng lợi của Đồng Minh

khắc khoải các dự toan đồ bộ
 hay những tin tức ăm lòng
 về một quê hương đang hình tượng
 phát ra từ Tel Aviv
 Ngọn đồi xuân Palestine
 chôn quê hương hoài vọng ấy của Anne

Là vết ung thư không ngừng bộc phá
 giận dữ cắn phần Do Thái lở khoét cuộc đời Anne
 sấm sét như quả táo trời vụt xuống lưng Bọ Grégoire
 hút chắc không rời
 rỉ thối thành độc tố không chữa nổi
 Còn lại vai kia em cúi nhận căn phần tuổi xanh băng hoại
 không gian rộng đồng cửa
 cỏ cây bát ngát nắng thềm thang bị khước từ
 bao nhiêu bạn bè thân bị cướp sạch
 chỉ còn mỗi một bạn lòng:
 Nhật ký Anne Frank
 Đề quên ngục tù em ăn thân trong huyền thoại Hy La
 Và thường xuyên em vẫn phải cười
 để đuổi xua sợ hãi
 em phải cười thành tiếng
 để khỏi nghe lũ đại bác ầm ỹ réo gọi nhau thường nhật
 em vẫn phải cười để kịp ngăn mình khóc
 những buổi trưa im nắng
 dội lại tiếng liên thanh
 xả lên đầu lên ngực các coa tin
 dưới chân tường lỗ chỗ
 ứa nước mắt
 ngó trừng miệng sừng loe

chết điếng!

Em vẫn thường xuyên phải cười phải cười

ôi Anne!

người con gái đã nhận tặng phẩm của loài người

là hai căn phần lửa than

hừng hực trong hai bàn tay nhỏ nhoi tội nghiệp

Hỡi Anne!

Có bao giờ em dám ước tưởng

sẽ có ngày nào

chàng Persée nghe thấu lời em kêu cứu

vội vã yên cương giục Ngựa Cánh Pegase

lướt gió tung mây không nghĩ cánh

đến kịp lúc giải thoát em

Andromède của chàng

bằng một đường gươm vung

chém bay đầu loài thủy quái

Nhưng giấc mơ đó làm sao em mơ nổi

vì Chimère trấn ngự hoàn toàn giấc ngủ em

mỗi lần đuôi rồng vẩy khua đầu sư tử nhả lửa

là hoả hoạn bùng bùng mòng dữ

là bắt bớ là giam cầm

là tù đày là thất lạc

là trại tập trung

là bạn bè hiện lên tiểu tụy áo quần toi tả nước mắt đầm đìa

là người thân trở về gầy nhom mặt mày hốc hác

Đương đầu núi lửa bạo cuồng

em xử dụng món vũ khí thô sơ độc nhất

là những lời nguyện cầu run run giờ khuya khoắt

thầm thì thầm thì

tủi thân ôi những lời nguyện không bao giờ được hồi âm

Hàng chục ngàn hàng trăm ngàn người vẫn tiếp tục bị xô l ủa
về trại lao tác

hàng triệu cánh tay dừ hàng triệu lá ngực khô vẫn tiếp tục
mỏi sức mòn hơi

cúi đầu làm bom đúc súng

(chúng sẽ mong đi bắn ném lên đồng bào họ)

hàng triệu người vẫn phải tiếp tục cung cấp cho lũ cuồn nazi
phương tiện kéo dài chiến tranh

kéo dài ngục tù

Ngày hậu chiến!

nào khác lâu đài cát trên xứ sở Tây Ban Nha

hỡi Anne!

thả trôi dạt dờ trong ngày tháng mới

không ngày qua không ngày mai

không còn dám tin dĩ vãng mình đã từng có trời xanh trường
học bằng hữu cỏ hoa nụ cười

em nào dám tin

Làm sao còn dám tin

phải không Anne

suốt hai năm không một lần mở đón mặt trời

hai năm cười nhỏ nói nhỏ khóc nhỏ

hai năm hít thở bịt bùng

hai năm cố nuốt đậu trắng đậu đỏ

hai năm khai trừ khỏi cuộc sống

hai năm động tác buồn rầu

hai năm tìm không nằm yên [trong] ngực

hai năm xanh mặt

hai năm chờ Gestapo đến bắt

hai năm đợi bom rớt trúng đỉnh đầu

(còn biết chạy đâu?)

Làm sao em còn dám tin

khi những trận mưa bom hằng ngày càng lúc càng thác lũ
 trẻ con càng lúc càng khóc to bởi tìm mẹ cha trong đống gạch vụn
 người chết không kịp la
 máu đỏ không kịp băng
 (trên làn sóng điện bọn nazi vẫn không ngừng ngợi ca thương
 tích
 người cưa chân không thuốc mê
 kẻ bị thương không chỗ ngồi
 thi thê không kịp chôn
 Bệnh dịch mại nanh trên thành phố

Hãy trả đây bầu không khí đây!
 mở cửa đất sáng trăng về ngủ
 thở lòng no ở ngực nhả nheo
 hét la hồn nhiên trên đồng trống
 mới cười tự do hơn nước lũ
 yêu đương gió luyến không trời chân
 Hãy ngược cổ non nhận đón đây thì hồng hào căng má ửng!
 nhựa ngọt mới nguyên mơn trớn đầu vú thơm
 nghe không bí mật rất đàn bà dịu dàng trong cơ thể thân mật
 Mấy mơ giấc mơ có người yêu!
 mất bởi hồi thẩm sâu chìm đắm đuối
 má quẩn mềm luyến má nhưng lông tơ
 đặt trên môi lạnh trắng hôn địa chấn
 thoát lệ đầy hơn hờ rung màu nhiệm
 ôi tình yêu đó sao nở khước từ?
 Hãy trả đây tuổi trẻ bị cưỡng đoạt!
 mùa xuân đang về ai ngăn nổi
 mùa xuân tươi tốt trở nhánh cường tráng tim đau
 nứt chồi non thương tích từng sớ thịt
 da mượt eòn cào nhựa xanh lũ xiết

m a xuân hồn nhiên trời đất
 sao trong sạch máu cầm tù?
 Hãy mở toang trùng trùng cửa đóng!
 vỗ cánh chim xuân đến nơi hò hẹn
 gặp gỡ bằng hữu tự do
 trường học vườn cây trở trái sai oằn
 đạp xe trên đường mơn cỏ hoa quen thuộc
 huyết sáo họa mi
 khiêu vũ nhịp ba choáng váng vòng ôm ngất ngất ngây ngây
 ngây

cởi trả cô đơn không còn bao giờ nhắc tới
 chuyện trò về thời tiết áo quần dạ hội
 về tình yêu nụ cười đồng tiền má lúm
 về những ngày không giấc giã
 về thực phẩm về khí trời về sách vở về sự cảm thông và vui
 sống

thèm thuần điền cuồng
 vui sống! vui sống! vui sống!
 Thôi đừng nói nữa
 Anne!
 nếu không em sẽ phải nứt ở
 sau khe cửa kín bưng
 thở trọn chút mùa xuân bên ngoài
 nghẹn ngào ngực nhưc
 ôi những người khóc lẻ loi một mình
 đau đớn lệ là những viên đá xanh (2)

KIỆT TẤN

DOÃN QUỐC SỸ

khe mây

Đó là lần thứ hai Huy đi Detroit, một thành phố kỹ nghệ lớn miền Bắc Mỹ chỉ cách Gia na đại có khoảng hồ nhỏ.

Đây là lần thứ hai. Phải, lần trước chàng cũng dời thành phố Nashville (Tennessee) vào giờ này. Chàng đưa mắt nhìn người tài xế xe buýt, có thể vẫn là người tài xế chuyển trước. Vô có chàng mỉm cười. Hành khách ai nấy đã an vị từ lâu, người tài xế đã ký xong những giấy tờ ghi nhận lật vật trong khi người công nhân khác vừa rửa xong chiếc kính chắn gió rộng mênh mông của xe buýt. Người tài xế nghe nhìn đếm số hành khách một lần cuối rồi đèn trên trần buýt tắt, xe bắt đầu chuyển bánh đúng lúc 22:35 y như muôn ngàn lần trước, đúng tác phong Mỹ.

Huy rùng mình thật thoải mái tựa như sự rùng mình của một người đã nằm yên trong chăn ấm mà còn cổ tưởng tượng cảnh rét mướt bão tuyết bên ngoài. Xe qua cầu sông Cumberland, ra ngoài thành phố, tuy nhiên hai dãy đèn đường còn sáng rực như một thái độ tiễn đưa hay đúng hơn thái độ muốn chứng tỏ uy quyền một cách dai dẳng của thành phố đối với vùng ngoại ô phụ cận.

xuân kỷ dậu

Huy đã cho ghế ngã về phía sau, đôi mắt nhắm như ngủ nhưng kỳ thực chàng đang ôn thầm một cách sáng suốt từng chặng đường sẽ vượt: chỉ hai giờ nữa xe buýt đã bắt đầu vào địa phận của tiểu bang Kentucky, tiểu bang có cỏ xanh sông mát nổi tiếng về chăn nuôi ngựa; xe sẽ qua Louisville thành phố lớn cuối cùng của Kentucky để rồi lướt qua địa phận tiểu bang Indiana mà tới thành phố lớn đầu tiên của Ohio là Cincinnati. Xe buýt cứ thế mà nuốt đường thiên lý... nuốt đường thiên lý cho tới khi nào người tài xế báo trong máy phóng thanh «Toledo» thì có thể coi chỉ còn trong gang tấc nữa chàng đã được gặp Crystilla (chàng gọi nàng ngắn gọn và thân thiết là Crys).

Từ Toledo sang địa phận Michigan tới Detroit chỉ phải qua cầu con sông nhỏ Mrumee và một thành phố nhỏ Monroe! Lần này đi thẳng một mạch nên Huy sẽ gặp Crys vào lúc hai giờ chiều ngày hôm sau, chứ như lần trước vì dừng lại nửa ngày thăm bạn ở Cincinnati mà khi chàng tới Detroit vừa ba giờ khuya. Chao ôi, ba giờ khuya dưới trời giá lạnh của một thành phố cực bắc Hiệp Chúng Quốc!

Máy xe nổ đều đều, Huy ở vào trạng thái nửa thức nửa ngủ, nhưng ý nghĩ bán rứt vào kỷ niệm lần tới Detroit chuyển trước vào lúc ba giờ khuya giá lạnh. Có lẽ khi chàng tìm đến toà building 10 tầng nơi Crys ở thì cũng đã bốn giờ sáng rồi. Chàng chỉ mới vào lọt có lần cửa tiền để tránh cái băng giá bên ngoài, còn cánh cửa mở để lên thang lầu thì khóa kín. Huy ghé nhìn bên trong: không có người gác cổng! Chàng chỉ còn biết đặt chiếc va li nhỏ của mình xuống mặt thảm và

nhìn quanh, bên tả là một khung bản lớn ghi từng số phòng và tên người ở, bên hữu là những hộp nhỏ của riêng từng phòng. Chẳng đứng loay hoay như vậy chừng năm phút qu chưa biết tính sau thì may sao bên trong có người ra, hễ chàng vào lọt. (Bên trong mở cửa ra thì được.) Chàng bước vội vã lên lầu bốn không muốn mất thì giờ tìm nơi có thang máy. Tới phòng 410 chàng hỏi hộp khế gỗ cửa. Tiếng Crys đúng là tiếng Crys vọng từ trong ra để sưởi ấm trái tim chàng «Ai đó?» «Huy đây!» Lập tức có tiếng Crys tung chăn nhảy xuống giường, cõng thời với tiếng thốt vừa êm nhẹ, vừa ấm áp, vừa thiết tha: «Trời ơi Huy!» Rồi cửa phòng mở tung như cửa lòng chàng và chàng bước vội vào căn phòng là hiện thân của ấm cúng của thiên đường, của hạnh phúc đó. Chàng ôm lấy Crys trong vòng tay, hai bàn tay xiết chặt lấy khoảng cánh tay trần của nàng, bộ đồ ngủ bằng lụa rộng thùng thình còn gợi cảm gấp ngàn vạn lần hơn là nàng khóa thân. «Sao anh đánh điện cho em bảo là đến vào lúc hai giờ chiều?» «Tại bất chợt anh đổi ý, dừng lại ở Cincinnati thăm người bạn thân mất nửa ngày.» «Anh làm em thất vọng muốn khóc ở ngay ga xe buýt!» «Anh xin lỗi!» «Anh làm sao vào được cửa?» «Anh đợi chừng năm phút thì gặp người ra.» «Em quên không viết thư dặn anh là anh có thể nhấn chuông đúng vào số buồng em, trên này em chỉ việc bấm nút điện là cửa đó tự động mở.»

— «Nhưng đến bất ngờ với chút ít trắc trở như thế này mới thật lý thú, em có thấy không?» Crys cười khế và gỡ tay chàng rồi thoăn thoắt nàng kéo chiếc ghế lớn ra thành chiếc giường nhỏ; vẫn thoăn thoắt nàng trải nệm giường, lồng áo

gối và lấy chăn tung ra. Lúc đó Huy vừa đi vào rửa mặt thay đồ vừa kín đáo mỉm cười.

Chàng mỉm cười đề riều thăm cái bản năng tự vệ hầu như cố hữu của bất cứ người đàn bà nào trên thế gian này chẳng phân biệt Đông hay Tây. Người đàn bà luôn luôn thức tỉnh cạm cũi xây thành đề tự vệ, bức thành trông có vẻ nguy nga đồ sộ, kỳ thực là bức thành bằng giấy. Đây đâu có phải là lần đầu tiên Huy gặp Crys! Tuy nhiên quả thực lần này chàng sẽ được hưởng hương vị tự do đặc biệt. Lần đầu khi Crys từ miền Bắc xuống thăm chàng, cả hai đều có được tự do tuyệt đối, cùng ở với chàng còn một anh bạn *roomate* khác. Lần này thì Crys vừa thuê được căn phòng riêng này, nàng chỉ mới dọn tới đây có một tuần, hai người sẽ được hưởng tự do tuyệt đối, Chao ôi, thụ hưởng ái tình trong tự do tuyệt đối như con đại bàng thần thoại mặc sức vỗ cánh tung mây lướt gió coi khinh núi, rừng, sông, biển bên dưới thì quả đó là đạt tới tuyệt đỉnh của hạnh phúc. Crys đã làm xong chiếc giường nhỏ cho chàng lúc đó, nhưng chàng đã ghi chặt lấy nàng dịu dàng nằm xuống chiếc giường lớn: hai chân nàng còn thông xuống đất. Chàng hôn nàng, đúng hơn hai người hôn nhau trong cái hôn dài như bất tận, cái hôn đầu tiên của hai người bao giờ cũng vậy, bởi đó là lúc tinh thần đi trước làm đồ khai vị đúng với thủ tục muôn đời của thế gian họ rót hồn sang nhau bằng cái hôn dập vùi ý niệm thời gian đó...

Khoảng mười hai giờ trưa khi hai người đã trở dậy đề sửa soạn ăn sáng, chiếc giường xinh được gấp trở lại thành

ghế ngồi, vị trí y nguyên như vậy cho tới bảy ngày sau khi Huy dời Detroit, những ngày của tình yêu được vùng vẫy trong tự do tuyệt đối ! Khoảng Crys vắng mặt hai ba giờ đề đến trường, Huy nằm lười lỉnh trên chiếc ghế dài nghe hồn mình trôi nổi (cũng lười lỉnh) trong hạnh phúc, hay nghe hạnh phúc bình bỗng trong hồn mình cũng vậy. Huy thấy cần được sống như vậy đề quên biết bao những tủi hờn bức dọc mà hàng ngày chàng phải cố xua đuổi mỗi lần đọc báo hay xem TV về tình hình đất nước. Có thể đó là một thái độ tinh thần trốn tránh ươn hèn, ích kỷ, nhưng cũng có thể đó là thái độ của một người biết mình khi trở lại đất nước sẽ phải đương đầu với nhiều cam go nên giờ đây cố tình đi dưỡng tinh thần bằng cách tắm gội trong thứ hạnh phúc của tình yêu tuyệt đối trong tự do.

Lần thứ hai Huy tới Detroit đúng như ước hẹn, Crys tới đón chàng

Nàng khoe ngay :

- Anh Huy này, em có một người bạn mới :
- Ai vậy ?
- Một cô gái Việt nam, cô ta cùng học lớp lịch sử hội hoạ với em.
- Cô ta mới tới Detroit ?
- Phải đây là tam cá nguyệt đầu tiên của cô. Cô mới chuyển trường từ Colbia tới ! Cô dạy em học tiếng Việt. Em có khoe anh với cô ta em sẽ tổ chức một cuộc họp bạn vui chiều nay tại phòng em, Trâm cũng sẽ đến, tên cô ta là Trâm, Cô sẽ đến với anh bạn giai Mỹ của cô.

- Mới tới mà cô đã có bạn giai Mỹ rồi ?
- Chứ sao ! Bob ở cùng building với Trâm. Trâm đẹp lắm, anh ơi.

Crys bỗng ghé tai Huy hỏi thăm :

- Con gái Việt Nam không thích ân ái... với người yêu trước khi thành vợ chồng thật sự, có thật thế không anh ?
- Thật vậy, nhưng ai bảo em thế ?
- Trâm ! Lạ nhỉ ! Em có nói với Trâm là em yêu anh, em ân ái với anh, có sao đâu !

Huy bật cười, nhưng rồi chàng cũng gật đầu biểu đồng tình cho khuôn mặt Crys bớt vẻ ngạc nhiên :

- Em nói đúng, có sao đâu ?

Huy có ý đợi Trâm. Quả nhiên đúng giờ Trâm tới với người bạn trai Mỹ của nàng, chàng Bob. Hai người tới trước tiên ! Trâm reo vui vì gặp người đồng hương, như thế Huy là người thân trong gia đình nàng bỏ Bob tới ngồi ngay bên Huy. Thái độ vồn vã đó Trâm biểu lộ rộn rập quá khiến Huy thoát quên quan sát nhan sắc nàng. Sau khi Crys đã giới thiệu Huy với Bob câu đầu tiên Trâm kể chuyện với Huy cũng lạ. Nàng nói:

Anh có nhớ ngọn núi nhỏ trên mặt hồ phía gần cầu sang Gia nã đại? Em vẫn gọi hòn núi đó là núi ngự. Vừa rồi lúc trời tối chẳng hiểu tuyết, băng, nước hồ và ánh đèn Detroit hoà hợp với nhau thế nào đề khi chiếu vào khiến núi bỗng sáng lên như động kim cương mà trời thì đen kịt, lạ quá.

Huy hoàn toàn bị hấp dẫn bởi giọng nói say mê của nàng và tuy chàng chẳng hiểu nàng định nói hòn núi nào chàng cũng đáp:

Vậy a? Thế thì lạ thật đấy. Tuyết bên ngoài phủ dày lắm phải không ... Trâm. (Huy gọi Trâm thân mật ngay như vậy và thấy đó là lẽ dĩ nhiên.)

Vâng, dày lắm thưa anh. Lúc Bob đến đón em ở nhà, tuyết phủ đã dày tới mức tiếng động nào cũng chỉ vang lên một chút thì bị chìm đi ngay. Những ngày như vậy em thường đóng kín phòng lại và vẽ tranh sơn suốt ngày, đợi lúc trời tối hắt mặc áo ấm đi dạo một vòng quanh nhà.

Vậy hôm nay Trâm đã đi dạo một vòng nào chưa?

Tới đây thế này há chẳng là đi dạo sao?

Lúc đó Huy mới có thì giờ ngắm kỹ Trâm. Khuôn mặt nàng trái soan, nước da bánh mật khỏe. Nàng tô một quầng thâm quanh mắt khiến cái nhìn trở thành thăm thẳm. Nụ cười của nàng thật hiền, hai răng trước cửa phẳng. Giọng nàng nói trong, rất trong, phẳng phất một cái gì nửa ray rức nửa thiết tha. Nhìn vào đôi mắt nàng, ngắm nụ cười nàng, rồi nghe giọng nàng nói, khoảnh khắc đó quả là tuyệt vời, tuyệt vời trong một nỗi niềm bịn rịn nuôi tiếc kỳ lạ.

Lâu lắm mới được gặp người đồng hương, vui quá anh ơi.

Câu nói như vậy lẽ ra phải vui lắm mà sao được nhiều ngậm ngùi. Huy hiểu lắm, chàng hiểu tâm hồn người con gái sinh ra và lớn lên trong một nước loạn ly ngót một phần tư thế kỷ như nước Việt nhà thì nhất định phải phức tạp như vậy.

Sau khi nói về thứ ánh sáng giao hòa kỳ dị biến hòn n thành động kim cương, Trâm chuyển sang chuyện quê hương khói lửa.

- Quê em cách thị xã Bến tre chỉ chừng ba cây số nhưng đường xấu kinh khủng ! Xấu vì Việt cộng thường tới đào đường ban đêm, hôm sau ty công chánh quốc gia lấy lại sơ sài, xe tiếp vận của quân đội quốc gia qua lại khá nhiều đề tiếp tế cho mấy đồn lân cận...

- Cô có thường về thăm quê ?

- Suốt thời gian theo trung học, em ở ngay trong quê nhà. Đi học bằng xe đạp.

- Mỗi lần có đụng độ lớn giữa hai bên, những người trong quê hẳn phải tạm tản cư ?

- Đúng vậy anh.

Trâm bỗng cất tiếng cười khanh khách rồi tiếp :

- Em có ông bác khoảng sáu mươi tuổi râu dài và búi tóc. Mỗi lần có cuộc đụng độ nặng giữa hai bên khiến người phải tạm tản cư lên thị xã, thế nào người cũng cho khiêng theo chiếc sập gụ khảm sà cừ. Chiếc sập nặng lắm em không biết là nếu đem cân thì nặng bao nhiêu ký, chỉ biết sáu người khiêng mà lắc lè. Rồi mỗi lần ngừng lại ở đâu mà có người xúm quanh quan sát thế nào bác em cũng khoe là lần nào tản cư người cũng cho khiêng sập đó đi theo, có người nói rõ cả thành tích lần đó là lần thứ mấy.

Trâm và Huy nhìn nhau, lần này Trâm cười không thành tiếng, Tiếng nàng trầm xuống nửa tựa lạc giọng, và tưởng như vì tuyết phủ dày bên ngoài mà tiếng nói của nàng bên trong

cũng bị mất tiếng vang. Đôi mắt Huy phải vịn sâu vào đôi mắt nàng mà theo dõi là lời nàng nói :

— Sâu vào chút nữa quê ngoại em chỉ cách làng em chừng bốn cây số, cảnh quê và người quê mới thật tiêu điều. Nơi có cây cối thì bom đạn cây nát, nơi trước đây là đồng ruộng thì lau lách mọc thành rừng. Chính quyền quốc gia cũng có đặt hội đồng xã, chính quyền cộng sản cũng có đặt hội đồng tự quản, nhưng thật ra các nhân còn quốc thuốc hay còn thông minh thì hoặc không đội trời chung với cộng sản mà vào hẳn vùng quốc gia, hoặc không đội trời chung mà sang vùng cộng sản chỉ còn những người đui. quê, mẽ, sứt, đôi mắt cặp kềm đôi tai nghênh ngang chẳng còn cái gì để bảo vệ, thì họ ở lại để thành hội đồng xã hay hội đồng tự quản theo sự chỉ định của bên này hay của bên kia. Rồi bên này đến thì họ ngơ ngác ngác lảng sang một chút, bên kia về thì họ cũng ngơ ngác ngác lảng sang một chút, khi cả hai bên rút khỏi, họ quên ngay tất cả...

Hình như Trâm ngừng lại giây lâu cúi nhìn xuống chân rồi lại ngẩng lên tiếp, giọng khẻ hơn và, thật kỳ lạ, rõ hơn bao giờ hết:

— Đánh nhau mãi thế này chết hết người anh ơi.

Hiện tượng âm thanh của lối nàng vừa thốt ra làm Huy cảm thấy lạnh xương sống. Chàng cúi xuống nhìn chân mình như cử chỉ của Trâm vừa qua và bỗng cảm thấy hết nồng nức cơ cấu của cuộc chiến tranh quê hương đè nặng lên đôi vai thon nhỏ của Trâm và của biết bao nhiêu cô gái Việt khác. Từ trước đến nay Huy vẫn chạy trốn những ký ức về kiếp sống nghịch lý của

quê hương, nhưng giờ đây đối diện với Trâm, nghe tiếng nói trong và tiếng cười đượm ngậm ngùi của nàng Huy không còn muốn chạy trốn những hình ảnh đó nữa, trái lại chàng để mặc cho chúng ủa tới, để được ê chề ngụp lặn giữa chúng, chàng tin rằng như vậy càng giúp chàng có cái nhìn thích nghi hơn về nhan sắc với tiếng nói giọng cười của Trâm. Câu chuyện về quê hương giữa Huy và Trâm từ đó trở thành thủ thi như chuyện tâm tình. Crys tiếp chuyện Bob. Các bạn đồng học với Crys đã lần hồi tới đủ. Huy và cả Trâm nữa đứng vậy mỉm cười và cúi chào như mỗi khi Crys tới giới thiệu, sau đó hai người lại ngồi xuống ngay tiếp tục câu chuyện. Mọi người đã bắt đầu ăn bánh ngọt và uống côcacôla. Vẫn Crys mang những thứ đó lại cho Huy và Trâm. Hơn một giờ qua... Tiếng ồn ào nói chuyện trong phòng bỗng im bặt vì có tiếng vỗ tay làm hiệu, rồi tiếng Crys:

- Này anh Huy !

Huy hơi bàng hoàng ngẩng lên âu yếm cười với Crys và ngừng nói chuyện bằng tiếng Việt với Trâm:

- Crys bảo gì kia ?

- Anh có thể làm ơn cho em một điều ?

- Điều gì nào Crys ?

- Anh hát cho tất cả các bạn đây nghe một bản dân ca của nước Việt, rồi anh ngâm thơ Việt nam nữa.

Không đề Crys nài thêm một lần thứ hai, Huy chỉ thông thả cúi đầu dặng háng để mọi người biết là chàng đương sửa soạn. Chàng đã dọn giọng khá kỹ càng và khi ngừng lên, chàng hát cho mọi người nghe bài hát quen thuộc chàng đã hát nhiều

lần cho Crys nghe, bài «Qua cầu gió bay». Khuôn mặt Crys rạng rỡ hẳn mặc dầu miệng nàng chỉ hơi cười mỉm. Mọi người vỗ tay nồng nhiệt khi giọng ca của Huy vừa dứt, và ai nấy cùng cười ồ khi Crys dịch lại lời ca :

Yêu nhau cởi áo (đi à) cho nhau,

Về nhà đổi (rằng) cha đổi mẹ (àààà) này a đi a qua cầu

Này a đi a qua cầu (tình, tình, tình) gió bay...

(Tình, tình, tình) gió bay...

Giọng Crys nồng nhiệt :

— Anh ngâm thơ Việt-nam đi.

Lần này chính Huy phiên dịch trước một đoạn Chinh phụ Ngâm rồi mới ngâm cho mọi người nghe:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh cách mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai...

Một người bạn Mỹ hỏi Huy:

— Giọng ngâm thơ Việt nam bao giờ cũng buồn buồn vậy sao anh ? Trâm đã trả lời thay chàng như một phản ứng tức khắc:

— Các anh tinh lịch sử nước chúng tôi cứ bị chiến tranh hoài hủ như vậy giọng ngâm thơ của chúng tôi vui sao được ? Vui sao được cơ chứ !

Giọng Trâm nói vỡ ra từ những thồn thức âm thầm từ bao nhiêu năm qua. Thoáng một nét cười héo hắt trên môi nhưng Trâm đã đứng dậy hướng về Bob:

— Bob đưa em về nhé, em còn nhiều công việc sửa soạn

cho kỳ thi mãn khóa sắp tới.

Lúc đó Huy mới sức chú ý đến Bob. Khuôn mặt Bob thật trẻ càng trẻ vì lúc ấy Bob vẫn bỏ áo ngoài chỉ mặc chiếc áo chèn cụt tay màu đỏ tươi. Mái tóc Bob vàng óng hai bên tóc mai để dài xuống quá thái dương rất nhiều. Bob thật thấu hiểu tâm trạng của cô gái Việt ấy. Từ lúc mới vào Trâm hồi há chào Huy rồi ngồi xuống bên Huy, Bob hoàn toàn tự xoá nhoà, tựa như nhiệm vụ của chàng chỉ là đưa Trâm tới đây để gặp Huy. Hình như Trâm cố tình vội vã, nàng cảm ơn Crys bằng nhiều khách sáo, quay sang cúi chào Huy lần cuối, rồi lật đật ra cửa trước cả Bob. Huy thân mật theo chân Trâm ra khỏi cửa để tiễn nàng, trong khi Bob vừa mặc xong chiếc veston còn dừng lời trao đổi với Crys đôi lời từ biệt xã giao thường lệ. Trâm cố tiếp tục vớt vát câu chuyện về quê hương với Huy:

— Hôm nay em vừa đọc xong một đoạn Sử nước Anh thời ba mươi năm nội chiến, thế kỷ thứ mười lăm, thường được mệnh danh là cuộc chiến tranh Hoa Hồng. Dân chúng thì cũng đã từ lâu nhận thấy hoa hồng trắng cũng chẳng thơm hơn gì hoa hồng đỏ chỉ mong có hòa bình để chẵn tằm dệt vải, nuôi cừu dệt len nhưng các hoàng đế, hoàng tử, nam tước thì cương quyết sát phạt lẫn nhau cho đến khi cả hai dòng họ tham tàn đó chết vừa gần trọn ồ; dòng Tudor còn sót lại chú Henry Tudor; chú này giết nốt Richard tên vua quê đồng York rồi lên ngôi, lập Elizabeth làm hoàng hậu, cô này là người duy nhất còn sống sót của dòng York !

Trâm giỗi tia nhìn theo dây hành lang thăm thăm phủ thăm ló, thốt tiếng cười khê đợm về mĩa mai vô cùng và tiếp:

Anh có biết không em vẫn ước mong được sống trở lại thời cổ sơ đó. Lũ quý phái nắm quyền hành, chúng tham tàn, chúng tranh giành nhau danh vọng và quyền lợi nhưng đầu sao chúng cũng có được sự thắng thắng và can đảm là trực tiếp giao đấu với nhau, trực tiếp đem tính mạng mình đặt lên chiếu bạc. Chứ như bây giờ, thời buổi của kỹ thuật mới, những tên đầu sỏ chiến tranh chúng được bảo vệ an toàn quá đi...

Trâm chợt đổi sang tiếng Anh:

Ông Kia Bob anh đã ra từ bao giờ thế.

Huy cũng vừa nhận thấy Bob đã ra đứng sau hai người từ lúc nào. Chàng cười cúi chào từ biệt Bob và nói:

Xin lỗi anh Bob nhé, hai người Việt nam mà gặp nhau trên đất lạ thì không sao can được họ nói chuyện bằng tiếng mẹ đẻ, chúng tôi nói chuyện về quê hương chúng tôi.

Bob cười rất lịch sự và lời đáp thành thực của anh còn lịch sự hơn:

Không sao đâu anh, tôi ưa nghe tiếng Việt nam lắm, một ngôn ngữ thật giàu nhạc tính!

Ba người cúi chào nhau lần nữa và Huy còn đứng nguyên đó nhìn theo cho tới khi Trâm và Bob vào khuất trong thang máy.

Đến lượt các bạn khác của Crys tuần tự cáo từ. Người bạn cuối cùng vừa ra khỏi, Crys chạy lại ôm chầm lấy Huy.

Nhìn anh nói chuyện với Trâm em thật muốn ghen với Trâm! Em không muốn lần này cũng như lần trước anh chỉ ở đây với em có một tuần.

xuân kỷ dậu

Crys gục vào vai Huy muốn khóc. Huy vỗ vỗ lên vai nàng và nói câu chàng vẫn thường nói vào những trường hợp tương tự:

Crys này, em phải «thiền» chứ!

Kể từ khi Huy biết Crys ham đọc sách nói về Thiền, Huy vẫn dùng chữ «thiền» với Crys trong lời nói hay trong thư để ám chỉ một thái độ bình tĩnh chấp nhận vượt lên mọi trở ngại của hoàn cảnh. Crys cũng đã thấm nhuần khá nhiều tinh thần thiền đề mà hiểu vậy. Crys nói:

Em vào pha nước tắm nhé,

Huy hôn lên môi nàng rồi mới đáp:

Em vào đi.

Tiếng nước chảy đều bên trong. Huy kéo chiếc giường từ áp tường xuống. Hình hai chiếc gối nổi hẳn lên từ bên dưới chiếc khăn phủ giường mới tinh và thơm phức. Lẽ ra phút đó bao giờ cũng là phút Huy mong đợi nhất, không phải vì phút đó là phút của xác thịt bắt đầu lên ngôi bá quyền mà chính vì kể từ phút đó mối tình Crys và Huy mới được toàn vẹn vì có sự hoà hợp của xác thịt. Một mối tình vừa buông thả vừa thiết tha say đắm như vậy thật hiếm có trên thế gian này. Cùng hiểu như vậy nên cả Huy lẫn Crys luôn luôn tỏ thái độ mang ơn lẫn nhau rất chân thành.

Tiếng Crys gọi bên trong:

Xong rồi, vào tắm anh Huy!

Trong bồn tắm Huy âu yếm vuốt tóc Crys trong khi nàng hơi cúi xuống rửa phần trang điểm quanh mí mắt nàng, hai dòng nước xanh rỏ xuống khoảng bọt xà phòng trắng xóa phủ